

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nghệ An, 11/2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC-  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH




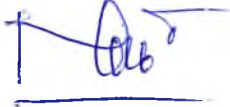


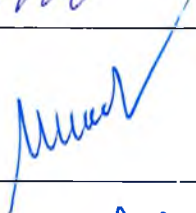

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**(Giai đoạn đánh giá: 2016 - 2021)**

*(Báo cáo kèm theo Công văn số 225/KĐCLV, ngày 11 tháng 11 năm 2021 của  
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc gửi  
Báo cáo Đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo)*

Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT Quan hệ công chúng của Học viện Bảo chí và Tuyên truyền đã được chuyên gia trong Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài cùng soạn thảo, trao đổi và thống nhất. Các thành viên của Đoàn cam kết những đánh giá, nhận định, kết luận trong báo cáo là khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng.

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam, Nguyên Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội	Trưởng Đoàn	
2	PGS.TS. Mai Văn Chung, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thư ký	
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thành viên thường trực	
4	TS. Đào Hải, Trường ĐH Hòa Bình	Thành viên	
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An, Trường ĐH Dược Hà Nội	Thành viên	
6	TS. Phan Văn Hiếu, Hội nghiên cứu biên tập công trình KH&CN Việt Nam	Thành viên	
7	TS. Lê Huy Tùng, Viện Đào tạo liên tục, ĐHBK Hà Nội	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Thị Minh, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Giám sát viên	

©Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Bản quyền Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO .....	i
Phần I. TỔNG QUAN .....	1
1. Giới thiệu.....	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài .....	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài .....	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT.....	3
3.2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến chất lượng của CTĐT .....	10
Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN .....	17
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của CTĐT .....	17
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT .....	24
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH .....	31
Tiêu chuẩn 4: PP tiếp cận trong dạy và học .....	38
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá KQHT của người học .....	46
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên .....	61
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ NV .....	79
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....	90
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị .....	100
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng .....	111
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra .....	124
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài .....	136
Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	139
Phần IV. PHỤ LỤC .....	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

BĐCL	Bảo đảm chất lượng
BGD	Ban Giám đốc
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT&HTSV	Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐCHP	Đề cương học phần
ĐT	Đào tạo
ĐTBD	Đào tạo, bồi dưỡng
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HP	Học phần
HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
KHCN	Khoa học công nghệ
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
KT-KĐCLĐT	Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NSDLĐ	Nhà sử dụng lao động
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học

PPGD	Phương pháp giảng dạy
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QĐ	Quyết định
QHCC	Quan hệ công chúng
QHCC&QC	Quan hệ công chúng và Quảng cáo
QLĐT	Quản lý đào tạo
QLKH	Quản lý khoa học
SV	Sinh viên
TCCB	Tổ chức cán bộ
TT	Thông tư

## PHẦN I. TỔNG QUAN

### 1. Giới thiệu

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (QHCC) của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (QHCC&QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 197/QĐ-KĐCLV ngày 16/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh (KĐCLGD-ĐHV). Đoàn gồm 07 thành viên, 01 Giám sát, do PGS. TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được và những kiến nghị đối với CTĐT ngành QHCC của HVBC&TT. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục A: Giới thiệu tóm tắt về Học viện, Khoa QHCC&QC;
- Phụ lục B: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành QHCC;
- Phụ lục C: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục D: Kế hoạch ĐGN;
- Phụ lục Đ: Công văn của Nhà trường phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm 30/08/2021, từ thực trạng của Nhà trường cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các BLQ (BLQ) trong quá trình đánh giá.

### 2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các PP (PP) đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

+ Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cung cấp để xác định những vấn đề chưa rõ trong các hoạt động của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT:

+ Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Nhà trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của sinh viên (SV) tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Nhà trường từ các bên liên quan (BLQ);

+ Phỏng vấn, thảo luận với các BLQ trong và ngoài trường; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị và các hoạt động trong Nhà trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 25/6/2021

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp (PP), tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu của các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 26/7/2021

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV đã họp online để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Nhà trường, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 01/10/2021

Trưởng đoàn ĐGN, thành viên thường trực đã tiến hành khảo sát sơ bộ trực tiếp tại Học viện; Thư ký, đại diện của Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cùng Giám sát làm việc trực tuyến. Đoàn đã làm việc với Lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng TĐG và đại diện các phòng, ban, trung tâm, Khoa QHCC&QC, các bộ môn của Khoa. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Nhà trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng cần bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn,...

Kết thúc đợt khảo sát, Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV, Trưởng đoàn ĐGN và Lãnh đạo Nhà trường đã ký kết Biên bản khảo sát sơ bộ.



(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 15-19/10/2021

Đoàn đã trao đổi, thảo luận trực tiếp với Lãnh đạo Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường, phỏng vấn các cán bộ quản lý chuyên môn (trưởng, phó các khoa, bộ môn); 20 GV ngành QHCC, 19 CB hỗ trợ và 07 CB đoàn thể; phỏng vấn online trên phần mềm Microsoft Teams đối với 15 nhà sử dụng lao động (NSDLĐ); khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 18 SV đại học chính quy, 17 cựu SV; khảo sát tình hình việc làm qua điện thoại với 32 SV tốt nghiệp ngành QHCC năm 2019 và 2020.

Đoàn đã dự giờ online lớp học phần “*Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*” (chiều ngày 15/10/2021). Đoàn cũng đã kiểm tra hoạt động thi vấn đáp bằng hình thức trực tuyến đối với 01 ca thi sáng ngày 17/10/2021.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(5) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 20-30/10/2021, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường.

(6) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành QHCC của HVBC&TT (ngày 08/11/2021), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 10/11/2021. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Nhà trường (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng quy định.

### **3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài**

#### **3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT ngành QHCC**

##### *(1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT*

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành QHCC đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của HV và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục.

CĐR của CTĐT ngành QHCC được xác định tương đối rõ ràng, bao quát được các yêu cầu mà người học cần đạt được sau tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu cơ bản của CBLQ, được định kỳ rà soát và chỉnh sửa bổ sung, được công bố công khai.

### *(2) Bản mô tả CTĐT*

Bản mô tả CTĐT ngành QHCC ban hành năm 2018, 2020 có đầy đủ các nội dung và thông tin theo quy định, được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của ngành QHCC.

ĐCHP của ngành QHCC (năm 2020) thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định. Cơ bản thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được sau khi học xong học phần; các ĐCCT học phần được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành QHCC được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau (công bố công khai trên Website, trong buổi gặp mặt SV đầu khóa học, tờ rơi, trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa,...), tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

### *(3) Cấu trúc và nội dung CTDH*

CTDH của ngành QHCC được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT, đảm bảo sự cân đối và logic giữa các học phần.

Mỗi học phần trong CTDH thể hiện được sự đóng góp cụ thể trong việc đạt được CĐR.

CTDH của ngành QHCC có cấu trúc hợp lý, thể hiện tính logic, tính tích hợp giữa các học phần; các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH được rà soát, cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với yêu cầu của đào tạo, yêu cầu CĐR và đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

### *(4) PP tiếp cận trong dạy và học*

Mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo bồi dưỡng (trong mục tiêu Chiến lược) đã được phổ biến rộng rãi đến các BLQ bằng nhiều hình thức đa dạng.

Trong quá trình tổ chức giảng dạy, các hoạt động dạy và học được thiết kế tương đối phù hợp nhằm đạt được CĐR.

Các hoạt động dạy và học đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm hướng đến việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT, cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

### *(5) Đánh giá KQHT của người học*

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành QHCC được thực hiện đúng quy trình theo quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện Báo chí và Tuyên truyền, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học.

Các PP KT&DG đa dạng, đảm bảo tương khách quan và công bằng.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại KQHT và có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT.

### *(6) Đội ngũ GV*

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV, trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD. Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt.

Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu ĐT, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban TCCB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Quy định đầy đủ về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và được giám sát chặt chẽ. Học viện đã chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH và đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và ĐG hằng năm học.

### *(7) Đội ngũ NV*

Đề án vị trí việc làm tại HVBC&TT năm 2020 quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng. Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục

vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị. Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể CB, GV và NV.

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Học viện ban hành.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc. Đối với Khoa QHCC&QC còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó cán bộ văn phòng Khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng.

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV.

Học viện có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

#### *(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Hàng năm Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, KH tư vấn ... với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng. Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đã chú trọng nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành QHCC trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe; về học bổng KKHT, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành QHCC như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV... Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp. Định kỳ hàng tháng, Khoa thu nhận ý kiến từ các lớp về hoạt động giảng dạy của GV, học tập, rèn luyện của NH, CSVC của Khoa/Học viện trong hỗ trợ hoạt động dạy-học; đồng thời hàng năm BGĐ Học viện đã tổ chức các buổi họp lắng nghe ý kiến từ NH.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành QHCC được liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CB, GV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng làm việc của Khoa QHCC&QC, của CBGV ngành QHCC đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập. Học viện đã trang bị đầy đủ CSVC để đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên/ của CBVC HVBC&TT.... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC, sử dụng khu vực công cộng, ...

Học viện có canteen phục vụ SV, CB, GV, NV đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

*(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Hệ thống phòng học, giảng đường của Học viện gồm: 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện và có 17 phòng thực hành. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV, Thư viện, ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở.

Khoa QHCC&QC có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH) của Học viện có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. TTTTKH sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9. TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4.500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu.

Ngành QHCC được bổ sung: năm 2016: 62 đầu sách với 818 bản; năm 2017: 81 đầu sách với 1,754 bản; năm 2018: 71 đầu sách với 505 bản; năm 2019: 74 đầu sách với 634 bản và năm 2020: 71 đầu sách với 372 bản; Tháng 10 năm 2021: 46 đầu sách với 652 bản. Ngành QHCC có 311 tài liệu số tại Thư viện số.

Khoa QHCC&QC có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa.

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin. Học viện hiện tại có 13 máy chủ, có 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm Quản lý đào tạo (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul Quản lý Khoa học; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong chu kỳ kiểm định Học viện đầu tư mua sắm

trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn về môi, sức khỏe và an toàn đã được Học viện xác định rõ ràng và thực hiện: Khuôn viên Học viện sạch đẹp; sức khỏe CB, GV và SV được quan tâm; công tác an ninh, trật tự, an toàn được đảm bảo. Ngoài ra Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có khoảng 40% diện tích dành cho cây xanh và môi trường.

#### *(10) Nâng cao chất lượng*

HVBC&TT đã thành lập mạng lưới BĐCL bên trong, xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì, Các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp; Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp; cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng;

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT, quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT và hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT;

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPDH, PPKTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR;

Ngành QHCC có nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được chuyển tải vào nội dung các môn học và để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV;

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng.

#### *(11) Kết quả đầu ra*

Học viện có Ban QLĐT chịu trách nhiệm giám sát KQHT của SV, thống kê, cập nhật số lượng SV bị cảnh báo học vụ, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trước hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QHCC. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong chu kỳ đánh giá là 12,4%, bình quân thời gian tốt nghiệp trung bình là

4,10 năm. Trung bình tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là 76,9%. Học viện có quy định và quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp; có tương đối đầy đủ số liệu khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp các năm 2016 đến năm 2019; hằng năm đều có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp với các thông tin theo quy định. Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt trung bình 99,5%, làm việc đúng ngành đào tạo là 78,5%. Tính bình quân 03 năm khảo sát cho 33,4% SV có việc làm với thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng.

Học viện đã ban hành các văn bản quản lý hoạt động NCKH SV, ban hành chính sách chi kinh phí thực hiện đề tài và các chính sách khen thưởng khác; ban hành một số quy định, quy trình có liên quan đến công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Hằng năm đã thực hiện 05 loại khảo sát khác nhau về mức độ hài lòng của SV, GV, cán bộ NV, NSDLĐ và cựu người học. Kết quả khảo sát đã được phân tích và đối sánh giữa các lần khảo sát để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng. Công cụ và phương thức khảo sát đã được cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Mức độ hài lòng của lần khảo sát sau nhìn chung cao hơn mức độ hài lòng của lần khảo sát trước đó.

### ***3.2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến của CTĐT QHCC***

#### ***(1) Mục tiêu và CDR của CTĐT***

Trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT thời gian tới, Nhà trường cần hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT theo hướng bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực hướng dẫn truyền bá và phổ biến kiến thức của người học vào mục tiêu cụ thể của CTĐT; đồng thời cần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về mục tiêu CTĐT.

HV/Khoa QHCC&QC cần rà soát và cập nhật CDR của CTĐT và CDR của học phần/môn học. Khi xây dựng CDR cần chú ý sử dụng các động từ phù hợp để có thể đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các CDR.

HV cần huy động tốt hơn sự tham gia của các BLQ vào việc xây dựng CDR. nhất là việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, chiến lược phát triển ngành của Chính phủ cũng như của các địa phương có liên quan. Cần rà soát lại quy định về công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với hoạt động ĐT của HV/Khoa để bổ sung nội dung khảo sát vào việc xây dựng bộ phiếu hỏi, đảm bảo bao phủ đầy đủ thông tin cụ thể, hữu ích từ mỗi đối tượng lấy ý kiến phản hồi, giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CDR và CTĐT hiệu quả hơn; nên quy định rõ số lượng đối tượng hỏi vào nội dung của



báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; bổ sung thêm quy định sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ để cải tiến mục tiêu, CDR và CTĐT của ngành QHCC.

### *(2) Bản mô tả CTĐT*

Nhà trường cần rà soát, thiết kế lại Bản mô tả CTĐT cho khoa học và bài bản hơn theo hướng đầy đủ các thông tin và theo trình tự về bản mô tả CTĐT (theo quy định tại Công văn hướng dẫn số 1669/QLCLGD, ngày 31/12/2019 của Bộ GD&ĐT) nhằm thu hút các BLQ tiếp cận với Bản mô tả CTĐT; đồng thời có hướng dẫn sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và người học; nên xem lại thể thức ban hành bản Bản mô tả CTĐT để đảm bảo theo đúng quy định về ban hành văn bản.

Khoa/ngành cần rà soát, hoàn thiện đề cương của tất cả các học phần trong CTĐT. Cần bổ sung mô tả mối quan hệ giữa CDR học phần với CDR của CTĐT, PP/hình thức KT&DG. Nhà trường cần ra quyết định ban hành ĐCHP tương ứng với CTĐT đã được phê duyệt và ban hành, đây là cơ sở quan trọng để các khoa, GV và SV thực hiện. Khi điều chỉnh ĐCHP, Khoa/Bộ môn cần tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần rộng rãi và đầy đủ hơn.

Nhà trường cần có chiến lược quảng bá để công bố công khai rộng rãi Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP ngành QHCC đa dạng hơn, giúp các BLQ được tiếp cận dễ dàng.

### *(3) Cấu trúc và nội dung CTDH*

HV/Khoa cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và NSDLĐ thường xuyên hơn, với số lượng phù hợp hơn để đảm bảo độ tin cậy của kết quả khảo sát. Khoa/Bộ môn cần bổ sung sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các học phần trong khung CTĐT.

HV/Khoa cần rà soát lại CDR của một số học phần để xác định lại CDR (nên áp dụng ngôn ngữ diễn đạt của thang Bloom) để đảm bảo có thể đo lường đánh giá được: xác định rõ ràng, chính xác hơn mức độ đóng góp của nội dung/CDR của học phần đạt CDR của CTĐT. Cần rà soát lại các PPDH của một số học phần để bổ sung hoặc điều chỉnh PPDH cho phù hợp với nội dung của học phần. Nên nghiên cứu, đổi mới việc khảo sát với đa dạng đối tượng và số lượng lớn hơn, thiết kế câu hỏi khoa học hơn và bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP để có thể thu thập được nhiều thông tin hữu ích hơn cho việc đổi mới nội dung học phần trong CTDH đáp ứng CDR.

Trong thời gian tới khi rà soát điều chỉnh CTDH, cần rà soát và tích hợp các nội dung, thứ tự sắp xếp các học phần để đảm bảo tính logic của CTDH.

#### *(4) PP tiếp cận trong dạy và học*

HV cần sớm có văn bản phê duyệt và tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục (hiện mới có mục tiêu đào tạo bồi dưỡng công bố trong mục tiêu chiến lược). Sau khi có quyết định phê duyệt triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục cần có kế hoạch phổ biến, giới thiệu với các hình thức đa dạng hơn, đặc biệt quan tâm hơn về công tác truyền thông đến các BLQ; nên có hướng dẫn cụ thể để giải thích đầy đủ nội hàm của triết lý giáo dục tới các BLQ và các đơn vị, cá nhân ngoài HV; phổ biến trực tiếp để cán bộ, GV và SV của HV/Khoa hiểu rõ và vận dụng trong việc thiết kế CTĐT, xây dựng PP dạy-học, NCKH và PVCD.

HV/Khoa cần rà soát bổ sung thêm một số PPDH hướng tới tính thực tiễn cao phù hợp với nội dung của học phần, như: Dạy học theo tình huống, giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, mô hình...; Cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới PPDH của GV, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy và học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm (Learning service), đồng thời tích cực ứng dụng CNTT trong dạy-học. Khắc phục tình trạng lớp học quá đông, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong quá trình dạy-học.

HV/Khoa cần định kỳ tổng kết, đánh giá các PP dạy học được GV sử dụng để thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm, đồng thời cần có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PP dạy học đến hoạt động tự học của SV để cải tiến PP dạy cách học và tự học cho SV. Ngoài ra, cần tăng cường các CLB học thuật, các hoạt động rèn nghề và kỹ năng mềm cho SV.

#### *(5) Đánh giá KQHT của người học*

HV/Khoa cần rà soát về thiết kế các PP KTĐG để đo lường mức độ đạt được CĐR của các học phần, nhất là đối với chuẩn về kỹ năng và chuẩn về mức độ tự chủ, trách nhiệm. Nhà trường cần có hướng dẫn đầy đủ về việc phân tích, đánh giá PP KTĐG; đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm, giao làm tiểu luận... Trong đó, quy định rõ căn cứ đánh giá, cách thức thực hiện; sử dụng kết quả phân tích, đánh giá để cải tiến PPKTĐG cho phù hợp với mục đích/mục tiêu đánh giá, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của người học. Định kỳ cần phân tích KQHT của SV để có sự đối sánh đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của đề thi và PP KTĐG.

HV/Khoa cần rà soát và hoàn thiện hơn bộ câu hỏi khảo sát để đảm bảo các thông tin thu thập được bao phủ toàn diện được những vấn đề cần khảo sát và có nhiều thông

tin hữu ích. Cần rà soát PP KTĐG của các học phần (bao gồm cả đáp án bài thi) theo hướng định lượng, cụ thể.

HV nên bổ sung modul phân tích kết quả thi trong phần mềm QLĐT để GV có thể phân tích được KQHT của lớp SV do mình phụ trách. Cuối mỗi học kỳ, Khoa và các đơn vị liên quan cần phân tích KQHT của SV, có đối sánh với các khoá trước và đối sánh với các hình thức KTĐG khác để đánh giá độ tin cậy, chính xác của PP KTĐG và của đề thi kiểm tra. Nhà trường nên cử GV tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục để có thể định lượng đánh giá các đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng.

HV cần điều chỉnh Quy định về thời gian công bố KQHT cho người học sớm hơn. Cần tăng cường giám sát việc phản hồi KQHT cho SV kịp thời theo đúng quy định. Nên thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về cách thức, thời gian phản hồi KQHT bài bản và thường xuyên hơn.

Quy định về phúc khảo bài thi cần được mô tả rõ ràng hơn về quy trình chấm phúc khảo. Nên có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận.

#### *(6) Đội ngũ GV*

Trên cơ sở Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT, nhu cầu đội ngũ CB, GV theo các nhóm ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động NCKH, HTQT, PVCD, Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD.

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành QHCC, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến; chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH) làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng

lực GV bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực.

Nhà trường cần quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án. Nên thường niên đối sánh kết quả NCKH với các ngành khác trong Học viện và với cơ sở đào tạo khác trong nước.

#### *(7) Đội ngũ NV*

Học viện nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm. Học viện/Khoa nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ NV, quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí đánh giá năng lực cần gắn với đề án vị trí việc làm. Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại.

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, Học viện BC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV.

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua, nên cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế, khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ NV.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế,

quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá.

*(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh một cách chặt chẽ bài bản.

Học viện/Khoa QHCC&QC, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém và giảm tỷ lệ SV thôi học.

Học viện/Khoa QHCC&QC cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện/Khoa QHCC&QC cần quan tâm hơn tới hoạt động tư vấn học tập hỗ trợ việc làm đối với NH.

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế.

*(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số

Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành QHCC nói riêng. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới, Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Học viện/Khoa QHCC&QC cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản. Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hệ thống cung cấp mạng wifi cho người dùng nên được cấp theo phiên làm việc, hoặc được

phân luồng băng thông phù hợp cho GV, SV của Học viện khi sử dụng nhằm tăng hiệu suất sử dụng mạng.

*(10) Nâng cao chất lượng*

Cần hoàn thiện hệ thống hệ thống văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác BĐCL bên trong, văn bản quy định hoạt động, KTĐG... để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Hoạt động đối sánh cần được chú trọng, và thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT cần được chú trọng rà soát, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, cần đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Chú trọng việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

*(11) Kết quả đầu ra*

Học viện nên ban hành hướng dẫn chi tiết về thời điểm thống kê báo cáo, phương thức tính toán thống kê, sử dụng kết quả thống kê về tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT theo khoá học để cải tiến chất lượng. Nên phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành học. Cần cải tiến bộ câu hỏi khảo sát NSDLĐ và cựu SV về chất lượng người học sau tốt nghiệp để có được thông tin hữu ích hơn. Trong thời gian tới, Khoa cần lưu tâm đến các giải pháp để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo. Ngoài việc trang bị kiến thức, cần chú ý tăng cường kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết và diễn đạt, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cho SV để các em thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Cần có giải pháp khuyến khích SV tham gia NCKH và khuyến khích GV tham gia hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH SV. Học viện cần định kỳ tổng kết đánh giá tính hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương thức khảo sát sự hài lòng của các BLQ để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH trong GV cũng như trong SV của ngành học.

## PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

### TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CỜ ĐÓNG CỦA CTĐT

*Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.*

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.1*

Từ năm 2014, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, trong đó có thực hiện đối với CTĐT ngành QHCC (QĐ số 3331/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 15/9/2014). Từ đó đến nay, CTĐT ngành QHCC đã được rà soát, cập nhật 3 lần vào các năm 2016, 2018 và 2020 (các QĐ số 754/QĐ - HVBC&TT-ĐT ngày 22/02/2016; số 4971-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 26/10/2018; số 3909-QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020). Trong đó, mục tiêu của CTĐT đã được xác định rõ ràng, đó là: “Đào tạo đội ngũ chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn bậc đại học về chuyên ngành QHCC, khả năng thực hiện công tác QHCC trong các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học”.

Mục tiêu chung (CTĐT năm 2020) được chi tiết hoá thành 12 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT về cơ bản phù hợp với sứ mạng của HVBC&TT: “Là trường Đảng, trường đại học trọng điểm quốc gia, Học viện BC & TT thuộc Học viện CTQG Hồ Chí Minh có sứ mệnh NCKH, ĐT, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác”; phù hợp với mục tiêu đào tạo con người Việt Nam tại điều 2 Luật Giáo dục 2005 và mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Điều 5, Luật Giáo dục đại học 2012, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14; phù hợp với Thông tư 07 năm 2015, Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông; Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam...

Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT, Kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tín chỉ và Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện

CTĐT đại học (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/05/2018; KH số 2782/KH-HVBC&TT-ĐT ngày 15/6/2018; HD số 3094/HD-HVBC&TT-ĐT 18/6/2018). Khoa QHCC đã tiến hành tham khảo các CTĐT và mục tiêu của các CTĐT cùng khối ngành ở trường khác để so sánh đánh giá và đưa ra các mục tiêu phù hợp như: Chương trình ngành QHCC của Học viện KHXH&NV, Đại học Quốc Gia Hà Nội (2020). Mục tiêu của CTĐT ngành QHCC được xây dựng, chỉnh sửa, thông qua các cuộc họp thảo luận chuyên môn của các Bộ môn, của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa QHCC cũng như của Hội đồng khoa học Học viện (Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018, 2020).

Ngoài ra, trong mỗi lần rà soát chỉnh sửa CTĐT, Khoa QHCC&QC đều tổ chức họp lấy ý kiến của các BLQ và khảo sát về CTĐT (Biên bản Hội thảo mở rộng lấy ý kiến của các đơn vị liên kết đào tạo, các nhà khoa học, các NSDLĐ, cựu SV về CTĐT ngành QHCC ngày 29/6/2018; Tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động ngành QHCC ngày 03/5/2020); đồng thời tổ chức khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các BLQ về chất lượng đào tạo ngành QHCC (các KH số 5159/KH/HVBC&TT ngày 08/11/2018; số 2675/KH/HVBC&TT ngày 10/7/2020). Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy: 90% NSDLĐ cho rằng SV ngành QHCC đáp ứng được yêu cầu công việc, không phải đào tạo lại và 66,7% cựu SV phản hồi sau khi đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 1.1*

Mục tiêu của CTĐT ngành QHCC chưa thể hiện rõ năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Việc lấy ý kiến nhận xét của các BLQ về mục tiêu của CTĐT còn chưa rộng, số lượng chưa nhiều (chủ yếu tập trung ở Doanh nghiệp), bởi vậy hiệu quả sử dụng để cải tiến CTĐT còn hạn chế.

### *3. Những lĩnh vực cần cải tiến của tiêu chí 1.1*

Trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT thời gian tới, Nhà trường cần hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT theo hướng bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực hướng dẫn truyền bá và phổ biến kiến thức của người học vào mục tiêu cụ thể của CTĐT; đồng thời cần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về mục tiêu CTĐT.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 1.1 đạt mức: 4/7*



***Tiêu chí 1.2: CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.2*

CDR ngành QHCC được xây dựng lần đầu vào năm 2018 (QĐ số 4971-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 26/10/2018), được rà soát, cập nhật vào năm 2020 (QĐ số 3909-QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020), trong đó về cơ bản phản ánh được các yêu cầu tối thiểu của người học về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp. Các CDR về ngoại ngữ, tin học trong năm 2018 được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo đó, Nhà trường quy định tất cả SV từ khóa 34 khi tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng tin học cơ bản. CDR này cũng xác định vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của SV ngành QHCC.

Đến năm 2020 CDR tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, trong đó CDR của CTĐT ngành QHCC (17 CDR) bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành QHCC của Học viện. Cụ thể, để tốt nghiệp ngành QHCC, người học cần phải hoàn thành 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh). Trong đó, phần kiến thức cũng chỉ rõ các chuẩn kiến thức chung của Học viện (PLO 01; PLO 02), các chuẩn kiến thức về cơ sở ngành (PLO 03; PLO 04; PLO 05) và có các yêu cầu chuyên biệt là các kiến thức chuyên ngành (PLO 06; PLO 07). Trong CDR về kỹ năng cũng thể hiện kỹ năng chung (PLO 08; PLO 09; PLO 10; PLO 11) và kỹ năng chuyên ngành (PLO 12; PLO 13; PLO 14) theo hướng chuyên sâu về lĩnh vực truyền thông, QHCC. CDR về mức tự chủ và trách nhiệm cũng được cụ thể hóa thành các năng lực thành phần (PLO 15; PLO 16 và PLO 17), trong đó chú trọng năng lực tự chủ và trách nhiệm thuộc lĩnh vực QHCC và truyền thông. Có thể nói, các CDR về cơ bản gắn với mục tiêu của CTĐT, điều này được thể hiện sự đóng góp của các học phần trong ma trận CDR của CTĐT (Ma trận đáp ứng mục tiêu các CDR của CTĐT năm 2020).

Việc xây dựng CDR đều được dựa theo các văn bản hướng dẫn, quy định của Học viện đối với CDR ngành đào tạo (HD số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày

29/04/2020) và Khung trình độ quốc gia bậc 6 (bậc đại học) của Thủ tướng Chính phủ (QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016); các quy định CĐR ngoại ngữ, tin học cho SV đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (TT số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông ngày 11/3/2014; số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24/01/2014) và có sự tham khảo CĐR CTĐT ngành QHCC của một số CSGD ĐH khác trong nước (Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, ĐHQGHN; Học viện Ngoại giao) và nước ngoài (CTĐT cử nhân Quảng cáo, truyền thông và thương hiệu của Trường ĐH Middlesex, Anh).

Ngoài ra, việc xác định CĐR của CTĐT còn được tham khảo ý kiến đóng góp của các BLQ (Biên bản họp ngày 29/6/2018; Biên bản họp ngày 08/12/2019 lấy ý kiến góp ý của các BLQ về MTĐT, CĐR và CTĐT ngành QHCC), đồng thời lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa, kết quả: Có 76,7% SV cuối khóa (năm 2019) và 84% SV cuối khóa (năm 2020) hài lòng về CTĐT có mục tiêu và CĐR cụ thể rõ ràng.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 1.2*

Năm 2018, HVBC&TT đã chính thức ban hành CĐR, tuy nhiên việc sử dụng động từ để mô tả một vài CĐR còn chưa thực sự chuẩn xác và trong cùng một CĐR lại có 2 động từ với cấp độ khác nhau dẫn đến khó đo lường và đánh giá (hiểu và vận dụng...). Một số CĐR về kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm còn khó đo lường và định lượng.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ còn chưa được đầy đủ.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 1.2:*

HV/Khoa cần rà soát và cập nhật CĐR của CTĐT và CĐR của học phần/môn học. Khi xây dựng CĐR cần chú ý sử dụng các động từ phù hợp để có thể đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các CĐR.

Cần thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đầy đủ và thường xuyên hơn.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.2*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 1.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 1.3*

Nhà trường đã tiến hành xây dựng và điều chỉnh CTĐT theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015) và Khung độ Quốc gia (Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016); các quy định CĐR ngoại ngữ, tin học cho SV đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (các TT số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11/3/2014; số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 24/01/2014) và thực hiện theo các văn bản hướng dẫn, quy định của Học viện đối với CĐR ngành đào tạo (HD số 2645/HD- HVBC&TT-ĐT, ngày 29/04/2020), đồng thời tham khảo CĐR của một số CSGD ĐH khác và so sánh CĐR của CTĐT QHCC với CĐR của CTĐT các ngành khác của Học viện (2020).

Trong giai đoạn đánh giá, CĐR của CTĐT ngành QHCC đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện 02 năm/lần theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể quá trình rà soát từ CĐR (thực chất là mục tiêu) của CTĐT năm 2016 được chỉnh sửa năm 2018 (Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT, số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/05/2018; Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT đại học, số 3094/HD-HVBC&TT-ĐT ngày 18/6/2018; Kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tín chỉ, số 2782/KH-HVBC&TT-ĐT ngày 15/6/2018; Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành QHCC, ngành Quảng cáo số 4108/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 17/ 9/2018; Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018...) và năm 2020 (Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/04/2020; Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học số 3056/KH-HVBC&TT, ngày 15/05/2020; Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 31/05/2020; Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020).

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT và CĐR, Trường/Khoa đã tổ chức khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến ngành QHCC (Tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động ngành QHCC ngày 03 tháng 5 năm 2020) và lấy ý kiến góp ý của các BLQ trong đó có NSDLĐ (Biên bản họp ngày 29/6/2018; Biên bản họp ngày 08/12/2019) và tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CBLQ, kết quả cho thấy: Có 100% ý kiến của các NSDLĐ hài lòng về tổng thể CTĐT ngành QHCC và 77,4% SV (năm 2019), 72% SV (năm 2020) hài lòng về Khối lượng kiến thức được xác lập trong CTĐT đáp ứng được mục tiêu và CĐR.

Đối sánh hai phiên bản CĐR của CTĐT ngành QHCC nhận thấy, nếu như phiên bản CĐR năm 2018 tách kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành thì CĐR năm 2020 gộp kiến thức này thành kiến thức ngành và xây dựng CĐR theo nhóm các môn học. CĐR chương trình năm 2020 đã được xây dựng khá toàn diện với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, Chuẩn về kỹ năng, Chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các nội dung này được cụ thể hóa thành 17 CĐR. Trong chuẩn về kiến thức, CĐR năm 2020 đã nêu cụ thể 3 khối kiến thức gồm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn về kỹ năng, CĐR năm 2020 đã nêu rõ kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành gắn với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Đồng thời các CĐR của năm 2020 đã tham chiếu sử dụng thang đo nhận thức để biểu đạt các mức độ cụ thể về nhận thức, kỹ năng, và thái độ. Do đó các CĐR của năm 2020 được xác định rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn (Bảng đối sánh mục tiêu - CĐR và nhu cầu các BLQ năm 2020). Bên cạnh với bản mô tả CĐR là ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào thực hiện CĐR của CTĐT.

Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR ngành QHCC đều được Học viện, Khoa QHCC&QC ban hành và công bố rộng rãi, công khai tới các cán bộ GV và người học, người sử dụng lao động và xã hội thông qua website của Học viện, của Khoa và Sổ tay SV, cũng như các buổi giới thiệu CTĐT hay các ngày hội Open-day hàng năm.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 1.3*

Việc khảo sát các BLQ về CĐR chưa được thực hiện một cách đầy đủ. Số lượng phiếu còn ít, nội dung phiếu khảo sát chưa bao phủ được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT (chỉ hỏi sự hài lòng chung chung); báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát cũng còn chung chung nên hiệu quả của việc tham khảo ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, cập nhật CĐR chưa cao.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 1.3*

Nhà trường cần huy động tốt hơn sự tham gia của các BLQ vào việc xây dựng CĐR, nhất là việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, chiến lược phát triển ngành của Chính phủ cũng như của các địa phương có liên quan. Cần rà soát lại quy định về công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với hoạt động ĐT của HV/Khoa để bổ sung nội dung khảo sát vào việc xây dựng bộ phiếu hỏi, đảm bảo bao phủ đầy đủ thông tin cụ thể, hữu ích từ mỗi đối tượng lấy ý kiến phản hồi, giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT hiệu quả hơn; nên quy định rõ số lượng đối tượng hỏi vào

nội dung của báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; bổ sung thêm quy định sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ để cải tiến mục tiêu, CĐR và CTĐT của ngành QHCC.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 1.3*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 1.3 đạt mức: 4/7.*

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 1:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành QHCC đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của HV và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục.

CĐR của CTĐT ngành QHCC được xác định tương đối rõ ràng, bao quát được các yêu cầu mà người học cần đạt được sau tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu cơ bản của các BLQ, được định kỳ rà soát và chỉnh sửa bổ sung, được công bố công khai.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Mục tiêu của CTĐT ngành QHCC chưa thể hiện rõ năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Việc lấy ý kiến nhận xét của các BLQ về mục tiêu của CTĐT còn chưa rộng rãi, số lượng chưa nhiều, bởi vậy hiệu quả chưa cao.

Năm 2018 HV đã chính thức ban hành CĐR, tuy nhiên việc sử dụng động từ để mô tả một vài CĐR còn chưa thực sự chuẩn xác và trong cùng một CĐR lại có 2 động từ với cấp độ khác nhau (hiểu và vận dụng...) dẫn đến khó đo lường và đánh giá. Một số CĐR về kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm còn khó đo lường và định lượng. Việc lấy ý kiến phản hồi của CBLQ còn chưa được đầy đủ.

Việc khảo sát các BLQ về CĐR chưa được thực hiện một cách đầy đủ. Số lượng phiếu còn ít, nội dung phiếu khảo sát chưa bao phủ được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT; báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát cũng còn chung chung nên hiệu quả huy động sự tham gia ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, cập nhật CĐR chưa cao.

#### **+ Kiến nghị**

Trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT thời gian tới, Nhà trường cần hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT theo hướng bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực

hướng dẫn truyền bá và phổ biến kiến thức của người học vào mục tiêu cụ thể của CTĐT; đồng thời cần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về mục tiêu CTĐT.

HV/Khoa cần rà soát và cập nhật CDR của CTĐT và CDR của học phần/môn học. Khi xây dựng CDR cần chú ý sử dụng các động từ phù hợp để có thể đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các CDR.

HV cần huy động tốt hơn sự tham gia của các BLQ vào việc xây dựng CDR, nhất là việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, chiến lược phát triển ngành của Chính phủ cũng như của các địa phương có liên quan. Cần rà soát lại quy định về công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với hoạt động ĐT của HV/Khoa để bổ sung nội dung khảo sát vào việc xây dựng bộ phiếu hỏi, đảm bảo bao phủ đầy đủ thông tin cụ thể, hữu ích từ mỗi đối tượng lấy ý kiến phản hồi, giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CDR và CTĐT hiệu quả hơn; nên quy định rõ số lượng đối tượng hỏi vào nội dung của báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; bổ sung thêm quy định sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ để cải tiến mục tiêu, CDR và CTĐT của ngành QHCC.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 1	<i>Tiêu chí 1.1</i>				4				<b>4,00</b>
	<i>Tiêu chí 1.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 1.3</i>				4				

## **TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CTĐT**

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.***

#### ***1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.1***

Bản mô tả CTĐT ngành QHCC đã được Nhà trường thực hiện lần đầu tiên vào năm 2018 và được cập nhật vào năm 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 4971/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 28/10/2018; Ban hành kèm theo Quyết định số 3909/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020). Trong quá trình cập nhật, điều chỉnh bản mô tả CTĐT Nhà trường/Khoa đã thực hiện theo: Quyết định số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày

22/02/2016 về Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2244/QĐ-HVBC&TT, ngày 23/05/2018; QĐ số 2643/QĐ-HVBC&TT, ngày 29/04/2020 về ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT; Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học số 3056/KH-HVBC&TT, ngày 15/05/2020; số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 31/05/2020 và Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành QHCC số 2588-QĐ/HVBC&TT ngày 08/07/2020...

Các Bản mô tả CTĐT ngành QHCC đã cung cấp tương đối đầy đủ các nội dung theo quy định, như: Tên chương trình, văn bằng, trình độ đào tạo, mã số... và cấu trúc Bản mô tả CTĐT bao gồm: 1. Mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học); 2. Căn cứ xây dựng chương trình (căn cứ thực tiễn, căn cứ pháp lý); 3. CĐR (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm); 4. Thời gian đào tạo; 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa; 6. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh; 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; 8. Hình thức, PPDH; 9. Cách thức đánh giá; 10. Nội dung chương trình (cấu trúc chương trình, chương trình khung, ma trận CĐR CTĐT, ma trận mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận đáp ứng khối kiến thức và CĐR của CTĐT, ma trận đáp ứng giữa PPDH và CĐR của CTĐT, ma trận đáp ứng KTĐG và CĐR của CTĐT, mô tả các học phần); 11. Hướng dẫn thực hiện (kế hoạch đào tạo dự kiến, các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình và kế hoạch điều chỉnh CTĐT) - Quyết định về việc ban hành CTĐT ngành QHCC năm 2020 Số 3909-QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020.

So với bản Mô tả CTĐT năm 2018, bản mô tả CTĐT năm 2020 đã cập nhật được những vấn đề cơ bản theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, đã cập nhật những thông tin trên cơ sở rà soát bản mô tả CTĐT của năm 2018, điều chỉnh theo sự thay đổi của các CĐR của CTĐT ngành QHCC phù hợp với quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Kết quả khảo sát NSDLĐ năm 2020 có 100% ý kiến phản hồi hài lòng về CTĐT và bản mô tả CTĐT; có 80 % ý kiến của GV, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của Khoa QHCC&QC đánh giá: bản mô tả CTĐT QHCC có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể hiểu về CTĐT; có trên 70% cựu SV (K35) sau một năm ra trường phản hồi hài lòng và hoàn toàn hài lòng về CTĐT.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 2.1*

Bản mô tả CTĐT có nhiều thông tin đáp ứng quy định, tuy nhiên đề cương các môn học/học phần mới chỉ được giới thiệu mục tiêu và tóm tắt nội dung. Trong bản mô tả CTĐT năm 2020 đã có hướng dẫn thực hiện tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể việc sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và người học.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.1*

Nhà trường cần rà soát, thiết kế lại Bản mô tả CTĐT cho khoa học và bài bản hơn theo hướng đầy đủ các thông tin và theo trình tự về bản mô tả CTĐT (theo quy định tại Công văn hướng dẫn số 1669/QLCLGD, ngày 31/12/2019 của Bộ GD&ĐT) nhằm thu hút các BLQ tiếp cận với Bản mô tả CTĐT; đồng thời có hướng dẫn sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và người học; nên xem lại thể thức ban hành bản Bản mô tả CTĐT để đảm bảo theo đúng quy định về ban hành văn bản.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.1*

(Không có).

### *5.Đánh giá tiêu chí 2.1 đạt mức: 4/7.*

## ***Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.2*

HVBC&TT đã ban hành Quyết định số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 22/02/2016 về Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2244/QĐ-HVBC&TT, ngày 23/05/2018; Quyết định số 2643/QĐ-HVBC&TT, ngày 29/04/2020 về ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT; Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học số 3056/KH-HVBC&TT, ngày 15/05/2020; số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 31/05/2020 và Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành QHCC số 2588-QĐ/HVBC&TT ngày 08/07/2020... Theo đó Khoa QHCC&QCVà bộ môn chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng, cập nhật ĐCHP.

Các ĐCHP của CTĐT QHCC được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2018. 2020.

Nếu như, ĐCHP năm 2016 và năm 2018 có các mục cơ bản như: Thông tin về GV; Thông tin chung về học phần; Mục tiêu của học phần; CĐR (phần này chỉ riêng năm 2018 mới có); Tóm tắt nội dung học phần; Nội dung chi tiết và CĐR học phần; Học liệu; PP và hình thức KTĐG; Hệ thống câu hỏi ôn tập, thi sau quá trình chỉnh sửa, bổ sung, năm 2020, 100% các ĐCHP đã cơ bản theo đúng quy định, bao gồm: Thông tin



về GV; Thông tin chung về học phần (tên học phần bằng tiếng Anh, mã học phần, số tín chỉ; học phần tiên quyết, loại học phần, yêu cầu khác, phân bổ tín chỉ: lý thuyết, thực hành và giờ tự học, khoa/bộ môn phụ trách học phần); Mục tiêu của học phần; CDR; Tóm tắt nội dung học phần; PP dạy học; Nội dung chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy; Học liệu; KTĐG; Chính sách môn học; Cấp phê duyệt; Ngày phê duyệt.

ĐCHP sau khi được nghiệm thu được chuẩn hóa, thống nhất trong toàn bộ CTĐT ngành QHCC. Người học và các BLQ có thể tiếp cận ĐCHP trên Khoa, trên website của Học viện. Ngoài ra, trong quá trình học, mọi SV đều được GV cung cấp ĐCHP và hướng dẫn chuẩn bị bài.

ĐCHP của CTĐT ngành QHCC đã được rà soát, cập nhật, cụ thể: Căn cứ Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa tổ chức triển khai rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ĐCHP sau khi cập nhật CDR và chương trình khung của CTĐT ngành QHCC, cũng như dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các BLQ. GV phụ trách học phần thực hiện rà soát, cập nhật ĐCHP (Khâu này, các GV tập trung hoàn thiện đầy đủ các đầu mục trong ĐCHP, đồng thời cập nhật nội dung bài giảng...), sau đó, tổ bộ môn tổ chức họp góp ý về việc điều chỉnh, cập nhật ĐCHP trình Khoa (các biên bản họp bộ môn QHCC về việc rà soát, sửa đổi ĐCHP vào tháng 6, 7 năm 2020); Dựa trên ý kiến đề nghị chỉnh sửa ĐCHP của tổ bộ môn, Hội đồng khoa học Khoa thẩm định và nghiệm thu (Biên bản họp Khoa QHCC&QC về sửa đổi CTĐT và ĐCHP ngành QHCC năm 2020). Học viện công bố ĐCHP trên Cổng thông tin SV, và GV giới thiệu ĐCHP trong mỗi học phần đảm nhiệm.

Trong các năm 2017, 2019 và 2020 Học viện/Khoa đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của SV về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần. Kết quả cho thấy: Với SV đang theo học, tỷ lệ hài lòng về môn học năm 2017 là 80,65%; 2019 là 81,67% và năm 2020 là 82,35% . Với SV cuối khóa, tỷ lệ hài lòng về “Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp, chuyên môn” năm 2017 là 59,1%; năm 2019 là 75,5% và năm 2020 là 76%. Có 79,2% SV hài lòng với “Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV”.

## *2. Tôn tại của tiêu chí 2.2*

Mặc dù 100% học phần đã có đề cương đầy đủ theo quy định, tuy nhiên cần có văn bản phê duyệt ĐCHP sau mỗi lần điều chỉnh CTĐT. Trong ĐCHP, chưa có mô tả chi tiết mối quan hệ giữa CDR học phần với CDR CTĐT. Một số ĐCHP chưa thể hiện

rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học và chưa có PPDG việc tự học của SV. Có nhiều ĐCHP có Tài liệu tham khảo quá cũ (đầu năm 2000); hầu như toàn bộ ĐCHP không có ngày tháng năm phê duyệt...

Việc khảo sát các BLQ trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT và ĐCHP chưa được toàn diện, chủ yếu tập trung nhiều vào lấy ý kiến của SV (sự tham gia ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản lý còn rất ít).

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.2*

Khoa/ngành cần rà soát, hoàn thiện đề cương của tất cả các học phần trong CTĐT. Cần bổ sung mô tả mối quan hệ giữa CDR học phần với CDR của CTĐT, PP/hình thức đánh giá mỗi CDR của học phần. Để đảm bảo tính pháp lí của CTĐT, Nhà trường cần ra quyết định ban hành ĐCHP tương ứng với CTĐT đã được phê duyệt và ban hành, đây là cơ sở quan trọng để các khoa, GV và SV thực hiện.

Khi điều chỉnh ĐCHP, Khoa/Bộ môn cần quan tâm hơn đến việc góp ý của các BLQ về nội dung của học phần cũng như việc xác định chính xác hơn sự đóng góp của học phần vào thực hiện CDR. xác định PP KTĐG có tính khả thi và hợp lí hơn. Cần tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần rộng rãi và đầy đủ hơn.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 2.2 đạt mức: 3/7.*

***Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 2.3*

Bản mô tả CTĐT của ngành QHCC được công bố công khai kèm theo theo quyết định phê duyệt của Giám đốc học viện (các QĐ số 3331/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 15/9/2014; số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 22/02/2016; số 4971/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 28/10/2018; số 3909/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020). Tại thời điểm ĐGN, Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QHCC được Khoa QHCC&QC xác nhận, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử Nhà trường (Website HV BC&TT) và trang thông tin điện tử của Khoa; Khoa dùng Bản mô tả CTĐT để giới thiệu về CTĐT đến từng CB, GV trong các buổi họp Khoa, đồng thời gửi tới hòm thư điện tử của CB, GV

Khoa và các bộ môn giảng dạy cho ngành QHCC; triển khai CTĐT đến SV qua nhiều kênh thông tin công khai khác như: Sổ tay SV, giới thiệu tại tuần Giáo dục công dân đầu khóa học của SV; ngày hội tuyển sinh AJC Open day; cố vấn học tập giới thiệu CTĐT và tư vấn, hỗ trợ SV trong quá trình lựa chọn học phần và xây dựng kế hoạch học tập. Đồng thời, Bản mô tả CTĐT được lưu giữ tại Ban QLĐT, Văn phòng Khoa QHCC&QC để GV, SV dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả CTĐT ngành QHCC và ĐCHP được rà soát, cập nhật theo đúng CTĐT đã được rà soát, cập nhật năm 2018 và 2020.

Tại thời điểm ĐGN, Đoàn ĐGN đã kiểm tra trực tiếp trên cổng thông tin điện tử của Học viện và có thấy Bản mô tả CTĐT và ĐCHP của CTĐT ngành QHCC.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 2.3*

Hình thức truyền thông, phổ biến bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QHCC còn chưa đa dạng. Học sinh phổ thông và phụ huynh lớp 12 ở các trường THPT, cũng như một số các nhà quản lý, các NSDLĐ và cựu SV chưa tiếp cận được.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 2.3*

Nhà trường cần có chiến lược quảng bá để công bố công khai rộng rãi Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QHCC đa dạng hơn, giúp các BLQ được tiếp cận dễ dàng.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 2.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 2.3 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 2:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Bản mô tả CTĐT ngành QHCC ban hành năm 2018, 2020 có đầy đủ các nội dung và thông tin theo quy định, được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của ngành QHCC.

ĐCHP của ngành QHCC (năm 2020) thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định, cơ bản thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được sau khi học xong học phần; các ĐCCT học phần được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành QHCC được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau (công bố công khai trên Website, trong buổi

gặp mặt SV đầu khóa học, tờ rơi, trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa,...), tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Bản mô tả CTĐT có nhiều thông tin đáp ứng quy định. tuy nhiên đề cương các môn học/học phần mới chỉ được giới thiệu mục tiêu và tóm tắt nội dung. Trong bản mô tả CTĐT (2020) chưa có hướng dẫn cụ thể việc sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và người học.

Mặc dù 100% học phần đã có đề cương đầy đủ theo quy định, tuy nhiên cần có văn bản phê duyệt ĐCHP sau mỗi lần điều chỉnh CTĐT. Trong đề cương HP, chưa có mô tả chi tiết mối quan hệ giữa CDR học phần với CDR CTĐT. Một số ĐCHP chưa thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học và chưa có PPĐG việc tự học của SV. Có nhiều ĐCHP Tài liệu tham khảo quá cũ (đầu năm 2000); hầu như toàn bộ ĐCHP không có ngày tháng năm phê duyệt...

Việc khảo sát các BLQ trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT và ĐCHP chưa được toàn diện, chủ yếu tập trung nhiều vào lấy ý kiến của SV (sự tham gia ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản lý còn rất ít).

Hình thức truyền thông, phổ biến bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QHCC còn chưa đa dạng. Học sinh phổ thông và phụ huynh lớp 12 ở các trường THPT, cũng như một số các nhà quản lý, các NSDLĐ và cựu SV chưa tiếp cận được.

#### **+ Kiến nghị**

Nhà trường cần rà soát, thiết kế lại Bản mô tả CTĐT cho khoa học và bài bản hơn theo hướng đầy đủ các thông tin và theo trình tự về bản mô tả CTĐT (theo quy định tại Công văn hướng dẫn số 1669/QLCLGD, ngày 31/12/2019 của Bộ GD&ĐT) nhằm thu hút các BLQ tiếp cận với Bản mô tả CTĐT; đồng thời có hướng dẫn sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và người học; nên xem lại thể thức ban hành bản Bản mô tả CTĐT để đảm bảo theo đúng quy định về ban hành văn bản.

Khoa/ngành cần rà soát, hoàn thiện đề cương CTHP của tất cả các học phần trong CTĐT. Cần bổ sung mô tả mối quan hệ giữa CDR học phần với CDR của CTĐT, PP/hình thức đánh giá mỗi CDR của học phần. Để đảm bảo tính pháp lý của CTĐT, Nhà trường cần ra quyết định ban hành ĐCHP tương ứng với CTĐT đã được phê duyệt và ban hành, đây là cơ sở quan trọng để các khoa, GV và SV thực hiện. Khi điều chỉnh ĐCHP, Khoa/Bộ môn cần quan tâm hơn đến việc góp ý của các BLQ về nội dung của

học phần cũng như việc xác định chính xác hơn sự đóng góp của học phần vào thực hiện CDR, xác định PP KTDG có tính khả thi và hợp lý hơn.

Cần tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần rộng rãi và đầy đủ hơn.

Nhà trường cần có chiến lược quảng bá để công bố công khai rộng rãi Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP ngành QHCC đa dạng hơn, giúp các BLQ được tiếp cận dễ dàng.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1				4				3,67
	Tiêu chí 2.2			3					
	Tiêu chí 2.3				4				

### **TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CTDH**

#### ***Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR.***

##### ***1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.1***

CTDH của ngành QHCC đã được xây dựng trên cơ sở CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm; trên cơ sở ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các học phần với CDR của CTĐT. CDR của ngành QHCC được kí hiệu từ PLO1 đến PLO17, trong đó, CDR về kiến thức từ PLO1 đến PLO7; CDR về kỹ năng từ PLO8 đến PLO14; CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm là từ PLO15 đến PLO17, đảm bảo đáp ứng các mục tiêu của CTĐT. Để đạt được CDR, nội dung CTDH toàn khóa ban hành năm 2020 (số 3909-QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020) được thiết kế gồm 130 TC (không tính TC Giáo dục thể chất và TC Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó, có 106 tín chỉ bắt buộc (chiếm 82%) và 24 tín chỉ tự chọn (chiếm 18%), được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ chiếm 34%; khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ gồm 56 tín chỉ chiếm 43%; khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ chiếm 23%). Các khối kiến thức này góp phần đạt được những CDR nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm (Bảng Ma trận đáp ứng mục tiêu các CDR của CTĐT 2020).

CTDH có ma trận kỹ năng kết nối từng nội dung học phần với CDR của học phần, mục tiêu và CDR của CTĐT, giữa CDR các học phần với CDR của CTĐT; mối liên hệ giữa các PPDH và PPKTĐG với CDR của CTĐT. ĐCCT học phần đều có CDR, các nội dung của từng học phần đều đã được ghi đáp ứng CDR ra nào của học phần; nội dung của từng học phần đã thể hiện sự liên kết với CDR của CTĐT (Bảng Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và CDR của CTĐT- PLOs trong CTDH). Kế hoạch đào tạo toàn khoá được thiết kế tương đối phù hợp, logic trong 8 học kỳ.

Toàn bộ học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể vào CDR của chương trình. Các ĐCHP có nêu rõ CDR tương ứng đạt được của CTĐT trong mỗi CDR của môn học (ĐCHP năm 2020).

CTDH ngành QHCC thiết kế tổ hợp PPGD, PP học tập phù hợp với đặc thù của từng học phần. Các PPDH được áp dụng bao gồm các chiến lược dạy học và các PP: Chiến lược dạy học tương tác (PPDH tương tác; PP thảo luận, hoạt động nhóm); Chiến lược dạy học gián tiếp (PP giải quyết vấn đề; PP nghiên cứu trường hợp; PP nhập vai, mô phỏng); Chiến lược dạy học trải nghiệm (Thực hành/thí nghiệm; Dự án (Sản phẩm); Thực tế/thực tập; SV thuyết trình)... các môn học/học phần trong CTDH có PPGD, học tập, phù hợp, góp phần đạt CDR.

HV/Khoa sử dụng nhiều PP KTĐG KQHT khác nhau và được áp dụng theo đặc thù của từng học phần (Kiểm tra trắc nghiệm; Kiểm tra viết tự luận; Kiểm tra vấn đáp; Kiểm tra thuyết trình; Tiểu luận; Bài tập lớn; Sản phẩm và báo cáo thực tế, thực tập; Khóa luận tốt nghiệp). Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A, B, C theo công thức: ĐHP= 0,1A + 0,3B + 0,6C, Trong đó: A: Đánh giá ý thức; B: Điểm đánh giá định kỳ; C: Điểm đánh giá kết thúc học phần. Điểm A, B là điểm được GV phụ trách môn học xác định, căn cứ vào quy định chung của Trường và căn cứ vào PPGD đã áp dụng đối với từng học phần. Điểm A, B được thể hiện bằng kết quả trong hồ sơ giảng dạy của từng GV. Điểm đánh giá định kỳ và đánh giá kết thúc học phần chủ yếu đánh giá mức độ đạt CDR liên quan đến kiến thức và kỹ năng, trong khi điểm đánh giá ý thức chủ yếu hướng đến các CDR về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm (thể hiện trong bảng Ma trận đáp ứng giữa PPDH và CDR của CTĐT). Các PP KTĐG trên đã hỗ trợ việc đo lường mức độ SV đạt được CDR của CTDH. Các PPGD, PP KTĐG cơ bản phù hợp với các CDR thể hiện trong ĐCCT học phần (thể hiện tại hồ sơ giảng dạy các học phần trong CTDH của các GV).

Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH, công tác tổ chức giảng dạy và hoạt động KTĐG cho thấy: 81% SV tốt nghiệp ngành QHCC hài lòng về CTĐT; 66,7% hài lòng và hoàn toàn hài lòng về mức độ đáp ứng mục tiêu của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động (năm 2019). Năm 2020, 84% SV cuối khoá hài lòng về tiêu chí “Chương trình có mục tiêu, CĐR cụ thể, rõ ràng”; 72% hài lòng về tiêu chí “Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, CĐR của CTĐT”; 100% NSDLĐ hài lòng với CĐR, nội dung và cấu trúc của CTĐT; 90% cho rằng kiến thức, kỹ năng của SV tốt nghiệp từ ngành QHCC của HVBC&TT hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu công việc, không phải đào tạo lại; 100% GV hài lòng với tiêu chí “Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR”, “Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR” với mức điểm hài lòng đều là 4.4/5; 80% GV hài lòng với tiêu chí “PP, công cụ KTĐG KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR” với mức điểm hài lòng là 4/5 (Báo cáo kết quả khảo sát các năm trong giai đoạn 2016 - 2020).

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 3.1*

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH còn chưa được thường xuyên, số lượng khảo sát còn ít. Trong bản mô tả CTDH sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các học phần trong khung CTĐT chưa rõ ràng.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.1*

HV/Khoa cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và NSDLĐ thường xuyên hơn, với số lượng phù hợp hơn để đảm bảo độ tin cậy của kết quả khảo sát. Khoa/Bộ môn cần bổ sung điều chỉnh sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các học phần trong khung CTĐT.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.1*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 3.1 đạt mức: 4/7.*

### ***Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.2*

CTDH ngành QHCC ban hành năm 2020 (QĐ số 3909-QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020) được thiết kế gồm 130 TC - không tính TC Giáo dục thể chất và TC Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Trong đó có 106 tín chỉ bắt buộc (chiếm 82%) và 24 tín chỉ

tự chọn (chiếm 18%), được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ chiếm 34%; khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ gồm 56 tín chỉ chiếm 43%; khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ chiếm 23%) với tổng số học phần/môn học.

Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết và được xây dựng theo mẫu thống nhất, trong đó có mô tả CĐR của học phần. Nội dung của các học phần cơ bản thể hiện được sự đóng góp vào thực hiện CĐR của CTĐT. Khoa/Bộ môn đã xây dựng ma trận mô tả mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT; Ma trận CĐR và PPDH; Ma trận CĐR và hình thức KTĐG (năm 2020). Ma trận CĐR của các học phần trong CTDH cơ bản thể hiện sự tương thích về nội dung và mức độ đóng góp của mỗi học phần cụ thể đối với các CĐR của CTĐT. Mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT được xem xét ở ba cấp độ: Thấp (L), trung bình (M), cao (H) (Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành, mức độ đạt được CĐR đa phần ở mức Low (thấp) so với yêu cầu chung CĐR của ngành; mức độ đạt được CĐR dần tăng lên ở mức Medium (trung bình) và High (Cao) với các học phần thuộc khối ngành/chuyên ngành.

Tất cả các học phần trong CTĐT được bố trí giảng dạy tương đối hợp lý theo trình tự khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành/chuyên ngành. Logic này được chuyển tải qua mối quan hệ ràng buộc giữa học phần với các học phần tiên quyết/song hành được quy định trong ĐCCT từng môn học. ĐCHP đều xác định rõ tổ hợp các PPGD, PP học tập và các PPKTĐG; phần lớn các tổ hợp này là phù hợp, tương thích và hỗ trợ nhau để người học đạt được CĐR...

Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, HVBC&TT đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. Kết quả cho thấy, hầu hết SV hài lòng về tiêu chí “các mục tiêu môn học góp phần hình thành CĐR cho SV”, “môn học yêu cầu các kiến thức và kỹ năng ở mức độ phù hợp (không quá dễ/đơn giản/nhàm chán, không quá khó). Tổng hợp ý kiến phản hồi năm 2020, có 80% GV hài lòng với tiêu chí “Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt CĐR của chương trình” với mức điểm hài lòng là 4.2/5. 77,9% SV cuối khóa hài lòng về “Các môn học trong CTĐT có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau”.

## *2. Tôn tại của tiêu chí 3.2*



CĐR của một số học phần còn xác định chưa thực sự rõ ràng và phù hợp với nội dung học phần và khó đo lường. Việc xác định sự đóng góp của các học phần vào đạt CĐR của CTĐT của một số học phần còn chưa hoàn toàn chính xác. Việc xác định tổ hợp các PPDH của một số học phần còn chưa đầy đủ, chưa hướng tới tính thực tiễn cao.

Các phiếu khảo sát còn chưa bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP và sự phù hợp của PPDH, KTĐG. Các kết luận rút ra từ việc lấy ý kiến phản hồi chưa thể hiện rõ nét việc đóng góp nhiều cho việc đổi mới nội dung học phần hướng tới đạt được CĐR ở mức độ cao hơn.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.2*

HV/Khoa cần rà soát lại CĐR của một số học phần để xác định lại CĐR (nên áp dụng ngôn ngữ diễn đạt của thang Bloom) để đảm bảo có thể đo lường đánh giá được; xác định rõ ràng, chính xác hơn mức độ đóng góp của nội dung/CĐR của học phần đạt CĐR của CTĐT. Cần rà soát lại các PPDH của một số học phần để bổ sung hoặc điều chỉnh PPDH cho phù hợp với nội dung của học phần.

Nên nghiên cứu, đổi mới việc khảo sát với đa dạng đối tượng và số lượng KS lớn hơn, thiết kế câu hỏi khoa học hơn và bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP để có thể thu thập được nhiều thông tin hữu ích hơn cho việc đổi mới nội dung học phần trong CTDH đáp ứng CĐR.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 3.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 3.3*

CTDH của ngành QHCC được thiết kế theo hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của HVBC&TT, phù hợp với văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với Khung trình độ quốc gia; các quy định CĐR ngoại ngữ, tin học cho SV đại học chính quy đào tạo theo học chế tín chỉ, có tham khảo CTĐT QHCC và Truyền thông của một số trường Đại học trong nước và quốc tế. Về cơ bản CTDH có cấu trúc, trình tự tương đối logic gồm thông tin chung về CTĐT, mục tiêu và CĐR của CTĐT, cấu trúc nội dung CTĐT, PPGD và PP KTĐG, kế hoạch dạy học.

Trong đó, CTDH được rà soát, cập nhật năm 2020 được thiết kế với 130 tín chỉ (Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 TC chiếm tỷ lệ 34%, trong đó có 38 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 86 TC chiếm 66%, trong đó kiến thức cơ sở ngành có 18 tín chỉ với 12 tín chỉ bắt buộc chiếm tỷ lệ 14%, kiến thức bổ trợ chiếm 9% và kiến thức ngành chiếm 20%. Khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, chiếm 23%, trong đó có 17 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn. Số TC dành cho thực tập và khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp là 10 tín chỉ chiếm trên 33.3% trong tổng số TC của khối kiến thức chuyên ngành. Trong tổng số 130 TC của toàn bộ nội dung kiến thức đào tạo có 106 TC bắt buộc chiếm 82%, còn lại 24 TC tự chọn chiếm 18%. Với cấu trúc như trên có thể thấy: Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế tương đối cân đối và hợp lý. Số tín chỉ dành cho môn học chuyên ngành, kiến tập và thực tập nghiệp vụ nhiều hơn thể hiện sự tập trung cho việc đạt CDR của SV dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc.

Các học phần trong CTĐT được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành cùng với kiến tập, thực tập nghiệp vụ góp phần hình thành năng lực cho người học. Các học phần trong CTDH đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, tạo thành một chương trình có tính thống nhất thể hiện ở kế hoạch học tập của SV được cụ thể hoá từng học kì trong khung CTĐT. Trong ĐCHP đều có mục học phần tiên quyết, học phần học trước giúp cho người học chủ động xây dựng được kế hoạch học tập hợp lý cho bản thân.

Trong giai đoạn đánh giá, CTDH đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật vào các năm 2016, 2018 và 2020. Các lần thay đổi đó Học viện đều có ban hành các quy định, hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi CTĐT (các QĐ số 2643/QĐ-HVBC&TT, ngày 29/04/2020; số 3056/KH-HVBC&TT, ngày 15/05/2020; số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 31/05/2020; số 2588-QĐ/HVBC&TT ngày 08/07/2020). Quy trình rà soát, cập nhật CTDH được HV thực hiện theo 5 bước: Bước 1. Định kỳ 2 năm/lần Học viện ban hành kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT. Trung tâm KT-KĐCLĐT tổ chức hướng dẫn triển khai rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT; Bước 2. Khoa QHCC&QC tổ chức họp rà soát, đánh giá lại và đề xuất cập nhật cấu trúc và nội dung CTĐT, dựa trên kết quả khảo sát các BLQ; Bước 3. Trình Hội đồng KH&ĐT thông qua các nội dung đề xuất, điều chỉnh. Tổ chức hội đồng thẩm định CTĐT độc lập, lấy ý kiến đóng góp của các BLQ;

đổi sánh với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế; Bước 4. Tiếp thu và hoàn thiện CTĐT theo các góp ý của HĐ KH&ĐT và Hội đồng thẩm định độc lập. Cập nhật các nội dung cần điều chỉnh vào CTĐT; Bước 5. Trình Giám đốc ra quyết định ban hành. CTĐT sau khi được nghiệm thu sẽ được cập nhật trên hệ thống QLĐT, công khai cho các BLQ và đưa vào sử dụng; CTĐT được lưu trữ bằng bản cứng tại Khoa, Ban Quản lý đào tạo và bản mềm trong cơ sở dữ liệu của Học viện. Với quy trình đó, so với CTĐT năm 2014, CTĐT năm 2016 đã điều chỉnh tăng 8 tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương (mỗi học phần tăng 1 tín chỉ); số tín chỉ Ngoại ngữ tăng từ 10 tín chỉ lên 15 tín chỉ (SV có thể chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung), nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao kỹ năng ngoại ngữ cho người học. So với năm 2016, CTĐT năm 2018 có cập nhật ở CDR và kết cấu các khối kiến thức sắp xếp lại để phù hợp hơn. Tỷ trọng kiến thức đại cương giảm từ 42% xuống còn 34%; tăng tỉ trọng các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 58% lên 66%, nhằm đáp ứng kỳ vọng của người học và NSDLĐ về việc tăng tỷ trọng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Chương trình cũng tăng số tín chỉ các học phần mang tính thực tế như kiến tập, thực tập, đồng thời có thêm học phần Thực tế chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho SV có thêm cơ hội trải nghiệm thực tiễn ngành nghề và xã hội. Bổ sung các học phần QHCC&QC; Bổ sung học phần bắt buộc Chiến dịch quảng bá, thay thế cho học phần Lập kế hoạch QHCC (tham khảo CTĐT của Đại học Middlesex, Anh Quốc); Bổ sung các học phần Truyền thông mạng xã hội, PR doanh nghiệp, Văn hoá doanh nghiệp, PR nội bộ... Đổi tên các học phần Công cụ QHCC 1, 2 thành Viết cho PR và Sản xuất video clips; Thay đổi tính chất bắt buộc, tự chọn của một số học phần; Bỏ học phần Thuật ngữ QHCC; Một số học phần tăng từ 2 tín chỉ thành 3 tín chỉ, như: Lý thuyết truyền thông, Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông, Các phương tiện truyền thông, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, Truyền thông tiếp thị tích hợp... để đảm bảo thời lượng giảng dạy phù hợp giúp SV đạt được CDR...

So với năm 2018, CTĐT năm 2020 không có thay đổi nhiều về cấu trúc kiến thức đào tạo. Tuy nhiên, CTĐT năm 2020 đã được điều chỉnh về mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể và các CDR của CTĐT do yêu cầu chung của Bộ GD-ĐT và từ nhu cầu thực tiễn của quá trình đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo; CTĐT cũng được điều chỉnh ma trận CDR CTĐT. Dựa trên CDR của CTĐT, ĐCHP cũng được thay đổi tương ứng, nhằm đảm bảo cho người học đạt được các CDR của CTDH.

Như vậy, CTĐT/CTDH ngành QHCC hiện tại với 130 TC trong thời gian 8 học kì tương đương 4 năm học đã tích hợp được các kiến thức từ giáo dục đại cương đến cơ sở ngành, ngành, bổ trợ và chuyên ngành. Việc bố trí các học phần theo từng kỳ học một cách hợp lý giúp người học dần dần đạt được CDR theo yêu cầu.

Kết quả khảo sát SV cuối khóa ngành QHCC cho thấy năm 2019 có 70% và năm 2020 có 72% SV cuối khóa hài lòng với tiêu chí “Các môn học trong chương trình được sắp xếp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CDR”; 77,9% SV cuối khóa hài lòng với cấu trúc CTĐT. Kết quả khảo sát GV năm 2019 có 87,5% và năm 2020 có 100% GV hài lòng với tiêu chí “Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành”. Kết quả khảo sát NSDLĐ về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của ngành QHCC năm 2019 và 2020 cho thấy 100% NSDLĐ hài lòng về “Cấu trúc và nội dung CTĐT”.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 3.3*

CTDH năm 2018, 2020 có sự thay đổi nhiều cả về cấu trúc và nội dung so với CTDH năm 2016, tuy nhiên việc tích hợp các nội dung và thứ tự sắp xếp các học phần trong CTĐT tính logic chưa cao.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 3.3*

Trong thời gian tới khi rà soát điều chỉnh CTDH, cần rà soát và tích hợp các nội dung, thứ tự sắp xếp các học phần để đảm bảo tính logic của CTDH.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 3.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 3.3 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 3:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

CTDH của ngành QHCC được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT, đảm bảo sự cân đối và logic giữa các học phần.

Mỗi học phần trong CTDH thể hiện được sự đóng góp cụ thể trong việc đạt được CDR.

CTDH của ngành QHCC có cấu trúc hợp lý, thể hiện tính logic, tính tích hợp giữa các học phần; các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH được rà soát, cập nhật,

điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với yêu cầu của đào tạo, yêu cầu CĐR và đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CBLQ về CTDH còn chưa được thường xuyên, số lượng khảo sát còn ít. Trong bản mô tả CTDH sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các học phần trong khung CTĐT chưa rõ ràng.

CĐR của một số học phần còn xác định chưa thực sự rõ ràng và phù hợp với nội dung học phần và khó đo lường. Việc xác định sự đóng góp của các học phần vào đạt CĐR của CTĐT của một số học phần còn chưa hoàn toàn chính xác. Việc xác định tổ hợp các PPDH của một số học phần còn chưa đầy đủ, chưa hướng tới tính thực tiễn cao. Các phiếu khảo sát còn chưa bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP và sự phù hợp của các PPDH, PP KTĐG. Các kết luận rút ra từ việc lấy ý kiến phản hồi chưa thể hiện rõ nét việc đóng góp nhiều cho việc đổi mới nội dung học phần hướng tới đạt được CĐR ở mức độ cao hơn.

CTDH năm 2018, 2020 có sự thay đổi nhiều cả về cấu trúc và nội dung so với CTDH năm 2016, tuy nhiên việc tích hợp các nội dung và thứ tự sắp xếp các học phần trong CTĐT tính logic chưa cao.

#### **+ Kiến nghị**

HV/Khoa cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và NSDLĐ thường xuyên hơn, với số lượng phù hợp hơn để đảm bảo độ tin cậy của kết quả khảo sát. Khoa/Bộ môn cần bổ sung điều chỉnh sơ đồ thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các học phần trong khung CTĐT.

HV/Khoa cần rà soát lại CĐR của một số học phần để xác định lại CĐR (nên áp dụng ngôn ngữ diễn đạt của thang Bloom) để đảm bảo có thể đo lường đánh giá được; xác định rõ ràng, chính xác hơn mức độ đóng góp của nội dung/CĐR của học phần đạt CĐR của CTĐT. Cần rà soát lại các PPDH của một số học phần để bổ sung hoặc điều chỉnh PPDH cho phù hợp với nội dung của học phần. Nên nghiên cứu, đổi mới việc khảo sát với đa dạng đối tượng và số lượng lớn hơn, thiết kế câu hỏi khoa học hơn và bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP để có thể thu thập được nhiều thông tin hữu ích hơn cho việc đổi mới nội dung học phần trong CTDH đáp ứng CĐR.

Trong thời gian tới khi rà soát điều chỉnh CTDH, cần rà soát và tích hợp các nội dung, thứ tự sắp xếp các học phần để đảm bảo tính logic của CTDH.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 3	<i>Tiêu chí 3.1</i>				4				4,00
	<i>Tiêu chí 3.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 3.3</i>				4				

#### **TIÊU CHUẨN 4: PP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC**

***Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ.***

##### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.1*

HVBC&TT đã tuyên bố mục tiêu chiến lược trong “Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050” (QĐ số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017) và “Quyết định về việc bổ sung, điều chỉnh và ban hành chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050” (số 6528-QĐ/HVBC&TT ngày 31/12/2018), đó là: “... phấn đấu trở thành trường đại học hàng đầu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực lý luận chính trị tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông tại Việt Nam đến năm 2025; trung tâm nghiên cứu uy tín về báo chí và truyền thông tại khu vực Đông Nam Á đến năm 2035 và trường đại học được xếp hạng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đến năm 2050”. Theo đó, mục tiêu về Đào tạo, bồi dưỡng (trong Chiến lược) cũng được xác định: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp giỏi, tư duy phân biện và năng lực thích ứng và tìm kiếm việc làm trong môi trường xã hội không ngừng thay đổi; Xây dựng môi trường học tập thân thiện, khuyến khích phát triển năng lực và thúc đẩy trải nghiệm tích cực của người học, lấy sự hài lòng và thành công của người học làm thước đo chất lượng của Nhà trường; Phát triển hệ sinh thái các CTĐT, chú trọng PP nghiên cứu đối với các chương trình lý luận và kỹ năng thực hành đối với các chương trình nghiệp vụ; Đổi mới mô hình đào tạo theo hướng lấy chất lượng làm trọng tâm, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa chất lượng và số lượng, giữa quy mô và trọng điểm, giữa đại trà và chất lượng cao; Thúc đẩy xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng, mọi

hoạt động của Nhà trường tuân thủ các nguyên tắc, quy trình và đảm bảo chất lượng”. Giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định là: “Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng, Công hiến” và giá trị cốt lõi của khoa QHCC cũng được xác định là: “Sáng tạo, Đoàn kết, Tự chủ, Nhiệt huyết, Tận tâm”.

Đối với CTĐT ngành QHCC, mục tiêu đào tạo của ngành cũng được Khoa QHCC&QC xác định là: "Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QHCC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QHCC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời." (Chiến lược phát triển Khoa QHCC&QC năm 2020)

Mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo của HVBC&TT, cũng như của Khoa QHCC&QC được phổ biến rộng rãi đến các BLQ qua các hình thức: Quán triệt, phổ biến đến tất cả CB, GV, người học trong toàn Học viện để hiểu rõ và thực hiện; công bố công khai trong trường và công bố rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, trên fanpage của Khoa QHCC&QC.

Học viện/Khoa đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các BLQ năm 2020, kết quả cho thấy: 100% NSDLĐ; 80% GV và 79,2% SV cuối khóa hài lòng về mục tiêu đào tạo của HV và Khoa QHCC&QC.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 4.1*

Mặc dù HV đã phê duyệt và tuyên bố mục tiêu chiến lược của Học viện trong “Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050”, và trong mục tiêu chiến lược đó có đề cập đến mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và một số mục tiêu khác. Tuy nhiên, theo quy định thì Học viện cần phải xây dựng và công bố Triết lý giáo dục hoặc Mục tiêu giáo dục, nhằm tường minh mục tiêu giáo dục trên cơ sở mục tiêu chiến lược của Học viện đã được công bố.

Hình thức giới thiệu, phổ biến về mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo bồi dưỡng của Nhà trường đến các BLQ chưa đa dạng nên hiệu quả tuyên truyền còn hạn chế, nhất là đối với các đơn vị và cá nhân ngoài Trường.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.1*

Nhà trường cần sớm có văn bản phê duyệt và tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục (hiện mới có mục tiêu đào tạo bồi dưỡng công bố trong mục tiêu chiến lược phát triển Học viện). Sau khi có quyết định phê duyệt Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục cần có kế hoạch phổ biến, giới thiệu với các hình thức đa dạng hơn, đặc biệt quan tâm hơn về công tác truyền thông đến các BLQ; nên có hướng dẫn cụ thể để giải thích đầy đủ nội hàm của Triết lý giáo dục tới các BLQ và các đơn vị, cá nhân ngoài HV; phổ biến trực tiếp để cán bộ, GV và SV của HV/Khoa hiểu rõ và vận dụng trong việc thiết kế CTĐT, xây dựng PP dạy-học, NCKH và PVCD.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.1*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 4.1 đạt mức: 3/7.*

***Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.2*

HVBC&TT đã ban hành Quy định hướng dẫn, thiết kế PPGD (HD số 2663/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020). Từ mục tiêu giáo dục và CDR của CTĐT, từ Quy định của Học viện/ Khoa/Bộ môn đã hướng dẫn GV/HV lựa chọn các hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng học phần, đảm bảo vai trò của học phần được xác định trong ma trận, thể hiện sự đóng góp của học phần vào thực hiện CDR của CTĐT. PPGD được mô tả tương đối rõ ràng trong các ĐCHP (ĐCHP năm 2020). Các PPGD mà Khoa/CTĐT đã và đang thực hiện đa dạng, phù hợp với đặc thù môn học (PPDH tương tác; PP thảo luận, hoạt động nhóm; PP giải quyết vấn đề; PP nghiên cứu trường hợp; PP nhập vai, mô phỏng; Thực hành/thí nghiệm; Thực tế/thực hành, thực tập...) và điều kiện thực tế của Học viện.

Trong giai đoạn đánh giá, GV trong Học viện nói chung và Khoa nói riêng đều được đào tạo, bồi dưỡng về các PPGD, về cách thiết kế và tổ chức hoạt động học tập đa dạng (Thống kê các lớp bồi dưỡng về PP, thiết kế tổ chức hoạt động học tập; Thống kê hội thảo, tọa đàm và kỹ yếu hội thảo của khoa về đổi mới giảng dạy và học tập của Khoa QHCC&QC; Bảng thống kê các Hội thảo, tọa đàm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền liên quan đến PPGD, từ 2016-2020). Kết quả phỏng vấn cho thấy, GV luôn linh hoạt phối hợp các PPGD khác nhau phù hợp số tín chỉ và tính chất của từng học phần



cũng như tùy đối tượng SV, hướng đến giúp SV đạt CDR. Song song với thay đổi cách thức giảng dạy, GV cũng đã tích cực ứng dụng CNTT như sử dụng bài giảng điện tử, bài giảng E-learning... và tận tình hướng dẫn SV đổi mới PP học tập để tương thích với PPGD của thầy/ cô. Ngoài ra, GV còn thường xuyên hướng dẫn cách tự học, nội dung tự học và kiểm tra kết quả tự học của SV.

Đối với Khoa QHCC&QC, SV còn được tiếp cận với những môn học giảng dạy bằng tiếng Anh theo hình thức trực tuyến thông qua GV của trường ĐH Sookmyung (Hàn Quốc) trong chương trình liên kết của Học viện (Kế hoạch học tập với Đại học Sookmyung, Hàn Quốc 2018-2020). Ngoài hoạt động dạy/học, việc chủ động học tập, tìm tòi nghiên cứu cái mới của SV cũng luôn được khuyến khích thông qua các hoạt động đa dạng như: Các cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp, các phong trào NCKH trong SV được tổ chức thường niên... Đặc biệt, với nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến đa dạng và phong phú, dễ tiếp cận tại thư viện của Học viện (địa chỉ <http://ajc.hema.vn>), GV và SV có điều kiện rất thuận lợi trong việc tìm kiếm tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập...

Trong các năm 2018 và 2020, Học viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về sự phù hợp của các hoạt động dạy – học. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy, có 82,33% SV đang theo học và 74,6% SV tốt nghiệp hài lòng về PPDH của GV; có 100% GV đánh giá các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR; 80% GV hài lòng về các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR; 100% NSDLĐ hài lòng với chất lượng SV tốt nghiệp ngành QHCC.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 4.2*

Một số học phần còn chưa áp dụng PPDH hướng tới tính thực tiễn cao, như: Dạy học theo tình huống, giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, mô hình... Cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các PPGD phát huy tính chủ động của người học.

Qua phỏng vấn SV đang theo học tại HV cho thấy: Có một số môn học có số lượng SV trong một lớp quá đông dẫn tới gặp nhiều khó khăn trong học tập và ảnh hưởng tới việc áp dụng các PPGD tích cực của GV. Một số ít GV còn chưa thường xuyên cập nhật các PPGD mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của SV. Nhà trường đã tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc tập huấn về đổi mới PPDH và PP học tập để GV và SV tham dự nhưng chưa thực hiện thường xuyên.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.2*

Nhà trường/Khoa cần rà soát bổ sung thêm một số PPDH hướng tới tính thực tiễn cao phù hợp với nội dung của học phần, như: Dạy học theo tình huống, giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, mô hình...; Cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới PPDH của GV, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy và học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm (Learning service), đồng thời tích cực ứng dụng CNTT trong dạy-học. Khắc phục tình trạng lớp học quá đông, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong quá trình dạy - học.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 4.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 4.3*

ĐCCT các học phần của CTĐT ngành QHCC các năm 2018, 2020 đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các PPGD/học tập nhằm tích lũy kiến thức và rèn luyện các kỹ năng thiết yếu hướng đến việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT. Hầu hết các ĐCHP ngành QHCC đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học. Mỗi học phần đều mô tả chi tiết các kiến thức và kỹ năng SV đạt được khi kết thúc học phần. Đặc biệt trong học phần thực tập hoặc tốt nghiệp chuyên ngành QHCC đều có các nội dung mở, hướng cho SV áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các chuyên đề thực tập tốt nghiệp phù hợp, thông qua đó hướng tới việc tự chủ học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017) cũng quy định rõ thời lượng SV phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài mới cho mỗi tín chỉ.

Trong quá trình dạy học, GV đã sử dụng đa dạng các chiến lược dạy học, kết hợp giữa PPDH truyền thống và PPDH hiện đại để phát huy tính tự giác, chủ động, sáng tạo của SV (như dạy trực tiếp, dạy gián tiếp, dạy học tương tác, hướng dẫn tự học...) và sử

dạng đa dạng PPDH. Bên cạnh đó, GV còn chú trọng dạy cho SV PP tự học, cách hợp tác, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; khích lệ SV tham gia NCKH (cùng với SV ngành QHCC tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô), hướng dẫn SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp... Nhiều hoạt động ngoại khóa do các câu lạc bộ của Khoa, Trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu của SV ngành QHCC. Hàng năm, Học viện đều tổ chức các lớp học bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV của Khoa và toàn trường nhằm rèn luyện các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình (Bảng Thống kê các lớp bồi dưỡng cho SV kỹ năng mềm, PP học tập, giai đoạn 2016 - 2020). Các cuộc thi sáng tạo, NCKH SV được tổ chức nhằm tăng cơ hội học hỏi cho người học, cọ sát với các tình huống thực tế cũng như rèn luyện kỹ năng viết và tổ chức báo cáo (Bản Thống kê các sản phẩm của SV như Dự án, Bài thuyết trình, clip; Đường link fanpage cuộc thi Creative Hunter).

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều được quy định hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm cho SV (QĐ số 390-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020; ĐCHP các năm 2018, 2020); Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần (HD số 2647/ HD-HVBC&TT ngày 09/07/2020); Ma trận hình thức KTĐG-CĐR (năm 2020)... Tất cả đều hướng tới việc thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Hàng năm, Trung tâm KT&KDCLĐT của Học viện đã thực hiện Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CBLQ về hiệu quả, chất lượng dạy - học. Kết quả khảo sát cho thấy: Năm 2019 có 74% SV và năm 2020 có 77% SV hài lòng về tính đa dạng của các tổ hợp PP dạy - học trong CTDH, giúp đạt CDR; 75% SV (năm 2019) và 76% SV (năm 2020) hài lòng về tổ hợp PPDH phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời; 85% SV (năm 2020) hài lòng về PP dạy - học trong CTĐT phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học; 76,4% SV (năm 2019, 2020) hài lòng về PPGD của GV; có 50% GV (năm 2019) và 80% GV (năm 2020) hài lòng về hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho SV.

## *2. Tôn tại của tiêu chí 4.3*

Có một số ĐCHP chưa thể hiện các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học; chưa có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PP dạy học đến việc tự học của SV. HV/Khoa chưa có các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các PP dạy học để thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Nhiệm vụ tự học được hướng dẫn trong đề cương chi tiết học chưa đa dạng, chủ yếu vẫn là đọc trước tài liệu có liên quan đến nội dung bài giảng. PPGD được mô tả trong ĐCHP còn chung chung, chưa chi tiết, cụ thể với từng chương mục.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 4.3*

Cần bổ sung vào ĐCCT học phần hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học để có cơ sở đánh giá kết quả tự học của SV. HV/Khoa cần định kỳ tổng kết, đánh giá các PP dạy học được GV sử dụng để thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Đồng thời cần có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PP dạy học đến hoạt động tự học của SV để cải tiến PP dạy cách học và tự học cho SV. Ngoài ra, cần có các CLB học thuật, tăng cường các hoạt động rèn nghề và kỹ năng mềm cho SV.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 4.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 4.3 đạt mức: 4/7*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 4:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo bồi dưỡng (trong mục tiêu Chiến lược) đã được phổ biến rộng rãi đến các BLQ bằng nhiều hình thức đa dạng.

Trong quá trình tổ chức giảng dạy, các hoạt động dạy và học được thiết kế tương đối phù hợp nhằm đạt được CDR.

Các hoạt động dạy và học đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm hướng đến việc đạt được CDR của học phần và CDR của CTĐT, cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Mặc dù HV đã phê duyệt và tuyên bố mục tiêu chiến lược trong “Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050” và trong đó có đề cập đến mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, vẫn cần phải xây dựng

triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục cụ thể bằng văn bản và được phê duyệt theo đúng thể thức, đồng thời được công bố chính thức.

Một số học phần còn chưa áp dụng PPDH hướng tới tính thực tiễn cao, như: Dạy học theo tình huống, giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, mô hình... Cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các PPGD phát huy tính chủ động của người học.

Còn có một số ĐCHP chưa thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học; chưa có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PP dạy học đến việc tự học của SV. Nhiệm vụ tự học được hướng dẫn trong ĐCHP chưa đa dạng, chủ yếu vẫn là đọc trước tài liệu có liên quan đến nội dung bài giảng.

#### **+ Kiến nghị**

Học viện cần sớm có văn bản phê duyệt và tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục (hiện mới có mục tiêu đào tạo bồi dưỡng công bố trong mục tiêu chiến lược). Sau khi có quyết định phê duyệt triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục cần có kế hoạch phổ biến, giới thiệu với các hình thức đa dạng hơn, đặc biệt quan tâm hơn về công tác truyền thông đến các BLQ; nên có hướng dẫn cụ thể để giải thích đầy đủ nội hàm của triết lý giáo dục tới các BLQ và các đơn vị, cá nhân ngoài HV; phổ biến trực tiếp để cán bộ, GV và SV của HV/Khoa hiểu rõ và vận dụng trong việc thiết kế CTĐT, xây dựng PP dạy-học, NCKH và PVCĐ.

HV/Khoa cần rà soát bổ sung thêm một số PPDH hướng tới tính thực tiễn cao phù hợp với nội dung của học phần, như: Dạy học theo tình huống, giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, mô hình...; Cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới PPDH của GV, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy và học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm (Learning service), đồng thời tích cực ứng dụng CNTT trong dạy-học. Khắc phục tình trạng lớp học quá đông, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong quá trình dạy – học.

Cần bổ sung vào ĐCHP hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học để có cơ sở đánh giá kết quả tự học của SV. HV/Khoa cần định kỳ tổng kết, đánh giá các PP dạy học được GV sử dụng để thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Đồng thời cần có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PP dạy học đến hoạt động tự học của SV để cải tiến PP dạy cách học và tự học cho SV.

Ngoài ra, cần có các CLB học thuật, tăng cường các hoạt động rèn nghề và kỹ năng mềm cho SV.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 4	Tiêu chí 4.1			3					3,67
	Tiêu chí 4.2				4				
	Tiêu chí 4.3				4				

## TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA NGƯỜI HỌC

*Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR.*

### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.1

Học viện BCTT thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2014 và được cập nhật vào năm 2017 (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017). Trong đó, quy định rõ việc đánh giá KQHT của người học (qui định về đánh giá học phần, tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, quy trình đánh giá...). Để hoàn thành CTĐT ngành QHCC, SV phải tích lũy đủ 130 tín chỉ (QĐ số 3909/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020). Điểm đánh giá học phần được quy định: Điểm A (điểm quá trình) đánh giá ý thức của SV trong quá trình học tập; Điểm B (điểm các bài kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ hay tiểu luận); Điểm C (điểm thi kết thúc học phần). Tỷ trọng của các điểm thành phần A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 cũng được quy định rõ ràng trong Quy chế. Các quy định về số lượng các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của học phần được quy định cụ thể trong ĐCHP (ĐCHP 2018, 2020).

Việc lựa chọn các PP, hình thức KTĐG KQHT của người học ngành QHCC được xác định theo Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG đáp ứng CDR của Học viện (QĐ số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/07/2020); Quy định về công tác tổ chức kỳ thi học phần hệ đại học chính quy tập trung của HVBC&TT (QĐ số 1909/QĐ-HVBC&TT ngày 19/4/2021); Quy định tạm thời về công tác tổ chức kỳ thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho SV hệ đại học chính quy tập trung của HVBC&TT (QĐ số 4565/QĐ-HVBC&TT

ngày 09/9/2021). Theo đó, xuất phát từ CDR của CTĐT, Khoa QHCC&QC lựa chọn các PP KTĐG KQHT của người học phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được CDR (Ma trận hình thức KTĐG - CDR năm 2020). Tùy theo đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức KTĐG được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá KQHT của người học (Bảng thống kê các hình thức KTĐG 2016 - 2020). Hồ sơ minh chứng cho thấy, các học phần ngành QHCC sử dụng hình thức thi viết tự luận để KTĐG cuối kỳ chiếm tỷ lệ hơn 43%; hình thức bài tập lớn chiếm khoảng 28%; tiểu luận chiếm 16%; kiểm tra vấn đáp chiếm khoảng 6%; kiểm tra trắc nghiệm khách quan chiếm khoảng 1.5%.

Ngày 30/11/2015 Học viện đã ban hành Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi; Năm 2020 Học viện ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBC&TT ngày 09/7/2020). Trên cơ sở đó, các bộ môn chủ động thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi dễ, trung bình và khó tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom (Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo). Mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi của cả ba nhóm từ dễ đến khó... Với cách thức này, công tác thi, KTĐG được thiết kế tương đối phù hợp nhằm đáp ứng CDR của CTĐT. Hàng năm, Trung tâm KT-KĐCLĐT có các báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề thi và tổ chức KTĐG (Báo cáo của Trung tâm các năm trong giai đoạn 2016 - 2020).

Theo quy định, SV đủ điều kiện được giao thực hiện khóa luận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ trong CTĐT và đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ (được nêu rõ Quy chế và thông báo trong cuốn Sổ tay SV). Việc giao đề tài và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho SV đủ điều kiện được thể hiện trong các cuộc họp khoa và danh sách phân công GV hướng dẫn (Biên bản họp khoa QHCC&QC về việc cử GV hướng dẫn Khóa luận tốt nghiệp 2016 - 2020). Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua điểm chấm khóa luận tốt nghiệp của hội đồng, có cân nhắc đến nhận xét về quá trình SV làm khóa luận của GV hướng dẫn (Hồ sơ chấm khóa luận tốt nghiệp 2016 - 2020). SV tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của CTĐT với 130 tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy của khóa đạt  $\geq 2.0$ , có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đạt CDR ngoại ngữ và tin học được xét công nhận tốt nghiệp. Danh sách SV đủ điều kiện được công bố công khai trên website của Học viện.

Hàng năm Học viện có Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về PP, hình thức KTĐG CTĐT (các KH số 2965/KH-HVBC&TT ngày 26/8/2016; số 2870/KH-HVBC&TT ngày 29/8/2017; số 2197-KH/HVBC&TT ngày 10/5/2019; số 2674-KH/HVBC&TT ngày 10/7/2020). Kết quả khảo sát SV ngành QHCC (2020) cho thấy có 90% SV hài lòng với tiêu chí “Các hình thức và nội dung KTĐG đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng CDR...” (Hồ sơ khảo sát SV về chất lượng môn học và GV trong giai đoạn đánh giá 2016 - 2020).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 5.1*

Việc phân tích, đánh giá PP KTĐG, đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm chưa được thực hiện thường xuyên; chưa có tổng kết phương thức ra đề thi, đối sánh PP ra đề tự luận truyền thống với ra đề tự luận trắc nghiệm, hoặc giao làm tiểu luận... để có điều chỉnh kịp thời.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.1*

Nhà trường/Khoa cần rà soát về thiết kế các PP KTĐG để đo lường mức độ đạt được CDR của các học phần, nhất là đối với chuẩn về kỹ năng và chuẩn về mức độ tự chủ, trách nhiệm.

Nhà trường cần có hướng dẫn đầy đủ về việc phân tích, đánh giá PP KTĐG; đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm, giao làm tiểu luận... trong đó, quy định rõ căn cứ đánh giá, cách thức thực hiện; sử dụng kết quả phân tích, đánh giá để cải tiến PPKTĐG cho phù hợp với mục đích/mục tiêu đánh giá, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của người học. Cần định kì phân tích KQHT của SV để có sự đối sánh đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của đề thi và PP KTĐG.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 5.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.2*

Căn cứ Quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT, HVBC&TT đã quy định về đánh giá KQHT của người học tương đối rõ ràng (QĐ số 3777/QĐ -



HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017 ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC và TT; QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017 ban hành Quy định về công tác khảo thí; ĐCHP các năm 2016, 2018, 2020...). Tất cả các quy định về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp... đều được đăng tải trên website của Học viện và được gửi về cho các Khoa. Các thông báo này cũng được gửi đến SV thông qua cổng thông tin điện tử dành cho SV. Từ năm 2016, Học viện ban hành CDR ngoại ngữ đối với tất cả các ngành học, đồng thời việc phân loại SV theo trình độ ngoại ngữ ngay từ đầu vào đã được triển khai từ năm học 2016-2017 (QĐ số 435/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 22/02/2016).

Đối với các học phần, điểm tổng hợp đánh giá được căn cứ vào điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần (lý thuyết hoặc thực hành) và điểm thi kết thúc học phần. Trọng số của điểm đánh giá bộ phận trong điểm học phần được tính cụ thể: (A) Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,10; (B) Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30; (C) Điểm thi kết thúc học phần: 0,60 (điểm được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ). Tất cả đề cương chi tiết các học phần đều nêu rõ hình thức KTĐG (thi viết, thi vấn đáp,...) và được GV giảng dạy học phần đó cung cấp đầy đủ cho SV.

Đề thi được quy định đảm bảo sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học (Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần, số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020; Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi ngày 30/11/2015; Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi, số 2468/QĐ-HVBC&TT ngày 09/7/2020). Đối với các học phần kiến tập, thực tập, việc đánh giá KQHT của người học được căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ quan, tổ chức tiếp nhận SV kiến tập/thực tập (dựa trên mức độ tuân thủ nội quy, khả năng làm việc, tác phong làm việc, khả năng giao tiếp, tính chuyên nghiệp... của SV); đánh giá của GV hướng dẫn SV kiến tập/thực tập về tinh thần, thái độ, kết quả kiến tập, thực tập của SV; đánh giá của Khoa chủ quản về chất lượng bài thu hoạch và các sản phẩm SV thực hiện được trong quá trình kiến tập/thực tập (Báo cáo kiến tập, thực tập của SV). Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá KQHT đối với các học phần của toàn Học viện do Trung tâm KT&KĐCLĐT theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức KTĐG (Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2016 - 2020).

Đối với SV năm cuối, trong học kỳ cuối khoá, Học viện công bố danh sách SV đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp. Các SV còn lại sẽ học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành QHCC. Nếu SV nằm trong danh sách được làm khóa luận nhưng không muốn thực hiện khóa luận, SV cũng có thể làm đơn xin học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, được sự thông qua của giáo viên hướng dẫn, khóa luận sẽ được hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp đánh giá dựa trên 9 tiêu chí cụ thể được quy định trong phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp của ủy viên hội đồng, thư ký hội đồng và thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Điểm chấm khóa luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định (Hồ sơ chấm khoá luận tốt nghiệp các năm 2016 - 2020). Bên cạnh đó, GV hướng dẫn cũng gửi nhận xét về quá trình thực hiện khóa luận của SV để Hội đồng có thêm cơ sở đánh giá. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học. SV không hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, hoặc có kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải lùi thời gian tốt nghiệp làm lại khóa luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi các tín chỉ thay thế khóa luận tốt nghiệp theo quy định.

Các quy định về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học được Học viện công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học, mỗi kỳ học và học phần: được nêu trong “Sổ tay SV”, “Thông tin đào tạo” và phổ biến cho SV trong “Tuần sinh hoạt công dân” đầu mỗi năm học; công bố trên Website của Học viện, của Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo, phần mềm QLĐT...; được Trợ lý đào tạo và CVHT của Khoa phổ biến trực tiếp cho SV. Kế hoạch và nội dung KTĐG của mỗi học phần còn được GV phổ biến và cung cấp cho SV vào buổi học đầu tiên. đánh giá” (Hồ sơ khảo sát SV cuối khoá về chất lượng đào tạo 2016 - 2020). SV có kiến nghị về KQHT được Học viện giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của SV. Kết quả phúc khảo được công bố trên cổng thông tin dành cho SV và được thông báo tới Khoa chủ quản và Ban Quản lý Đào tạo.

Kết quả khảo sát SV cuối khóa năm 2019 và 2020 cho thấy có gần 80% số SV được khảo sát hài lòng với tiêu chí “Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí KTĐG”;

76,2% SV hài lòng về “Công tác KTĐG”; 82% SV hài lòng về “KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh KQHT”.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 5.2*

Việc khảo sát, lấy ý kiến các BLQ về mức độ hiểu và nắm rõ đầy đủ các qui định về KTĐG chưa được toàn diện. Chưa thấy khảo sát lấy ý kiến của GV và SV tốt nghiệp.

Qua kiểm tra cho thấy đáp án đề thi tự luận chưa có lời giải chi tiết cho từng ý của mỗi câu, có thang điểm cho từng ý và cho toàn bộ câu hỏi của đề thi và chưa nêu rõ thang điểm chi tiết. Khoa/Bộ môn chưa có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá các nội dung tự học của SV, mặc dù trong ĐCHP có giao nhiệm vụ cho SV tự học.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.2*

HV/Khoa cần rà soát và hoàn thiện hơn bộ câu hỏi khảo sát để đảm bảo các thông tin thu thập được bao phủ toàn diện được những vấn đề cần khảo sát và có nhiều thông tin hữu ích.

Cần rà soát PP KTĐG của các học phần (bao gồm cả đáp án bài thi) theo hướng tường minh, định lượng hơn (hướng dẫn xây dựng đáp án đề thi tự luận cần có lời giải chi tiết cho từng ý của mỗi câu, có thang điểm cho từng ý và cho toàn bộ câu hỏi của đề thi và nêu rõ thang điểm chi tiết).

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 5.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 5.3: PP đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.3*

HVBC&TT có quy định rõ ràng về PP đánh giá KQHT của người học (các QĐ số 3777/QĐ - HVBC&TT-DT ngày 18/10/2017; số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017; ĐCHP các năm 2016, 2018, 2020...). Theo đó, PP KTĐG của CTĐT được Khoa, GV sử dụng đa dạng, bao gồm kiểm tra khách quan (gồm trắc nghiệm khách quan, câu hỏi ngắn), thi viết tự luận, tiểu luận, vấn đáp, bài tập lớn (nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án) theo nhóm hoặc cá nhân... Sự đa dạng này được thể hiện rõ trong thống kê các hình thức dạy học và KTĐG, trong các ĐCHP chi tiết và trong các bài thi,

sản phẩm, báo cáo của SV (Bảng thống kê các hình thức KTĐG: Mẫu đề thi, KTĐG trong CTĐT - các loại hình KTĐG; mẫu bài thi, sản phẩm - theo các loại hình KTĐG).

Trước năm 2016, Trung tâm KT - KĐCLĐT phụ trách việc ra đề, chấm thi và báo cáo điểm. Năm 2018 các học phần thuộc môn cơ sở ngành và chuyên ngành được giao cho các Khoa phụ trách tổ chức thi, đánh số phách và lên điểm trên cơ sở lịch do Ban QLĐT sắp xếp chung cho toàn Học viện. Hiện tại, ngành QHCC tuân thủ theo quy định về PP và quy trình KTĐG của Học viện (Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí: Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo... số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT; ngày 01/9/2017; Hướng dẫn thiết kế PP KTĐG học phần số 2647/HDHVBC&TT ngày 09/07/2020). Các hình thức KTĐG chủ yếu mà Khoa/ngành đang thực hiện bao gồm: Thi viết luận, bài tập lớn, tiểu luận (việc đánh giá học phần dưới hình thức tự luận được thiết kế cho trên 43% tổng số học phần, hình thức bài tập lớn là 28% và tiểu luận là 16%). Hình thức thi kết thúc học phần được đề cập trong đề cương chi tiết các học phần và được áp dụng tổ hợp các PP KTĐG tương ứng với CDR của từng học phần (ĐCHP 2018, 2020).

Năm 2020, do dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp nên Học viện đã triển khai dạy học trực tuyến qua phần mềm Microsoft Teams. Vì vậy, ở nhiều học phần, GV đã triển khai hình thức KTĐG trực tuyến (QĐ số 4565/QĐ-HVBC&TT về việc ban hành Quy định tạm thời về công tác tổ chức kỳ thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho SV hệ đại học chính quy tập trung của HVBC&TT ngày 09/9/2021).

Việc thiết kế đề thi các học phần trong CTĐT ngành QHCC được thực hiện theo Kế hoạch, tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Học viện ban hành (Kế hoạch thẩm định ngân hàng đề thi kết thúc học phần số 3927/KH-HVBC&TT ngày 30/9/2020; Thông báo về việc rà soát, hoàn thiện ngân hàng đề thi học phần số 1183/TB-HVBC&TT ngày 07/4/2020). Căn cứ kế hoạch của Trung tâm KT-KĐCLĐT (Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi 2016 - 2020), các bộ môn phân công cán bộ giảng dạy xây dựng CSDL ngân hàng đề thi để đánh giá KQHT, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp chuyên môn của bộ môn và tiến hành điều chỉnh - nếu cần thiết (Biên bản nghiệm thu Ngân hàng câu hỏi tự luận của Khoa QHCC&QC; Biên bản họp tổ bộ môn QHCC về việc đánh giá nội dung ngân hàng câu hỏi; Bảng phân công GV xây dựng đề thi tự luận/câu hỏi trắc nghiệm; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu Ngân hàng câu hỏi Khoa QHCC&QC). Sau khi được sự nhất trí của bộ môn, của Khoa

ngân hàng câu hỏi và đề thi được chuyển tới Trung tâm KT-KĐCLĐT. Đến mỗi kỳ thi, đề thi được lựa chọn ngẫu nhiên từ cơ sở dữ liệu của ngân hàng đề thi thông qua phần mềm chuyên dụng. Việc tổ chức thi và chấm thi được thực hiện theo đúng quy định. Toàn bộ điểm bài thi được tổng hợp và cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý, đồng thời in 01 bản gốc tại Ban Quản lý đào tạo và 02 bản photo để lưu tại Trung tâm KT-KĐCLĐT và Văn phòng khoa (Danh sách cán bộ chấm thi, phiếu chấm, bài thi, kết quả biểu 4). Sau thời gian thi 15 ngày, người học được biết kết quả đánh giá trên tài khoản cá nhân. Người học có yêu cầu phúc khảo kết quả đánh giá học phần sẽ được giải quyết theo quy định của HV (Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần số 1117/QĐ-HVBC&TT -ĐT ngày 09/3/2018). Cơ sở dữ liệu về KTĐG KQHT của người học được lưu trữ và quản lý tại Trung tâm KT-KĐCLĐT.

Định kỳ, Học viện giao cho các Khoa và tổ bộ môn tổ chức rà soát đánh giá và bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi của các học phần (Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi số 2648/QĐ-HVBC&TT ngày 09/7/2020; Thông báo về việc rà soát, hoàn thiện ngân hàng đề thi học phần số 1183/TB-HVBC&TT ngày 07/4/2020).

Kết quả thống kê mức độ hài lòng của SV cuối khóa ngành QHCC về KTĐG năm 2018 có 44,59% SV cuối khóa hài lòng về KTĐG và năm 2020 có 76,2% SV hài lòng về KTĐG. Riêng nội dung “Quá trình KTĐG KQHT của SV khách quan, công bằng” thì năm 2019 có 74% SV hài lòng, năm 2020 có 84% SV hài lòng (Thống kê mức độ hài lòng của SV cuối khoá về KTĐG trong giai đoạn 2016-2020 ngành QHCC).

### *2. Tôn tại của tiêu chí 5.3*

Mặc dù HV/Khoa đã ban hành các văn bản quy định về KTĐG và đã triển khai nhiều hoạt động hướng tới việc đảm bảo độ khách quan, công bằng trong KTĐG, tuy nhiên chưa có minh chứng cụ thể, rõ ràng khẳng định PPDG đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Bởi lẽ, việc phân tích kết quả thi của SV với tất cả các học phần để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của PP KTĐG và của đề thi đã sử dụng như: Phân tích KQHT của SV ở các khoá khác nhau, ở các đợt thi khác nhau, ở các hình thức thi khác nhau... để đánh giá độ tin cậy của PPDG chưa được thực hiện thường xuyên, bài bản.

Trong đề cương chi tiết của nhiều học phần, mối quan hệ giữa PPDH và PP/hình thức KTĐG với CDR chưa được thể hiện rõ ràng, chính xác nên việc đo lường mức độ đạt được CDR của học phần còn chưa hoàn toàn khả thi.

Việc thực hiện phân tích, đối sánh điểm quá trình với điểm thi kết thúc học phần của lớp học phần nhằm phát hiện sự tương quan để điều chỉnh kịp thời, chưa được thực hiện thường xuyên. Kết quả kiểm tra hồ sơ thi của một số học phần cho thấy có sự chênh lệch điểm thi giữa các học phần thi trắc nghiệm, viết tự luận và đánh giá qua tiểu luận.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.3*

HV nên bổ sung modul phân tích kết quả thi trong phần mềm QLĐT để GV có thể phân tích được KQHT của lớp SV do mình phụ trách. Cuối mỗi học kỳ, Khoa/TBM và các đơn vị liên quan cần phân tích KQHT của SV, có đối sánh với các khoá trước và đối sánh với các hình thức KTĐG khác để đánh giá độ tin cậy, chính xác của PPDG và của đề thi kiểm tra.

Trong ĐCHP, cần thể hiện rõ ràng hơn mối quan hệ giữa PPDH và PP/hình thức KTĐG với CDR để có căn cứ điều chỉnh phù hợp, bảo đảm các PP/hình thức KTĐG đo lường chính xác mức độ đạt được CDR của học phần.

Nhà trường nên cử GV tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục để có thể định lượng đánh giá các đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 5.3 đạt mức: 3/7*

***Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.4*

Việc công bố kết quả KTĐG của SV được thực hiện theo Quy định về công tác khảo thí của Học viện (số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT, ngày 01/9/2017) và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 18/10/2017). Theo đó, trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo Thời khoá biểu đã ban hành, GV phụ trách học phần nhập điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần (kiểm tra định kỳ) lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Sau khi GV nhập điểm, SV có thể đăng nhập để xem kết quả đánh giá trên Cổng thông tin SV. SV có thể trao đổi trực tiếp với GV phụ trách về điểm đánh giá định kỳ để cải thiện các KQHT tiếp theo. Bản in điểm đánh giá định kỳ có chữ ký của

GV phụ trách học phần và xác nhận của Ban Chủ nhiệm khoa nộp về Ban QLĐT; gửi file mềm cho Trung tâm KT-KĐCLĐT. Theo Quy định về công tác khảo thí của Học viện thi: Đối với các môn thi trắc nghiệm, kết quả được công bố sau ngày thi 02 ngày; Đối với các môn đại cương, môn cơ sở ngành và chuyên ngành, việc chấm thi cần hoàn thành trong vòng 14 ngày. Sau 02 ngày hoàn thiện bảng điểm, phải công bố điểm thi cho SV. Riêng đối với các học phần vấn đáp, kết quả đánh giá được thông báo trực tiếp với người học ngay khi kết thúc buổi chấm thi, sau đó, kết quả cụ thể cũng được cập nhật trên phần mềm quản lý tương tự các học phần thi trắc nghiệm và tự luận.

Người học sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào Cổng tin SV và dễ dàng tra cứu KQHT của mình (Công thông tin của Học viện). SV có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần cho Trung tâm KT-KĐCLĐT trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Thời gian chấm phúc tra và công bố điểm cho SV là 2 tuần kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT, ngày 01/9/2017). Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho SV năm cuối cũng được thực hiện một cách nghiêm túc theo Điều 27 quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 18/10/2017).

KQHT của người học được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Học viện.

Kết thúc mỗi học kỳ Học viện đều bố trí các buổi họp giữa CVHT với lớp để tổng kết hoạt động học tập. Trong những buổi họp này, CVHT có thể ghi nhận thêm những ý kiến của người học liên quan đến việc phản hồi KQHT (Biên bản họp cố vấn học tập với lớp 2016 - 2020). Sau khi họp lớp, Khoa QHCC&QC và Học viện tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa SV, CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến phản hồi của SV về KQHT (Kế hoạch và báo cáo tổng hợp ý kiến đối thoại giữa BGD HV với SV 2016 -- 2020).

Theo kết quả khảo sát SV về chất lượng môn học và giảng dạy học kỳ I và học kỳ II năm học 2019 - 2020 cho thấy: Tỷ lệ 82% SV hài lòng về “KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh KQHT”.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 5.4*

HV quy định sau 14 ngày mới thông báo điểm thi cho người học là chậm hơn so với quy định.

Theo phản ánh của SV, trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng nên việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý đào tạo của người học còn gặp khó khăn, cản trở quá trình phản hồi KQHT kịp thời.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.4*

HV nên điều chỉnh Quy định về thời gian công bố KQHT cho người học sớm hơn. Một số hình thức thi (báo cáo nhóm, thực hành,..) cần quy định công bố công khai điểm ngay sau khi có kết quả đánh giá để có thể nhận thông tin phản hồi và giải quyết nếu có.

Cần tăng cường công tác giám sát việc phản hồi KQHT cho SV kịp thời theo đúng quy định.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.4*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 5.4 đạt mức: 4/7.*

## ***Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 5.5*

Học viện có quy định SV được quyền khiếu nại về KQHT của mình. Việc giải quyết khiếu nại của người học về KQHT được thực hiện theo Quy định khảo thí của Học viện (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT, ngày 01/9/2017) và Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần (QĐ số 1117/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 09/3/2018). Nội dung này cũng được CVHT, giáo viên trực tiếp giảng dạy các học phần phổ biến đến SV trong tuần giáo dục công dân đầu năm học hoặc khi bắt đầu các học kỳ; đồng thời được cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Học viện. Trong đó quy định nếu SV có thắc mắc về điểm số, SV có thể làm đơn phúc khảo gửi lên Trung tâm KT-KĐCLĐT. Mẫu đơn xin phúc khảo được công bố trên website Học viện và Sổ tay SV. Trung tâm KT-KĐCLĐT tiếp nhận đơn của SV, thành lập Ban phúc khảo bài thi. Sau đó, Trung tâm KT-KĐCLĐT tổng hợp danh sách và gửi danh sách tới Khoa có môn thi phải phúc khảo. Việc tổ chức phúc khảo do Trưởng khoa/Tổ trưởng bộ môn và hai cán bộ chấm thi thực hiện. Trung tâm KT-KĐCLĐT tổng hợp điểm thông báo cho SV, đưa lên website của Học viện sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn và gửi về Ban QLĐT để sửa điểm trên phần mềm quản lý đào tạo. Theo báo cáo và thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại của SV đều được giải quyết.



Học viện/Khoa đã khảo sát về mức độ hài lòng của người học đối với việc tiếp cận quy trình cũng như thời hạn và kết quả giải quyết khiếu nại của SV trong năm học 2019 - 2020, kết quả cho thấy có 82% SV hài lòng. Kết quả phỏng vấn, SV và cựu SV cũng cho thấy họ đều hài lòng đối với việc giải quyết khiếu nại về điểm thi của HV.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 5.5*

Mặc dù việc giải quyết khiếu nại về KQHT được các đơn vị trong HV thực hiện tương đối tốt, nhưng chưa quy định cụ thể, chi tiết về quy trình xử lý, cách tổ chức chấm phúc khảo, điều kiện được công nhận thay đổi điểm sau khi có kết quả chấm phúc khảo; chưa có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 5.5*

Quy định về phúc khảo bài thi cần được mô tả rõ ràng hơn về quy trình chấm phúc khảo (như cán bộ chấm thi phải khác với cán bộ chấm lần đầu, điều kiện được điều chỉnh điểm sau phúc khảo, nếu có sự thay đổi điểm phải tổ chức đối thoại giữa cán bộ chấm lần đầu và cán bộ chấm thi lần sau, việc xử lý trách nhiệm với những GV chấm thi có sai sót...). Nên có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 5.5*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 5.5 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 5:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành QHCC được thực hiện đúng quy trình theo quy định của Bộ GD&ĐT và HVBC&TT, phù hợp với CĐR, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học.

Các PP KTĐG có tính đa dạng, đảm bảo tương khách quan và công bằng.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại KQHT và có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Việc phân tích, đánh giá PPKTĐG, đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm chưa được thực hiện thường xuyên; chưa có tổng kết phương thức ra đề thi, đối sánh PP ra đề tự luận truyền thống với ra đề tự luận trắc nghiệm, hoặc giao làm tiểu luận.

Chưa có minh chứng cụ thể, rõ ràng khẳng định PPĐG đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Trong ĐCHP, mối quan hệ giữa PPDH và PP/hình thức KTĐG với CĐR chưa được thể hiện rõ ràng, chính xác nên việc đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần còn chưa hoàn toàn khả thi. Việc thực hiện phân tích, đối sánh điểm quá trình với điểm thi kết thúc học phần của lớp học phần để phát hiện sự tương quan nhằm điều chỉnh kịp thời, chưa được thực hiện thường xuyên.

Học quy định sau 14 ngày mới thông báo điểm thi cho người học là chậm hơn so với quy định. Học viện chưa quy định cụ thể, chi tiết về quy trình xử lý, cách tổ chức chấm phúc khảo, điều kiện được công nhận thay đổi điểm sau khi có kết quả chấm phúc khảo; chưa có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận.

Việc khảo sát, lấy ý kiến các BLQ về mức độ hiểu và nắm rõ đầy đủ các qui định về KTĐG chưa được toàn diện. Chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của GV và SV tốt nghiệp. Khoa/Bộ môn chưa có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá các nội dung tự học của SV, mặc dù trong ĐCHP có giao nhiệm vụ cho SV tự học.

#### **+ Kiến nghị**

HV/Khoa cần rà soát về thiết kế các PP KTĐG để đo lường mức độ đạt được CĐR của các học phần, nhất là đối với chuẩn về kỹ năng và chuẩn về mức độ tự chủ, trách nhiệm. Nhà trường cần có hướng dẫn đầy đủ về việc phân tích, đánh giá PP KTĐG; đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm, giao làm tiểu luận... Định kỳ cần phân tích KQHT của SV để có sự đối sánh đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của đề thi và PP KTĐG.

HV nên bổ sung modul phân tích kết quả thi trong phần mềm QLĐT để GV có thể phân tích được KQHT của lớp SV do mình phụ trách. Cuối mỗi học kỳ, Khoa/TBM và các đơn vị liên quan cần phân tích KQHT của SV, có đối sánh với các khoá trước và đối sánh với các hình thức KTĐG khác để đánh giá độ tin cậy, chính xác của PPĐG và của đề thi kiểm tra. Nhà trường nên cử GV tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục để có thể định lượng đánh giá các đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng.

HV cần điều chỉnh Quy định về thời gian công bố KQHT cho người học sớm hơn. Một số hình thức thi (báo cáo nhóm, thực hành...) cần quy định công bố công khai điểm ngay sau khi có kết quả đánh giá để có thể nhận thông tin phản hồi và giải quyết nếu có. Cần tăng cường giám sát việc phản hồi KQHT cho SV kịp thời theo đúng quy định. Nên thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về cách thức, thời gian phản hồi KQHT bài bản và thường xuyên hơn.

Cần mô tả rõ ràng hơn về quy trình chấm phúc khảo trong Quy định về phúc khảo bài thi cần được.

Cần rà soát PP KTĐG của các học phần tăng cường tính định lượng hơn. HV/Khoa cần rà soát và hoàn thiện hơn bộ câu hỏi khảo sát để đảm bảo các thông tin thu thập được bao phủ toàn diện được những vấn đề cần khảo sát và có nhiều thông tin hữu ích.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 5	Tiêu chí 5.1				4				3,80
	Tiêu chí 5.2				4				
	Tiêu chí 5.3			3					
	Tiêu chí 5.4				4				
	Tiêu chí 5.5				4				

## TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GV, NGHIÊN CỨU VIÊN

*Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCD.*

### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.1

Học viện đã có CLPT Học viện đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 08/7/2014); Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 770/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/2/2017) và CLPT này được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 6528-QĐ/HVBC&TT, ngày 31/12/2018. Trong đó, đánh giá thực trạng đội ngũ GV, NV trong từng giai đoạn; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đến năm 2035 và tầm nhìn 2050 đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH với các chỉ tiêu: Đến năm 2020, tỷ lệ

GV đạt 50% có trình độ TS, trong đó có 30% GS, PGS;... phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ là 70%, tỷ lệ GV có chức danh GS, PGS là 40%. Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn 2019-2023, định hướng đến năm 2030 (KH số 1864-KH/HVBC&TT ngày 18/4/2019) xác định rõ thực hiện mục tiêu cụ thể: đến năm 2023, CB, GV đạt 30% TS, 60% ThS, tỷ lệ GV là GS, PGS chiếm 0,14%; 25% GV dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh; đến năm 2030, CB, GV đạt 35% TS, 65% ThS, tỷ lệ GV là GS, PGS chiếm 0,22%; 30% GV dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh,... Đề án vị trí việc làm (Số 6079-ĐAHVBC&TT, ngày 31/12/2020) đã xác định rõ ràng việc quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV toàn Học viện (01 vị trí GV với 232 biên chế). Chiến lược phát triển của Khoa QHCC&QC đến năm 2035, tầm nhìn 2050 xác định rõ, đến 2030 tỷ lệ GV có trình độ TS là 50%; đến năm 2035, những GV của Khoa từ năm 2025 trở về trước đều đạt trình độ TS nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH.

Học viện đã có Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBC&TT giai đoạn 2016-2020 (404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016) và Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (5949-KH/HVBC&TT ngày 21/12/2018). Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lý để có kế hoạch tuyển dụng, ĐTBĐ đội ngũ GV hằng năm, đáp ứng nhu cầu của các CTĐT; đồng thời làm căn cứ xây dựng Đề án vị trí việc làm của đội ngũ CB, GV, NV.

Triển khai CLPT, Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NV của Học viện, Khoa đã xác định nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ GV, NV để xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ cho đội ngũ GV, NV hàng năm trình Giám đốc Học viện phê duyệt (Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng các năm 2015, 2017 và 2020; Kế hoạch ĐTBĐ hằng năm).

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV được Học viện thực hiện theo Quy định về việc tuyển dụng CC, VC (số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 4503/QĐ-HVCTQG, ngày 12/10/2016); Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 339-QĐ/HVCTQG, ngày 22/01/2019); Đề án vị trí việc làm. Trong đó, quy định rõ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng cho từng vị trí chức danh; chính sách thu hút, đãi ngộ, ĐTBĐ nhân sự. Việc kéo dài thời gian làm việc của các GV được Trường thực hiện theo

quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Hằng năm, Nhà trường thực hiện đúng quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, giải quyết chế độ hưu trí, tiếp nhận GV từ nơi khác, chuyển công tác hoặc chấm dứt đối với người lao động và đều được thông báo trước với đương sự và công khai. Việc chấm dứt hợp đồng lao động, cho nghỉ hưu của CB, GV, NV; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được Nhà trường áp dụng theo Điều 36 và Điều 187 của Bộ Luật Lao động (Luật số: 10/2012/QH13); Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018); Quy định về kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn đối với GV (QĐ số 5803/QĐ-HVCTQG ngày 7/12/2017)); Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh GS, PGS; thủ tục hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm GS, PGS (QĐ số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018). Tại thời điểm đánh giá ngoài, ngành QHCC có 08 GV, trong đó có 04 TS (chiếm 50 %); 04 ThS (chiếm 50%). Giai đoạn 2016-2021, ngành QHCC có 03 GV được thăng hạng chức danh nghề nghiệp, 02 GV được tuyển dụng mới, 02 GV được điều động/thuyên chuyển, 01 GV được kéo dài thời gian làm việc theo quy định.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 6.1*

Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT mới chỉ định hướng chung về mục tiêu và giải pháp phát triển Học viện và mục tiêu phấn đấu chung của cả đội ngũ CB, GV mà chưa xác định rõ ràng các chỉ tiêu phấn đấu chung về đội ngũ CB, GV giai đoạn ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm); chưa xác định chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV, NCV cho từng nhóm ngành đào tạo.

Học viện chưa có Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV trong các giai đoạn phát triển Học viện và kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC giai đoạn trước năm 2019.

Chiến lược phát triển của Khoa chưa được Học viện phê duyệt mà chỉ có Trưởng khoa ký là chưa phù hợp.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.1*

Trên cơ sở Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT, nhu cầu đội ngũ CB, GV theo các nhóm ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động NCKH, HTQT, PVCĐ, Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và

Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.1*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 6.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCD.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.2*

Khoa QHCC&QC hiện đang đào tạo 02 ngành QHCC và Quảng cáo trình độ ĐH. Tính đến tháng 31/7/2021, ngành QHCC có 09 GV cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT, trong đó có 01 PGS, 04 TS, 04 ThS. Quy đổi theo quy định tại Công văn 1074/KTKĐCLGD- KĐĐH, ngày 28/06/2016 tính tỉ số FTEs của GV và SV thì năm học 2020-2021, tỷ lệ GV/SV là 1/17; năm học 2019-2020 tỷ lệ GV/SV là 1/19; năm học 2018-2019 tỷ lệ GV/SV là 1/24; năm học 2017-2018 tỷ lệ GV/SV là 1/23; năm 2016-2017 tỷ lệ GV/SV là 1/28. GV cơ hữu của Học viện đảm nhiệm tối thiểu 90% thời lượng CTĐT ngành QHCC theo quy định.

Trong giai đoạn đánh giá, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được Học viện thực hiện Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (QĐ số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018). Theo đó, Nhà trường đã quy định về quy đổi giờ giảng, giờ NCKH và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ chuẩn và theo chức danh GV: giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS, GS và GV chưa đạt trình độ TS là 270 giờ, đối với TS là 290; giờ chuẩn NCKH đối với GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, TS là 850 giờ; giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác của GS là 90 giờ, PGS là 110 giờ; TS là 210 giờ. Ngoài ra, số giờ giảng chuẩn và giờ chuẩn NCKH còn được quy định đối với từng loại chức danh GV như: GVC (Hạng II) giờ chuẩn giảng dạy; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS:

280, 700 và 260;...Ngoài ra, còn quy định số giờ NCKH cho từng loại sản phẩm NCKH và số giờ giảng chuẩn cho GV giữ chức vụ quản lý; quy định sản phẩm mỗi GV phải đạt được theo đúng quy định.

Đầu mỗi năm học, Khoa căn cứ kế hoạch công tác của từng GV và phối hợp với Ban QLĐT để phân công khối lượng giảng dạy theo kế hoạch ĐT; phối hợp với Ban QLKH để giao khối lượng giờ NCKH cho GV (Bảng phân công khối lượng giảng dạy/NCKH hàng năm cho từng CB, GV; Kế hoạch hằng năm học). Cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Ban QLĐT thống kê khối lượng giảng dạy và Ban QLKH thống kê khối lượng NCKH của từng GV làm căn cứ đánh giá việc thực hiện công việc của GV bằng phần mềm (Bảng thống kê số giờ giảng và giờ NCKH cuối mỗi năm học và có so sánh với định mức hằng năm).

Việc quản lý, giám sát, đánh giá về khối lượng, chất lượng giảng dạy và NCKH của GV, NCV được thực hiện thông qua Khoa và Ban QLĐT, Ban QLKH và Ban Thanh tra. Việc đánh giá khối lượng và chất lượng công việc của CB, GV, NV vào cuối năm học, được Học viện thực hiện ở Khoa theo hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ CCVC hằng cuối mỗi năm. Giai đoạn 2016-2021, bình quân số giờ giảng và NCKH của GV đều vượt so với định mức theo quy định<sup>1</sup>; GV ngành QHCC thực hiện 32 đề tài cấp cơ sở, biên soạn và xuất bản 02 sách chuyên khảo, 04 sách giáo trình; công bố 02 bài báo quốc tế; 50 bài báo tạp chí khoa học trong nước; 2 tham luận trình bày tại hội thảo, hội nghị quốc tế và 22 tham luận trình bày tại hội thảo trong nước (từ cấp trường trở lên).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 6.2*

Việc quy định thống nhất cách tính tỷ lệ GV/SV còn chưa thống nhất trong toàn Học viện.

Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Ví dụ công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) còn thấp (3 triệu đồng/1 bài), năm 2021 Học viện đã điều chỉnh bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus lên tối đa 10 triệu đồng/bài nhưng vẫn thấp so với nhiều CSGD ĐH khác.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.2*

Học viện cần ban hành hướng dẫn cách tính tỷ lệ GV/SV để thực hiện thống nhất

<sup>1</sup> Năm học 2020-2021, bình quân giờ giảng của mỗi GV là 767,52 giờ (vượt định mức là 290%) và bình quân số giờ NCKH của mỗi GV thực hiện là 1110 giờ (vượt 67% so với định mức). Tương tự, năm học 2016-2017, là 581,89 giờ giảng (vượt định mức giờ giảng là 243%) và 472,86 giờ NCKH (vượt 11% so với định mức); năm học 2017-2018, là 547,71 giờ giảng (vượt định mức là 252%) và 459,7 giờ NCKH (vượt 11% so với định mức); năm học 2018-2019, là 559,75 giờ giảng (vượt định mức là 186%) và là 804,11 giờ NCKH (vượt 26% so với định mức); năm học 2019-2020, là 751,74 giờ giảng (vượt định mức là 322%) và 1146,25 giờ NCKH (vượt 83% so với định mức).

trong các Khoa của Học viện.

Cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế, biên soạn và xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.2*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 6.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.3*

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV, NV được Học viện thực hiện theo Quy định về việc tuyển dụng CC, VC (số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014); Đề án vị trí việc làm kèm theo Bản mô tả công việc của vị trí việc làm CB, GV, NV (QĐ phê duyệt số Số 6079-ĐA/HVBC&TT, 31/12/2020). Trong đó, đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (bao gồm tiêu chí tuyển dụng cả về đạo đức và năng lực); quy trình tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm. Trong giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở nhu cầu thực tế đội ngũ GV và của CTĐT, NCKH của các Khoa và năm 2016, 2017 khi có nhu cầu tuyển dụng, Học viện ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức và điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng cho phù hợp (KH số 4212/KH-HVBC&TT ngày 16/12/2015; số 1007/KH-HVBC&TT ngày 10/3/2017,..). Ngoài tiêu chí tuyển dụng chung của Trường thì Khoa còn xác định tiêu chí tuyển dụng riêng cho ngành QHCC như: Ngoại hình cân đối, không gặp hạn chế trong biểu đạt ngôn ngữ: có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương; ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm giảng dạy và NCKH, ứng viên có bằng thạc sĩ và tiến sĩ về QHCC.

Trong các thông báo kế hoạch tuyển dụng giai đoạn 2016-2020 của Trường cũng đã nêu cụ thể tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Các thông báo tuyển dụng và kết quả tuyển dụng GV đăng trên website và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Học viện. Việc mời GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm được Học viện thực hiện theo Quy định về GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm của HVCTQG HCM (Số 1212/QĐ-HVCTQG ngày 1/4/2015; số 4334/QĐ-HVCTQG ngày 20/12/2016)



Việc thực hiện bổ nhiệm GV vào chức danh lãnh đạo, quản lý của Trường được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (số 4503/QĐ-HVCTQG, ngày 12/10/2016; số 339-QĐ/HVCTQG, ngày 22/01/2019); Đề án vị trí việc làm. Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp viên chức; bổ nhiệm GS, PGS và kéo dài thời gian công tác được Học viện thực hiện theo các quy định của Luật Viên chức (số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDDH (số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018), Nghị định Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020); Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (số 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 6/11/2015). Quy trình, kết quả tuyển chọn, bổ nhiệm đều được Học viện công khai trên email, văn bản giấy, phổ biến qua cuộc họp; trên báo viết, báo nói, báo hình; trên trang tin điện tử của trường và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Học viện. Tại thời điểm đánh giá ngoài, ngành QHCC có 08 GV, trong đó có 04 TS (chiếm 50 %); 04 ThS (chiếm 50%). Giai đoạn 2016-2021, ngành QHCC có 03 GV được thăng hạng chức danh nghề nghiệp: 02 GV được tuyển dụng mới; 02 GV được điều động/thuyên chuyển; 1 GV được kéo dài thời gian làm việc theo quy định.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 6.3*

Tuy Học viện/Khoa đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nghiêm túc, công khai, đúng quy định về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đội ngũ GV nhưng kết quả tuyển dụng chưa được như mong muốn, đội ngũ GV của ngành QHCC còn mỏng (09 GV), GV có chức danh PGS ít (01, hiện nay đã nghỉ hưu), 04 TS chưa đáp ứng nhu cầu CTĐT và NCKH trong thời gian tới.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.3*

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành QHCC, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến (cần điều chỉnh tiêu chuẩn cho phù hợp với từng giai đoạn); chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH) làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.3*

(Không có).

5. *Đánh giá tiêu chí 6.3 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.***

1. *Điểm mạnh của tiêu chí 6.4*

Một số tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ GV của Học viện được thể hiện ở các văn bản: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (Số: 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 28/11/2014; Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (QĐ số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT (QĐ số 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25/9/2011; số 653/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018). Trong đó, đã xác định một số năng lực chung của GV. Theo đó, năng lực của GV được xác định qua năng lực sư phạm: năng lực giảng dạy, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học,...; qua năng lực NCKH: năng lực thực hiện các công trình, đề tài NCKH và công bố KH trong nước và quốc tế, viết giáo trình, sách. Việc đánh giá khối lượng công việc của GV được đánh giá dựa trên những quy định về số lượng giờ giảng, giờ NCKH và các giờ hoạt động quản lý chuyên môn khác được quy đổi ra giờ chuẩn. Nhà trường đã quy định về quy đổi giờ giảng, giờ NCKH và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ chuẩn và theo chức danh GV: giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS, GS và GV chưa đạt trình độ TS là 270 giờ, đối với TS là 290; giờ chuẩn NCKH đối với GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, TS là 850 giờ; giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác của GS là 90 giờ, PGS là 110 giờ; TS là 210 giờ; GVC (Hạng II) giờ chuẩn giảng dạy; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260;...

Đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH được thực hiện ngay trong quá trình tuyển dụng và định kỳ hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể trong đánh giá, phân loại GV. Căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; quy định chuẩn năng lực sư phạm và chuẩn kỹ năng sử dụng Ngoại ngữ, tin học,... Hàng năm, Nhà trường/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: (i) Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, NCV qua quá trình dạy học của GV (lấy ý

kiến từ người học), dự giờ theo từng học kỳ, qua kết quả ĐTBĐ năng lực của GV; (ii) Đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH cuối mỗi năm học như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình,... Cuối mỗi năm học, tất cả GV đều thực hiện đánh giá, xếp loại theo Hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ CCVC của HVBC&TT hằng năm và Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQG HCM (số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019). Tính đến 30/8/2021, ngành QHCC có 100% GV có chứng chỉ NVSP và chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định; giai đoạn 2016-2021, 11 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 25 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 2 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 6.4*

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để ĐG, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.4*

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hằng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCD; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.4*

(Không có).

5. *Đánh giá tiêu chí 6.4 đạt mức: 3/7.*

***Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.5*

Công tác ĐTBĐ dài hạn nâng cao trình độ của Học viện được thực hiện dựa trên cơ sở Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 770/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/2/2017) và CLPT được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 6528-QĐ/HVBC&TT, ngày 31/12/2018; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Trong đó, nêu rõ chỉ tiêu phấn đấu đội ngũ GV đạt trình độ TS: “Đến năm 2030, phấn đấu 50% CB, GV đạt trình độ tiến sĩ”. CLPT của Khoa QHCC&QC đến năm 2035, tầm nhìn 2050 nêu rõ “Đến năm 2035, những GV công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị Tiến sĩ” và “số lượng tiến sĩ từ 8 GV lên 12 GV; tăng số PGS: từ 3 lên 5. Tăng tổng số GV từ 13 GV lên 17 GV”. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản này và kết quả phân tích thực trạng đội ngũ; nhu cầu CTĐT, nhu cầu ĐTBĐ của các GV/đơn vị, Học viện ban hành Kế hoạch ĐTBĐ và tổ chức thực hiện ĐTBĐ (Các kế hoạch và các phiếu đăng kí nhu cầu ĐTBĐ hàng năm). Các khoá ĐTBĐ bao gồm: đào tạo nâng cao trình độ lên trình độ ThS, TS; bồi dưỡng chứng chỉ NVSP, công tác KĐCL; kiến thức lý luận chính trị; ngoại ngữ, tin học.

Quy định về ĐTBĐ cán bộ, CCVC (QĐ số 1439/QĐ-HVCT-HCQG ngày 1/5/2013, 367/QĐ-HVCTQG ngày 17/01/2018); văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT (số 977/QĐ-HVBC&TT ngày 2/4/2014; số 1818/QĐ-HVBC&TT ngày 24/4/2018) quy định rõ nguyên tắc, hình thức, điều kiện trách nhiệm, quyền lợi, hỗ trợ kinh phí và tổ chức thực hiện việc học tập, nghiên cứu và ĐTBĐ của CB, GV, NV. Trong đó, Quy định số 367, học viện hỗ trợ 100% học phí; miễn giảm 100% giờ giảng (học tập trung) và 50% (học không tập trung), hưởng lương, và phúc lợi trong thời gian đi ĐTBĐ; NCS hoàn thành khoá học được hỗ trợ 05 triệu đồng/người; ThS hỗ trợ 03 triệu đồng/người),.... Hằng năm, Học viện tổ chức cho GV đi ĐTBĐ trên cơ sở nhu cầu ĐTBĐ của GV (đăng kí của GV). Kế hoạch được thông báo tới các đơn vị toàn Trường để triển khai thực hiện và được giám sát bởi P.TCCB và

Khoa. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng hằng năm (Bảng thống kê các khóa ĐTBĐ nâng cao trình độ, năng lực cho CB, GV, NV giai đoạn 2016- 2021; báo cáo kết quả ĐTBĐ hằng năm của Học viện/Khoa). Triển khai các Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ GV, giai đoạn 2016-2021, toàn Học viện có ít nhất 80% số GV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hằng năm của Học viện. Tính tới thời điểm này, 100% GV ngành QHCC có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định. Trong giai đoạn 2016-2021, ngành QHCC có 02 GV được đi thực tế dài hạn; 10 GV đi bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, 10 GV bồi dưỡng nghiệp vụ SP (về PPGD, KTĐG), 09 GV được bồi dưỡng về công tác KĐCL; 03 GV được bồi dưỡng lý luận chính trị; 03 GV có bằng cao cấp lý luận chính trị; 05 GV được bồi dưỡng có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định.

Từ năm học 2018-2019 trở đi, Nhà trường/Khoa đều thực hiện khảo sát sự hài lòng đối với GV về kế hoạch phát triển, bồi dưỡng đội ngũ GV. Kết quả khảo sát cho thấy: Ví dụ năm học 2020-2021, khảo sát 181 GV, trong đó có 73.6% GV của Trường (trong đó, 80% GV ngành QHCC) được hỏi hài lòng về kế hoạch phát triển, bồi dưỡng GV; có 81.8% GV của Trường (trong đó, 80% GV ngành QHCC) hài lòng khi được ĐTBĐ phù hợp với nguyện vọng cá nhân; có 87% GV phản hồi được tham gia từ 1 đến 3 lần bồi dưỡng NVSP, tin học, ngoại ngữ...; 23% GV phản hồi được tham gia từ 3 đến 5 lần. Trong đó, 100% GV của ngành QHCC được tham gia ĐTBĐ chuyên môn, nghiệp vụ trong giai đoạn 2016-2021.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 6.5*

Học viện chỉ có kế hoạch ĐTBĐ hằng năm mà chưa có Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ CB, GV giai đoạn 2016-2021. Còn chưa có nhiều khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.5*

Học viện/Khoa cần rà soát lại công tác ĐTBĐ giai đoạn 2016-2020 để xây dựng kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ GV giai đoạn tới (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn); tổ chức thêm các khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.5*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 6.5 đạt mức: 4/7*

***Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCĐ.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.6*

Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ được Học viện thực hiện theo các văn bản: Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT; Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT (QĐ số 881/QĐ-HCVBCTT ngày 25/9/2011; số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018); Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT; Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản này đã xác định rõ khối lượng các công việc và tiêu chí đánh giá năng lực cho từng CB, GV, NV và là cơ sở để Học viện quản trị mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV hằng năm. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV, Học viện đã thực hiện theo Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu Thi đua hằng năm (Hướng dẫn các năm 2017 đến 2021) và Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQG HCM (số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019). Hệ thống các Quy định, Quy chế này được công bố rộng rãi, đầy đủ đến CB, GV, NV trong toàn Trường.

Mỗi đầu năm học, các đơn vị nói chung và Khoa QHCC&QC xây dựng kế hoạch về đào tạo và NCKH trên cơ sở định mức khối lượng giờ giảng và NCKH cũng như các hoạt động khác theo quy định của từng năm học và trên cơ sở kế hoạch cá nhân của từng GV; đồng thời các GV đăng ký danh hiệu thi đua năm học và được Lãnh đạo Khoa phê duyệt (Bảng phân công giờ giảng và Bảng phân công khối lượng NCKH của Khoa; Kế hoạch công việc của các đơn vị thuộc Học viện hằng năm). Cuối mỗi năm học, tất cả CB, GV, NV thực hiện đánh giá, xếp loại theo Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, CCVC và người lao động hằng năm của HVCTQG HCM và của

HVBC&TT<sup>2</sup>. theo đó việc đánh giá GV được thực hiện theo 3 bước: (i) GV tự đánh giá, xếp loại (ii) Khoa tiến hành họp với toàn bộ GV để đánh giá; (iii) Trường đơn vị quyết định đánh giá, phân loại; (iv) Hội đồng TĐ-KT Học viện đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV được sử dụng làm cơ sở để xét thi đua, khen thưởng, tính tiền lương bổ sung; bổ nhiệm, điều chuyển và là căn cứ xây dựng kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được công khai, minh bạch và được giám sát bởi Ban TCCB chủ trì phối hợp Ban Thanh tra và các đơn vị của Học viện. Giai đoạn 2016 - 2020, ngành QHCC có 11 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 25 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 2 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; có 38 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, có 4 lượt GV đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở và có 7 lượt GV đạt giấy khen, kỷ niệm chương của HVCTQGHCM (khen thưởng bậc cao); 02 GV đạt danh hiệu “GV giỏi” cấp Bộ; có 5 lượt Khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, 1 lượt nhận cờ thi đua và bằng khen của HVCTQGHCM.

Trong giai đoạn 2016-2021, CB, GV, NV đều hài lòng về kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng của Học viện/Khoa; chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng của Khoa và Học viện. Ví dụ: Năm học 2020 - 2021, qua khảo sát 181 GV, có 77.7% GV của toàn trường (trong đó, 100% GV ngành QHCC) được hỏi hài lòng về khối lượng công việc của mình hợp lý; có 68.92% GV của toàn trường (trong đó, 80% GV ngành QHCC) được hỏi hài lòng việc Học viện thực hiện quản trị GV (đánh giá, khen thưởng, công nhận...) dựa trên hiệu quả công việc; có 66.89% GV của toàn trường (trong đó, 80% GV ngành QHCC) được hỏi hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận).

## *2. Tồn tại của tiêu chí 6.6*

Học viện chưa có quy định chung về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC mà chỉ có hướng dẫn thực hiện hằng năm.

Chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCD của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; chưa đưa kết quả đánh giá năng lực GV thành 1 tiêu chí đánh giá, xếp loại GV; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD còn chưa rõ nét như hoạt động ĐT và NCKH.

<sup>2</sup> Hướng dẫn số 2017468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017; 5460-HD/HVBCTT ngày 26/11/2018; số 910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019; số 348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2020; số 3998/HĐ-HVBC&TT ngày 7/11/2017; số 5460-HD/HVBC&TT ngày 26/11/2018; số 4752-HD/HVBCTT ngày 22/10/2019;

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.6*

Nhà trường cần quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành 1 tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.6*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 6.6 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 6.7*

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động KHCN của Học viện được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học được ban hành tại QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011 và Quy định chế độ làm việc đối với GV (QĐ số 928/QĐ-HVBC&TT ngày 01/03/2018). Theo đó, hoạt động NCKH gồm có 10 loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học, biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, hướng dẫn người học tham gia NCKH... Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GS là 950 giờ, đối với PGS là 900 giờ, đối với GV có trình độ TS là 700 giờ, đối với GV có trình độ ThS là 600 giờ. Quy đổi một số hoạt động KHCN ra giờ giảng lý thuyết được quy định tương đối rõ ràng như bài báo trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài... Học viện đã có chính sách khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc như thưởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức Hội nghị Khoa học của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp.

Hoạt động KHCN của Khoa được giám sát tương đối chặt chẽ. Hằng năm GV chủ động đăng ký các nhiệm vụ KHCN. Hội đồng thẩm định cấp Khoa và cấp Trường



xem xét quyết định. Theo quy định của Học viện thì Ban QLKH có nhiệm vụ tư vấn giúp lãnh đạo xây dựng kế hoạch KHHCN, tổ chức kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện các đề tài/dự án... Nghiên cứu hồ sơ minh chứng nhận thấy, công tác quản lý và giám sát tiến độ thực hiện các đề tài được thực hiện khá chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch hoạt động, xây dựng đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch kinh phí KHHCN, thẩm định và phê duyệt đề tài, giám sát và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng... Ngoài chính sách khen thưởng, Học viện cũng có chế tài xử phạt đối với các chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ đã ký với cơ quan phê duyệt đề tài. Ngoài kinh phí hoạt động KHHCN được cấp từ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan khác, hằng năm Học viện đều dành một nguồn kinh phí khá lớn từ nguồn thu để chi thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở như năm 2020 đã chi 3,644 tỉ đồng. Kinh phí chi cho mỗi đề tài cấp cơ sở tăng dần và đến năm 2020 là 12–100 triệu đồng/đề tài tùy thuộc vào chất lượng sản phẩm. Trong giai đoạn đánh giá, GV của Khoa đã thực hiện 02 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 32 đề tài cấp cơ sở; công bố 02 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 22 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, xuất bản 04 sách chuyên khảo và 02 giáo trình; tổ chức 05 hội thảo khoa học quốc tế và 13 hội thảo khoa học trong nước.

Khoa có thực hiện thống kê, tự đối sánh kết quả NCKH của đội ngũ GV trong khoa giữa các năm trong giai đoạn đánh giá.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 6.7*

Học viện có quy định cụ thể về số giờ chuẩn NCKH cho các đối tượng GV nhưng không có quy định tường minh về sản phẩm KHHCN mà mỗi GV trong năm học phải có như Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 và thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Khoa chưa triển khai việc đối sánh kết quả NCKH của GV ngành QHCC với GV các ngành khác trong Học viện cũng như với cùng ngành của các trường đại học khác.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 6.7*

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học là “Kết quả nghiên cứu khoa học của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và

chuyên giao công nghệ; tối thiểu tương đương với một đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành”. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KH-CN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án. Nên thường niên đối sánh kết quả NCKH với các ngành khác trong Học viện và với cơ sở đào tạo khác trong nước.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 6.7*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 6.7 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 6:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV, trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt.

Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu ĐT, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban TCCB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Quy định đầy đủ về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và được giám sát chặt chẽ. Học viện đã chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH Đội ngũ GV của Khoa đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và ĐG hằng năm học.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT mới chỉ định hướng chung về mục tiêu và giải pháp phát triển Học viện và mục tiêu phấn đấu chung của cả đội ngũ CB, GV mà chưa xác định rõ ràng các chỉ tiêu phấn đấu chung về đội ngũ CB, GV giai đoạn ngắn hạn (5 năm), trung hạn (10 năm); chưa xác định chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV, NCV cho từng nhóm ngành đào tạo.

Các Chiến lược phát triển của Khoa chưa được Học viện phê duyệt mà chỉ có Trường khoa hoặc Phó trưởng khoa kí và không có ngày tháng ban hành.

Học viện/Khoa đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nghiêm túc, công khai, đúng quy định về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đội ngũ GV nhưng kết quả tuyển dụng chưa được như mong muốn, đội ngũ GV của ngành QHCC còn mỏng (09 GV), GV có chức danh PGS ít (01, hiện nay đã nghỉ hưu), 04 TS chưa đáp ứng nhu cầu CTĐT và NCKH trong thời gian tới.

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để ĐG, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Học viện chỉ có kế hoạch ĐTBĐ hằng năm mà chưa có Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển đội ngũ CB, GV giai đoạn 2016-2021. Còn chưa có nhiều khoá ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

Học viện chưa có quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, CCVC mà chỉ có hướng dẫn hằng năm; chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCĐ của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; chưa đưa kết quả đánh giá năng lực GV thành 1 tiêu chí đánh giá, xếp loại GV; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động ĐT và NCKH.

Học viện có quy định cụ thể về số giờ chuẩn NCKH cho các đối tượng GV nhưng không có quy định tường minh về sản phẩm KHCN mà mỗi GV trong năm học phải có như Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 và Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Khoa chưa triển khai việc đối sánh kết quả NCKH của GV ngành QHCC với GV các ngành khác trong Học viện cũng như với cùng ngành của các trường đại học khác.

#### **+ Kiến nghị**

Trên cơ sở Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn 2050 của HVBC&TT, nhu cầu đội ngũ CB, GV theo các nhóm ngành đào tạo và lĩnh vực hoạt động NCKH, HTQT, PVCĐ, Học viện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của HV và Kế hoạch phát triển đội ngũ CCVC theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên cơ sở này, các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị; kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự, kế hoạch quy hoạch cán bộ của Khoa và trình Giám đốc Học viện phê duyệt để làm căn cứ triển khai thực hiện, đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn ứng viên có trình độ tiến sĩ đúng ngành QHCC, ưu tiên GV được đào tạo ở các nước tiên tiến; chức danh GS, PGS có đạo đức và năng lực chuyên môn cao và có kinh nghiệm, uy tín trong giảng dạy và NCKH để bổ nhiệm chức danh quản lý chuyên môn và NCKH, làm nòng cốt cho Khoa và đảm bảo đủ số lượng đội ngũ GV theo quy định.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV, trong đó, có quy định rõ ràng các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ, quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực.

Nhà trường cần quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH. Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu

chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Khoa QHCC&QC nên định kỳ thực hiện đối sánh kết quả NCKH với các ngành khác trong Học viện và với các CSGD ĐH khác trong nước.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 6	Tiêu chí 6.1				4				3,86
	Tiêu chí 6.2				4				
	Tiêu chí 6.3				4				
	Tiêu chí 6.4			3					
	Tiêu chí 6.5				4				
	Tiêu chí 6.6				4				
	Tiêu chí 6.7				4				

## TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NV

**Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCD.**

### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.1

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (QĐ số 77/QĐ-HVBC&TT ngày 20/02/2017), trong đó xác định rõ Sứ mệnh, Tầm nhìn 2050, mục tiêu chiến lược. Trong chiến lược phát triển, có đặt ra mục tiêu về nguồn nhân lực như đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa với cơ cấu hợp lý.

Khoa QHCC&QC đã ban hành chiến lược phát triển đến năm 2035 tầm nhìn 2050, trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực như đẩy mạnh gửi cán bộ ra nước ngoài học tập, có chế độ khuyến khích và tạo điều kiện cho phó giáo sư và tiến sĩ nghiên cứu khoa học, tiếp nhận và bồi dưỡng cử nhân, thạc sĩ xuất sắc của Khoa để bổ sung cho đội ngũ GV.

Đề án vị trí việc làm (số 6079-DA/HVBC&TT ngày 31/12/2020) quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ có 19 vị trí với 125 biên chế và 19 hợp đồng,

trong đó, có quy hoạch NV các Phòng, Ban của Học viện là 96 người, Trung tâm thông tin khoa học là 9 người, trợ lý văn phòng khoa là 17 người và các dịch vụ hỗ trợ khác 3 người.

Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng (trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014 và trong Quy chế chi tiêu nội bộ). Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Tại thời điểm đánh giá, đội ngũ NV hỗ trợ có 130 người, trong đó 2 tiến sĩ, 82 thạc sĩ, 31 cử nhân và 15 các trình độ khác. Khoa QHCC&QC có 01 NV trình độ thạc sĩ làm trợ lý Khoa, công tác hành chính, giáo vụ ... Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị. Phòng ban chức năng và Khoa đã thực hiện khảo sát sự hài lòng của các đơn vị chức năng khác và của SV về chất lượng phục vụ. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy 86,2% SV tham gia khảo sát hài lòng về chất lượng phục vụ của các NV phòng chức năng. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn người học, GV cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của NV hỗ trợ.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 7.1*

Chiến phát triển của Học viện và của Khoa chưa có dự báo về đội ngũ CB, GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng, chưa chú trọng nhiều đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Chiến lược phát triển của Khoa chưa rõ thời gian ban hành, chưa quan tâm nhiều đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đề án vị trí việc làm chưa được Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt; một số vị trí việc làm chưa rõ ràng dẫn đến mô tả chung chung, gây khó khăn cho tuyển dụng và đánh giá, chẳng hạn vị trí "NV phục vụ", "NV".

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.1*

Học viện, Khoa nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ CB, GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng và quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Khoa QHCC&QC cần làm rõ thời gian ban hành các văn bản, đặc biệt là các văn

bản quan trọng như Chiến lược phát triển của Khoa. Cần quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện BC&TT nên rà soát lại đề án vị trí việc làm để đảm bảo khả thi, đặc biệt là làm rõ hơn một số vị trí việc làm như "NV phục vụ", "NV" và trình độ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.1*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 7.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.2*

Học viện đã ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014, trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với ngạch nghiên cứu viên, ngạch chuyên viên và tương đương.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý ban hành theo QĐ số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi Giám đốc ký ban hành. Hồ sơ minh chứng cho thấy: Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và NV trong Học viện qua trang thông tin điện tử của Học viện và gửi bằng đường văn thư đến các đơn vị.

*2. Tồn tại của tiêu chí 7.2*

Hiện nay, Học viện vẫn sử dụng Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đã ban hành năm 2014 nên chưa phù hợp với Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chủ yếu dành cho các chức danh quản lý, chưa đề cập nhiều đến việc điều chuyển NV.

*3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.2*

Học viên nên xem xét ban hành riêng các Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cần chú trọng nhiều hơn đến việc điều chuyển NV.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.2*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 7.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.3*

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ban hành theo QĐ số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua năm 2020 số 4341-HD/HVBC&TT ngày 19/10/2020 của Học viện BC&TT và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành theo Quyết định số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014), trong Đề án vị trí việc làm của Học viện Báo chí và tuyên truyền số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020. Theo đó, năng lực gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc của từng Ban/Khoa như tổ chức cán bộ, quản lý đào tạo, quản lý khoa học, kế hoạch-tài chính, hợp tác quốc tế, thông tin khoa học, tạp chí lý luận chính trị và truyền thông, văn phòng, trợ lý văn phòng khoa, y tế, văn thư lưu trữ, NV kỹ thuật,.. Đối với Khoa QHCC&QC còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó vị trí NV văn phòng khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua của Học viện ban hành năm 2017, đã được rà soát, điều chỉnh sửa đổi hằng năm để các tiêu chí đánh giá sát với yêu cầu thực tế.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: NV tự đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị,



người học đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi cán bộ, NV biết và cùng triển khai thực hiện.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ (loại A hệ số 2, loại B hệ số 1,5 và loại C hệ số 1). Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV theo Luật Viên chức, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Hồ sơ minh chứng cho thấy, tỷ lệ NV của Học viện/Khoa được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 là 100%, còn xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tương ứng là 2,6%; 1,6%; 1,6% và 8,4%. Riêng kết quả xếp loại NV của Khoa thì trong tất cả các năm đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ NV toàn Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên từ năm 2016 đến năm 2020 tương ứng là 18%; 17%; 20%; 19% và 18%.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 7.3*

Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,... chưa gắn với đề án vị trí việc làm.

QĐ số 4780/QĐ-HVBC&TT về việc ban hành Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ vào Quy chế Thi đua, Khen thưởng được ban hành kèm theo Quyết định số 4740/QĐ-HVBC&TT năm 2014. Tuy nhiên, Quy chế này đã hết hiệu lực.

Khung năng lực vị trí việc làm của Khoa QHCC&QC chưa có thời điểm xây dựng và chưa được phê duyệt, chưa rõ từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc định biên của đơn vị. Khung năng lực đối với cán bộ văn phòng Khoa QHCC&QC chung chung, chưa có đặc điểm riêng cho vị trí việc làm của Khoa.

Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện qua công việc của NV chưa lượng hóa cụ thể để đánh giá chính xác, công bằng công việc của các NV. Qua phỏng vấn cho thấy, NV làm cán bộ văn phòng Khoa QHCC&QC được đánh giá cao, trong giai đoạn đánh giá chưa lần nào được danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và chưa lần nào xếp loại A.

Qua phỏng vấn cho thấy việc không chế tỷ lệ xếp loại A, B, C chỉ thuần túy căn

cứ vào số lượng cán bộ như hiện nay và việc đánh giá xếp loại này dựa vào kết quả khen thưởng là chưa tạo động lực cho NV trong thực hiện công việc.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.3*

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, trong đó có đội ngũ NV. Các tiêu chí đánh giá năng lực cụ thể về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ... cần gắn với đề án vị trí việc làm. Học viện có thể xem xét tham khảo các tài liệu về KPIs cho việc xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ.

Học viện cần rà soát lại tính pháp lý của các văn bản sử dụng làm căn cứ cho ban hành văn bản khác.

Khung năng lực vị trí việc làm của Khoa QHCC&QC cần rà soát lại Khung năng lực vị trí việc làm cần rõ ràng hơn để làm cơ sở cho việc định biên và cần được phê duyệt. Khung năng lực đối với cán bộ văn phòng Khoa QHCC&QC nên cụ thể hơn với đặc thù công việc của Khoa, chẳng hạn yêu cầu biết về các CTĐT mà Khoa đang phụ trách, tiến độ thực hiện CTĐT,...

Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại A, B, C chỉ thuần túy căn cứ vào số lượng cán bộ, viên chức, công chức như hiện nay để tạo động lực cho NV trong thực hiện công việc. Việc xếp loại chỉ nên căn cứ vào tiêu chí đã đưa ra chứ không nên không chế tỷ lệ.

### *4. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 7.3 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.4*

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV. Căn cứ vào đề xuất của NV và yêu cầu công việc, Trưởng các đơn vị báo cáo Ban TCCB để lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho NV được Ban Tổ chức – Cán bộ phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện. Kinh phí để triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ. Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020 đã có 310 lượt NV được tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng (12 người được cử đi đào tạo tiến sĩ, 8 người được cử đi đào tạo thạc sĩ, 46 người được cử đi bồi dưỡng lý luận chính trị, 244 người được đi tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn khác), tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV từ nguồn thu của Học viện là 86 triệu đồng.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 7.4*

Đa phần các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chỉ căn cứ vào các khóa học từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh gửi đến hoặc các khóa học do các đơn vị bên ngoài chuyển đến. Chưa có những khóa học mà qua khảo sát nhu cầu, Học viện lên chương trình để tiến hành bồi dưỡng hoặc liên hệ các đơn vị phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng.

Học viện chưa tiến hành tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

Khảo sát thực tế cho thấy, các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà NV đang đảm nhận còn hạn chế như các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho NV.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.4*

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, HVBC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về phát triển CTĐT cho NV.

Học viện nên thực hiện tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

### *2. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.4*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 7.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCD.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 7.5*

Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành theo QĐ số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn Đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của HVBC&TC và Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành kèm theo QĐ số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014.

Học viện BC&TT đã triển khai đánh giá hiệu quả của đội ngũ NV dựa trên các Quy định, Hướng dẫn trên. Kết quả đánh giá NV từ năm 2016 đến năm 2020 cho thấy hằng năm đều có 100% NV của Học viện được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỷ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ 1,6% năm 2019 tăng lên 8,4% năm 2020. Đối với bình xét các danh hiệu thi đua, tỷ lệ NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến từ năm 2017 đến năm 2020 lần lượt là 97,4%, 97,5%, 94,5% và 90,8%, trong đó số lượng đạt chiến sĩ thi đua cơ sở lần lượt là 0%, 0,8%, 0,8% và 1,5%. Kết quả xếp loại viên chức và danh hiệu thi đua của NV Khoa QHCC&QC từ năm 2017 đến nay đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và lao động tiên tiến.

Khảo sát thực tế cho thấy, hầu hết cán bộ NV đều được tham gia góp ý, bàn bạc dân chủ đối với các văn bản có liên quan đến công tác quản trị công việc trước khi các văn bản được Giám đốc ký ban hành. Các văn bản này được định kỳ rà soát, điều chỉnh để phù hợp hơn với quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và điều kiện thực tế của Học viện BC&TT. Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm NV cho thấy, NV hài lòng với việc quản trị công việc, thi đua khen thưởng.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 7.5*

Qua phỏng vấn cho thấy, việc yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua chưa tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức của Học viện. Tiêu chí đánh giá còn chung chung gây khó khăn cho việc đánh giá. Tiêu chí dành cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ khó đạt được trong thực tế nên chưa khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn. Kết quả bình xét thi đua của NV Khoa QHCC&QC từ năm

2016 đến nay chưa được chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Học viện chưa khảo sát một cách có hệ thống về sự hài lòng của NV hỗ trợ. Học viện chưa triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

Đội ngũ NV chưa thiết lập được kế hoạch cụ thể trong đó chỉ rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết vì vậy phát sinh nhiều công việc khi triển khai.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 7.5*

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua để tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức. Học viện nên xem xét và cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế đảm bảo khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn.

Học viện nên tiến hành khảo sát có hệ thống về sự hài lòng của NV hỗ trợ để làm căn cứ xây dựng chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động cho đội ngũ này.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá cho đội ngũ này.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 7.5*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 7.5 đạt mức: 3/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 7:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Đề án vị trí việc làm tại HVBC&TT năm 2020 quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Học viện đã có một số chính sách thu hút, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng. Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Số lượng và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của đơn vị.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ

rộng rãi tại các đơn vị. Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể CB, GV và NV.

Quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Học viện ban hành.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc. Đối với Khoa QHCC&QC còn có Khung năng lực của vị trí việc làm, theo đó cán bộ văn phòng Khoa yêu cầu về năng lực chuyên môn và các năng lực khác.

Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm theo phân loại A, B, C là cơ sở để Học viện quyết định mức thu nhập tăng thêm cuối năm theo quy chế chi tiêu nội bộ. Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng.

Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV qua phiếu đề xuất gửi cho lãnh đạo các đơn vị thuộc Học viện. Các đơn vị thuộc Học viện sẽ tiến hành thu thập nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các NV.

Học viện có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Chiến lược phát triển Học viện và của Khoa chưa có dự báo về đội ngũ cán bộ/GV nói chung và đội ngũ NV nói riêng, chưa chú trọng nhiều đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Chiến lược phát triển của Khoa chưa rõ thời gian ban hành, chưa quan tâm nhiều đến việc phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đề án vị trí việc làm chưa được Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phê duyệt, một số vị trí việc làm chưa rõ ràng dẫn đến mô tả chung chung, gây khó khăn cho tuyển dụng và đánh giá, chẳng hạn vị trí "NV phục vụ", "NV".

Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chưa gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày

31/12/2020. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chủ yếu dành cho các chức danh quản lý, chưa đề cập nhiều đến việc điều chuyển NV.

Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ,... chưa gắn với đề án vị trí việc làm.

Khung năng lực vị trí việc làm của Khoa QHCC&QC chưa có thời điểm xây dựng và chưa được phê duyệt, chưa rõ từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc định biên của đơn vị.

Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện qua công việc của NV chưa lượng hóa cụ thể để đánh giá chính xác, công bằng công việc của các NV.

Đa phần các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chỉ căn cứ vào các khóa học từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh gửi đến hoặc các khóa học do các đơn vị bên ngoài chuyển đến. Chưa có những khóa học mà qua khảo sát nhu cầu, Học viện lên chương trình để tiến hành bồi dưỡng hoặc liên hệ các đơn vị phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng.

Qua phỏng vấn cho thấy, việc yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua chưa tạo được sự động viên khuyến khích cho toàn thể NV, viên chức, công chức của Học viện. Tiêu chí đánh giá còn chung chung gây khó khăn cho việc đánh giá. Tiêu chí dành cho đội ngũ NV hỗ trợ chưa khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ này, đặc biệt là danh hiệu từ chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên và nâng lương trước thời hạn.

Học viện chưa triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Qua phỏng vấn cho thấy, NV chưa thiết lập được kế hoạch cụ thể trong đó chỉ rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết vì vậy phát sinh nhiều công việc khi triển khai.

#### **+ Kiến nghị**

..... Học viện nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm. Học viện/Khoa nên phân tích, làm rõ dự báo về đội ngũ NV, quan tâm hơn đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện nên xem xét ban hành riêng Quy trình quy trình, PP, công cụ, tiêu chí cụ thể cho đánh giá năng lực của đội ngũ NV về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí đánh giá năng

lực cần gắn với đề án vị trí việc làm. Học viện nên tiến hành khảo sát, phân tích tính hiệu quả trong thực thi công việc khi quy định tỷ lệ xếp loại.

Ngoài các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, Học viện BC&TT nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phát triển CTĐT.

Học viện nên xem xét lại yêu cầu phải đăng ký danh hiệu thi đua, nên cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá đối với NV để đảm bảo với sự cố gắng cao có thể đạt được và có tính khả thi trong thực tế, khuyến khích động viên được sự cố gắng của đội ngũ NV.

Học viện cần triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng cũng như ban hành các quy chế, quy định về năng lực, tiêu chí đánh giá.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 7	Tiêu chí 7.1				4				3,80
	Tiêu chí 7.2				4				
	Tiêu chí 7.3				4				
	Tiêu chí 7.4				4				
	Tiêu chí 7.5			3					

## **TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC**

**Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.**

### **1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.1**

Hàng năm Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của BGD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh<sup>(3)</sup>, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, KH Tư vấn, tổ chức tọa đàm trực tuyến tư vấn điều chỉnh nguyện vọng<sup>(4)</sup>. Thông

<sup>3</sup> số 1227/ĐA-HVBCTT-ĐT ngày 15/4/2016, số 589/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 11/5/2020

<sup>4</sup> số 1227/ĐA-HVBCTT-ĐT, số 589/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 11/5/2020



tin tuyển sinh (5) với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng với các ngành của Học viện trong đó có ngành QHCC về khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng.

Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng như cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của HVBC&TT (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website HVBC&TT (<https://ajc.hcma.vn/>), fanpage khoa QHCC&QC, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh...

Trước mỗi kỳ tuyển sinh, căn cứ trên thực trạng tuyển sinh năm trước và nhu cầu nhân lực qua khảo sát các BLQ (các cuộc hội nghị, hội thảo về tuyển dụng do Học viện/Khoa tổ chức), Học viện đã họp Hội đồng tuyển sinh, tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành QHCC trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, số lượng thí sinh nhập học ngành QHCC so với chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt lần lượt các năm từ 2016-2017 đến 2020-2021 đạt 122%, 105%, 202%, 124%, 110% với điểm trúng tuyển lần lượt là 30,5; 33,83; 29,0; 32,75; 34,95 điểm (thang 40 điểm). Chỉ tiêu TS ngành QHCC được rà soát điều chỉnh trong tổng chỉ tiêu TS của Học viện.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.1*

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các BLQ để tiến hành phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối tượng khảo sát. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành QHCC chưa bám sát thực tế khi xây dựng Đề án tuyển sinh.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.1*

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 8.1 đạt mức: 4/7.*

<sup>5</sup> số 1227/ĐA-HVBCTT-ĐT, số 589/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 10/2/2017, số 1269/ĐA- HVBCTT-ĐT ngày 19/3/2018, số 1326-ĐA/HVBCTT-ĐT ngày 18/3/2019, số 1650-ĐA/ HVBCTT-ĐT ngày 11/5/2020

***Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và PP tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

***1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.2***

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện/Khoa đã thực hiện tuyển sinh trên phạm vi cả nước với các phương thức tuyển sinh khác nhau như: năm 2016 và 2017 áp dụng phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPTQG; năm 2018 xét tuyển theo 3 phương thức (xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT, theo kết quả thi THPTQG và xét tuyển theo học bạ); năm 2019 với 4 phương thức (tương tự năm 2018 và bổ sung thêm phương thức ưu tiên xét tuyển thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba HSG QG); và năm 2020 với 4 hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia, xét tuyển thẳng, xét tuyển theo học bạ THPT và xét tuyển kết hợp (có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương IELTS 6.5). Với phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia: Tiêu chí tuyển chọn người học ngành QHCC được dựa trên điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi thuộc các tổ hợp D01 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán); D14 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử); D15 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý) và D11 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Vật lý (các tổ hợp có nhân đôi tiếng Anh) của kết quả kỳ thi THPT quốc gia, có cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành.

Ngoài ra, điểm xét tuyển phải đảm bảo tối thiểu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) theo quy định hàng năm của Học viện/ngành QHCC và/hoặc của Bộ GD&ĐT. Các tiêu chí và PP tuyển chọn được nêu rõ trong Đề án tuyển sinh, Thông báo/thông tin tuyển sinh và công bố công khai trên trang thông tin tuyển sinh của Trường.

Học viện đã họp HĐ tuyển sinh rà soát dự thảo Đề án tuyển sinh trước khi công bố (Biên bản họp HĐ ngày 28/1/2016, ngày 14/2/2017, ngày 6/2/2018, ngày 28/2/2019 và ngày 24/4/2020), đồng thời căn cứ trên thực trạng tuyển sinh năm trước, Hội đồng tuyển sinh đã phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường từ đó đưa ra các phương thức tuyển sinh, tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông ... để hoàn thiện Đề án tuyển sinh và xây dựng kế hoạch các hoạt động tuyển sinh cho kỳ tuyển sinh tiếp theo.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, số lượng và chất lượng đầu vào của người học ngành QHCC tương đối ổn định qua các năm và khá cao so với mặt bằng

chung. Kết quả tuyển sinh tương đối ổn định với điểm đầu vào có xu hướng tăng dần trong 3 năm gần đây, cụ thể như năm 2018 là 29 điểm, năm 2019 là 32,75 điểm, năm 2020 là 34,95 cho các tổ hợp.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.2*

Học viện chưa triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh, hoạt động này được tích hợp trong công tác chuẩn bị xây dựng Đề án tuyển sinh.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.2*

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.2*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 8.2 đạt mức: 5/7.*

***Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.3*

Học viện đã thành lập Phòng CTCT&HTSV<sup>(6)</sup>, Ban QLĐT<sup>(7)</sup>, Trung tâm KT&KDCL, Phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá... với đội ngũ cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập của NH, ngoài ra còn có đội ngũ cố vấn học tập, đội ngũ chuyên viên VP Khoa chịu trách nhiệm giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV ngành QHCC và thực hiện cảnh báo học vụ. Học viện đã sử dụng Phần mềm QLĐT (phần mềm ESSoIt Version 6.0) trong đó có modul quản lý SV... hỗ trợ hoạt động giám sát KQHT của người học, phần mềm/các công cụ hỗ trợ việc giám sát học/thi trực tuyến, kết quả rèn luyện, quản lý hồ sơ, hoạt động ngoại khoá... có tính tích hợp, có phân quyền phù hợp cho mỗi loại đối tượng GV, CVHT, Trưởng các đơn vị, SV, Ban QLĐT, Phòng CTCT&HT SV, Khoa QHCC & QC.

Học viện đã ban hành Quy định về công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống TC của HVBC&TT (QĐ số 3935/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 25/11/2015), Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT (QĐ số 3777/QĐ-

<sup>6</sup> Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng CTCT&HTSV Số 4239-QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019

<sup>7</sup> Quy chế hoạt động của Ban Quản lý đào tạo 01/QĐ-BQLĐT ngày 16/1/2015. Quyết định v/v ban hành chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý đào tạo 3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017. Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Quản lý đào tạo, 4227/QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019

HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định CDR trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Số 435/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 22/02/2016), Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi (ngày 30/11/2015), Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 1/9/2017), Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBC&TT ngày 09/7/2020)... hỗ trợ triển khai hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

Định kỳ hàng tháng, Khoa thu nhận ý kiến từ các lớp về hoạt động giảng dạy của GV (các Biên bản họp phản ánh của SV), học tập, rèn luyện của NH, CSVC của Khoa/Học viện trong hỗ trợ hoạt động dạy-học; đồng thời hàng năm BGĐ Học viện đã tổ chức các buổi họp lắng nghe ý kiến từ NH về mọi mặt, từ đó giúp Khoa/Học viện có biện pháp giám sát, hỗ trợ NH được cải tiến kịp thời.

Trong giai đoạn đánh giá, số liệu thống kê từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 cho thấy, số lượng/tỷ lệ SV ngành QHCC có kết quả rèn luyện đạt từ loại tốt trở lên lần lượt là 43,9% (118/269), 5,5% (16/293), 8,7% (28/322), 18,4% (55/298), và 15,5% (45/290); vẫn còn một tỷ lệ SV có điểm rèn luyện đạt loại TB 12,64% (34/269); 27,3% (80/293); 44,4% (143/322); 29,5%(88/298); 23,1% (67/290), SV loại yếu/kém còn chiếm tỷ lệ đáng kể lần lượt là 4,5%; 0,34%; 1,86%; 1,34% và 0,34%; số lượt SV bị cảnh báo học vụ trong cả 5 năm là 02 SV; 21 SV bị tạm dừng tiến độ học tập; và có 26 SV bị xoá tên/thôi học trong vòng 5 năm (2016-2017 đến 2020-2021).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.3*

Vẫn còn một tỷ lệ SV thôi học/bị xoá tên và SV có kết quả rèn luyện đạt loại trung bình, yếu kém.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.3*

Học viện/Khoa QHCC&QC, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém, mặt khác cần tìm nguyên nhân thôi học của SV để có biện pháp tư vấn kịp thời nhằm giảm tỷ lệ SV thôi học.

### *4. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.3*

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 8.3 đạt mức: 4/7.

**Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.**

1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.4

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị như Phòng CTCT&HTSV, Đoàn thanh niên, đội ngũ cán bộ chuyên trách, cố vấn học tập chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe; về học bổng KKHT, học bổng tài trợ, miễn giảm học phí; hỗ trợ về nhà trọ/KTX; về hoạt động văn thể mỹ, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành QHCC như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh. Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp

Khoa đã tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa phong phú như: Chủ trì, tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học SV; Hoạt động câu lạc bộ QHCC; Tham quan, thực tập, kiến tập tại các tổ chức, công ty truyền thông; Các hoạt động Đoàn, Hội: Thanh niên tình nguyện, văn nghệ xung kích, thể dục thể thao... Khoa có CLB CSC thu hút nhiều SV của ngành và trong Học viện tham gia.

Trong giai đoạn đánh giá, ĐTN Học viện đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện định kỳ tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng mềm cho SV<sup>(8)</sup>, các hoạt động ngoại khóa như: Chương trình “Đối thoại với chính khách, chuyên gia”, “Đối thoại với thanh niên, SV về bình đẳng giới”, SV tình nguyện “Mùa đông ấm” “Tình nguyện hè”, tổ chức các cuộc thi như “Tuyển chọn MC SPEAK UP”, Giải bóng đá SV AJC CUP ...

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành QHCC được phòng CTCT&HTSV, Khoa và Học viện đặc biệt quan tâm như liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp, việc làm. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện/Khoa đã ký kết thỏa thuận hợp tác với các Công ty Truyền thông Le

<sup>8</sup> KH số 03-KH/ĐTNHVBCTT ngày 13/9/2017; 13-KH/ĐTNHVBCTT ngày 20/9/2018, 27-KH/ĐTNHVBCTT ngày 20/8/2019

Bross, Mimosa, I Click, Clever Ad, ĐH FPT... về việc gửi SV sang thực tập thực tế, hợp tác đào tạo NCKH, tạo cơ hội việc làm cho SV TN, xây dựng và triển khai chương trình định hướng nghề nghiệp, huấn luyện kỹ năng.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học/người học đã tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm có sự thay đổi theo hướng tăng dần (từ 51% năm 2017, và năm 2020 là 76,2%) trong giai đoạn đánh giá cho thấy người học khá hài lòng với các hoạt động này.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.4*

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và kết quả phỏng vấn các BLQ cho thấy, hoạt động hướng nghiệp, công tác cố vấn học tập, việc giải quyết các thủ tục hành chính đối với NH vẫn còn hạn chế.

Học viện chưa có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.4*

Học viện/Khoa QHCC&QC cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện/Khoa QHCC&QC cần quan tâm hơn tới hoạt động tư vấn học tập hỗ trợ việc làm đối với NH, chú ý nghiên cứu, thành lập bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.4*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 8.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 8.5*

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CB, GV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng làm việc của Khoa QHCC&QC, của CB, GV ngành QHCC đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế...

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị điều hòa, máy chiếu, bảng phấn, bảng viết bút, đồng hồ, thùng rác, bình cứu hỏa, rèm để chắn ánh sáng chiếu máy chiếu, thiết bị âm thanh chất lượng tốt, hệ thống wifi miễn phí tại KTX nhằm đáp ứng kịp thời tốt nhất nhu cầu thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và tại khu ký túc xá có nơi tập thể dục, nhà ăn... tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong sinh hoạt.

Qua khảo sát thực địa cho thấy, Học viện đã trang bị đầy đủ CSVC (khu sinh hoạt chung/riêng và hệ thống sân tập, thao trường, trang quân dụng) để được phép đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành Nội quy phòng học, Nội quy sử dụng phòng máy tính, Nội quy sử dụng Studio (theo QĐ số 3479/QĐ-HVBC&TT ngày 30/10/2015), Quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên HVBC&TT; ban hành Quy định về ứng xử văn hoá của CBVC HVBC&TT ... với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC; quy định về việc sử dụng khu vực công cộng, quy định về đi lại và trông giữ xe.

Học viện có Trạm y tế (Phòng y tế năm 20217 theo QĐ số 3642/QĐ ngày 12/10/2017; là Trạm y tế theo QĐ số 4299-QĐ/HVBC&TT ngày 30/9/2019) trực thuộc Văn phòng chịu trách nhiệm chăm sóc sức khoẻ cho CB, GV, NV, NH của Trường; thực hiện cập nhật và thông báo về các nguy cơ bệnh tật theo mùa và cách phòng tránh, xử lý nhằm đảm bảo sức khỏe cho CBGV, SV và có kế hoạch hành động cụ thể.

Học viện có canteen phục vụ SV, CBGV, NV đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống canteen không hoạt động theo quy định về phòng chống dịch Covid-19.

Học viện có Ban chỉ huy PCCC (QĐ kiện toàn lực lượng PCCC số 1462/QĐ-HVBC&TT ngày 26/4/2017), Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (QĐ số 2610/QĐ-HVBC&TT ngày 14/6/2018, kiện toàn theo QĐ số 2659/QĐ-HVBC&TT ngày 11/6/2019, kiện toàn theo QĐ số 2435-QĐ/HVBC&TT ngày 30/6/2020), Lực lượng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (QĐ số 2611/QĐ-HVBC&TT ngày 14/6/2018, kiện toàn theo QĐ số 2660/QĐ-HVBC&TT ngày 11/6/2019, kiện toàn theo QĐ số 2434-QĐ/HVBC&TT ngày 30/6/2020) thực hiện công

tác cứu nạn cứu hộ tại Học viện đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn khi sự cố xảy ra.

Học viện có Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo (theo QĐ số 4299-QĐ/HVBC&TT ngày 30/9/2019 sau khi sát nhập Trung tâm thực hành hỗ trợ và đào tạo về Văn phòng) chịu trách nhiệm hỗ trợ về CSVC cho hoạt động ĐT.

Học viện/Khoa đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của NH và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Học viện/Khoa. Qua khảo sát thực địa, phỏng vấn các BLQ và báo cáo kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện/Khoa đạt trên 75%.

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 8.5*

Nhân lực Trạm Y tế hiện chưa có trình độ ĐH (từ năm 2018).

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 8.5*

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 8.5*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 8.5 đạt mức: 5/7.*

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 8:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Hàng năm Học viện thực hiện cập nhật hoạt động tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT như: xây dựng Đề án tuyển sinh, xây dựng Kế hoạch tuyển sinh, KH tư vấn ... với chính sách và quy định tuyển sinh rõ ràng. Các thông tin liên quan đến chính sách, phương thức tuyển sinh được Học viện công bố công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Đã chú trọng nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của ngành QHCC trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Học viện đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học như đăng ký học, đăng ký thi cải thiện điểm; hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe; về học bổng KKHT, triển khai các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành QHCC như định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV... Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá và định



hướng cho các đợt hoạt động kế tiếp. Định kỳ hàng tháng, Khoa thu nhận ý kiến từ các lớp về hoạt động giảng dạy của GV, học tập, rèn luyện của NH, CSVC của Khoa/Học viện trong hỗ trợ hoạt động dạy-học; đồng thời hàng năm BGD Học viện đã tổ chức các buổi họp lắng nghe ý kiến từ NH.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV ngành QHCC được liên hệ với các cơ sở thực tập cho SV, mời các tổ chức/đơn vị tham gia các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phát triển nghề nghiệp, chia sẻ với SV về kỹ năng mềm, cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Học viện có khu hiệu bộ, giảng đường, thư viện, khu ký túc xá ... được bố trí khoa học thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của CB, GV và NH. Với cơ sở vật chất hiện đại, môi trường làm việc thân thiện đã tạo cho CB, GV, NV, NH có không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các phòng làm việc của Khoa QHCC&QC, của CBGV ngành QHCC đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập. Học viện đã trang bị đầy đủ CSVC để đào tạo GDQP trong khuôn viên Học viện.

Học viện đã ban hành quy định về ứng xử văn hoá của SV, học viên, Nội quy/Quy định của CBVC với các nội dung quy định chung và quy định riêng đối với mỗi đối tượng ra/vào/làm việc/liên hệ công tác; quy định ra vào đối với các đơn vị sửa chữa/bảo dưỡng/bảo hành; quy định về PCCC, sử dụng khu vực công cộng, ...

Học viện đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các BLQ để tiến hành phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

Hoạt động rà soát và đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học của Học viện được tích hợp trong cùng hoạt động chuẩn bị xây dựng Đề án TS.

Vẫn còn một tỷ lệ SV thôi học/bị xoá tên và SV có kết quả rèn luyện đạt loại trung bình, yếu kém.

Hoạt động hướng nghiệp, công tác cố vấn học tập, việc giải quyết các thủ tục hành chính đối với NH vẫn còn hạn chế.

Học viện chưa có bộ phận chuyên trách công tác tư vấn việc làm cho SV.

Nhân lực phòng Y tế hiện chưa có trình độ ĐH (từ năm 2018).

**+ Kiến nghị**

Học viện/Khoa cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản.

Học viện nên định kỳ triển khai hoạt động tổng kết, rà soát, đánh giá tiêu chí và PP tuyển chọn người học ngay sau khi kết thúc tuyển sinh.

Học viện/Khoa QHCC&QC, đội ngũ cố vấn học tập và đội ngũ chuyên trách về công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cần có kế hoạch và biện pháp hỗ trợ NH nhằm giảm tỷ lệ SV có kết quả rèn luyện trung bình và yếu kém và giảm tỷ lệ SV thôi học.

Học viện/Khoa QHCC&QC cần có KH thúc đẩy hơn nữa hoạt động tư vấn hỗ trợ NH của đội ngũ CVHT, cần tăng cường các hoạt động hướng nghiệp.

Học viện/Khoa QHCC&QC cần quan tâm hơn tới hoạt động tư vấn học tập hỗ trợ việc làm đối với NH.

Nhà trường cần có KH bổ sung nguồn nhân lực có trình độ ĐH cho bộ phận y tế.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 8	Tiêu chí 8.1				4				4,40
	Tiêu chí 8.2					5			
	Tiêu chí 8.3				4				
	Tiêu chí 8.4				4				
	Tiêu chí 8.5					5			

**TIÊU CHUẨN 9: CSVC VÀ TRANG THIẾT BỊ**

**Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.1

Học viện có tổng diện tích khuôn viên là 57.310,6 m<sup>2</sup>; diện tích xây dựng 33.709,52 m<sup>2</sup>; tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ ĐT, NCKH là 17.916,37 m<sup>2</sup>, bao gồm: 97 phòng học, hội trường, phòng bảo vệ luận văn, luận án với tổng diện tích 8116,06 m<sup>2</sup> được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ, 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện với diện tích 71,28 m<sup>2</sup> và có 17 phòng thực hành với diện tích 996,88 m<sup>2</sup>. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các phòng Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV (2728,38 m<sup>2</sup>), Thư viện (3914 m<sup>2</sup>), ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở ...., với quy mô SV của Học viện 8957 người học chính quy, diện tích sàn đào tạo đạt bình quân 5,27 m<sup>2</sup>/SV đáp ứng quy định. Các phòng làm việc, phòng học, giảng đường, phòng chức năng đều được trang bị phương tiện và các thiết bị cần thiết, đáp ứng yêu cầu làm việc và tổ chức dạy - học, như: Hệ thống chiếu sáng, quạt trần, điều hòa không khí, bàn ghế, máy tính, máy chiếu, camera, âm thanh... (Danh mục CSVC, trang thiết bị toàn Học viện 2016-2020).

Khoa QHCC&QC có tổng diện tích đất sử dụng: 127m<sup>2</sup>, có 4 phòng làm việc, bố trí tại tòa nhà A1 bao gồm Phòng làm việc của GV, Văn phòng khoa, phòng Phó chủ nhiệm khoa, phòng làm việc của Trưởng khoa. Khoa có 16 GV cơ hữu, bình quân diện tích làm việc 7,94 m<sup>2</sup>/người và có các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu và phát triển học thuật

SV ngành QHCC sử dụng chung giảng đường của Học viện với bình quân 4,1 m<sup>2</sup>/SV. Việc phân bổ, sắp xếp phòng học, giảng đường cho CTĐT ngành QHCC là do Ban đào tạo và phòng quản trị và quản lý ký túc xá phối hợp thực hiện.

Khoa QHCC&QC có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trong chu kỳ kiểm định Học viện đã tổ chức Khảo sát về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất với kết quả khảo sát: của GV, năm 2018: 47,5%; năm 2019: 55,71%; năm 2020: 80,0 %. Của SV, năm 2017: 50,33%; năm 2018: 54,5%; năm 2019: 75,9%; năm 2020: 81,10 %.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 9.1*

Học viện có quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBC&TT song chưa tách riêng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

*3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.1*

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

*2. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.1*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 9.1 đạt mức: 5/7.*

***Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.2*

Tại thời điểm đánh giá, Học viện có Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH), với tổng diện tích sử dụng là 3.914 m<sup>2</sup>. TTTTKH có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính (gồm 02 máy chủ và 63 máy trạm) giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. Theo danh mục sách, giáo trình, tài liệu được thống kê tại TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4,500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu. TTTTKH đang sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9.

Hàng năm Học viện đều có kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu, sách tham khảo và đã tổ chức mua sắm bổ sung, cụ thể: năm 2016: 328 đầu sách với 2.956 bản; năm 2017: 516 đầu sách với 5,001 bản; năm 2018: 484 đầu sách với 2,552 bản; năm 2019: 477 đầu sách với 4,347 bản; năm 2020: 313 đầu sách với 2,450 bản và đến tháng 10 năm 2021: 198 đầu sách với 2,018 bản.

Trong giai đoạn đánh giá, TTTTKH đã được đầu tư mua sắm học liệu: năm 2016: 642 triệu đồng; năm 2017: 990 triệu đồng; năm 2018: 842 triệu đồng; năm 2019: 1,145 triệu đồng; năm 2020: 1,094 triệu đồng và đến tháng 10 năm 2021: 422 triệu đồng

Thư viện số có số lượt bạn đọc truy cập, năm 2016: 235134; năm 2017: 581436; năm 2018: 605500; năm 2019: 945697; năm 2020: 1918689; năm 2021: 1924918; với giai đoạn giãn cách xã hội do covid-19, thư viện số có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 04/2021 đến tháng 09/2021 là 1298660;

Thư viện điện tử có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2021 là 8959395; số lượng bạn đọc đến đọc tại thư viện: 38.746; số lượt bạn đọc mượn sách là: 25.899; với giai đoạn giãn cách xã hội do covid-19, thư viện điện tử có số lượt bạn đọc truy cập từ tháng 04/2021 đến tháng 09/2021 là 2421720; số lượng bạn đọc đến đọc tại thư viện: 936; số lượt bạn đọc mượn sách là: 1074;

Ngành QHCC được bổ sung: năm 2016: 62 đầu sách với 818 bản; năm 2017: 81 đầu sách với 1.754 bản; năm 2018: 71 đầu sách với 505 bản; năm 2019: 74 đầu sách với 634 bản và năm 2020: 71 đầu sách với 372 bản; Tháng 10 năm 2021: 46 đầu sách với 652 bản. Ngành QHCC có 311 tài liệu số tại Thư viện số

Khoa QHCC&QC có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa (hiện có 123 sách và tài liệu tham khảo, trong đó: giáo trình 06; tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo ngành QHCC, tài liệu hướng dẫn học tập cho môn học 20; bài báo quốc tế do GV chuyên ngành thực hiện là 04; tạp chí khoa học (có bài viết của GV trong Khoa là 72; tài liệu Hội thảo khoa học chuyên ngành QHCC là 12; sách và tài liệu khác là 09). Kết quả kiểm tra 36 tài liệu học tập của 10 môn học ngành QHCC tại Thư viện có 33 tài liệu, đạt 91,67 %.

Kết quả khảo sát về sự hài lòng của bạn đọc ngành QHCC: năm 2016: 75,67%, năm 2017: 76,27%, năm 2018: 77,5%, năm 2019: 78,15%, năm 2020: 78,91%. cho thấy mức độ hài lòng về hệ thống Thư viện, CSVC phục vụ GD và NCKH.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 9.2*

Qua kiểm tra thực tế, Học viện có sử dụng Thư viện điện tử và Thư viện số, việc kết nối dữ liệu với các cơ sở khác để sử dụng chung nguồn học liệu còn hạn chế; thư viện đã số hoá giáo trình với 7862 sách và TLTK cho các CTĐT. Tuy nhiên, giáo trình, tài liệu phục vụ cho CTĐT cử nhân QHCC còn khiêm tốn, số sách mới và sách tham khảo của nước ngoài còn ít.

Hoạt động liên kết với thư viện Viện nghiên cứu Châu Âu; TTTTV các Trường ĐH KTQD, Trường ĐH Nha Trang, Trường ĐH sư phạm HN chỉ mới cho phép trích

xuất thông tin danh danh mục/danh sách, còn hạn chế trong việc khai thác nội dung/thông tin từ các nguồn tài liệu trong danh mục/danh sách đó.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.2*

Cần đẩy mạnh triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số;

Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành QHCC nói riêng. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới;

Cần tăng cường hơn nữa hiệu quả trao đổi, chia sẻ thông tin, tài liệu giữa Thư viện của Học viện với Thư viện các CSGD ĐH trong và ngoài nước.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 9.2 đạt mức: 4/7*

## ***Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.3*

Theo thống kê hàng năm trong chu kỳ kiểm định và cập nhật đến năm 2020 Học viện có 17 phòng thực hành với diện tích 996,88 m<sup>2</sup>. Qua kiểm tra cho thấy các phòng thực hành đủ và đều được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT & NCKH (Học viện tổ chức kiểm kê, lập sổ tài sản hàng năm (2016-2020) và có thống kê danh mục trang thiết bị phòng thực hành).

Phòng thực hành có Nội quy do Giám đốc ký ban hành, có Quy định về quản lý sử dụng phòng thực hành (QĐ số 3479/QĐ-HVBC&TT ngày 30/10/2015 của Giám đốc). Có sổ Nhật ký sử dụng phòng thực hành, phòng máy và có Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị phòng thực hành. Các phòng thực hành do phòng Thiết bị cử cán bộ phụ trách và toàn bộ phòng máy, phòng thực hành CNTT do Trung tâm CNTT phân công người phụ trách. Có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng trang thiết bị.

Khoa QHCC&QC được sử dụng chung các phòng học và phòng thực hành của Học viện. Trang thiết bị tại các phòng máy, phòng thực hành được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật bổ sung hàng năm để đáp ứng nhu cầu về ĐT và nghiên cứu (Thống kê theo dõi sửa chữa, cập nhật, duy tu, bảo dưỡng thiết bị từ năm 2016- 2020). Trong

chu kỳ kiểm định Học viện đã đầu tư kinh phí mua sắm bổ sung và nâng cấp CSVC và trang thiết bị dạy và học phục vụ đào tạo cụ thể như sau: (năm 2016: 10.82 triệu đồng; năm 2017: 10.428 triệu đồng; năm 2018: 18.499 triệu đồng; năm 2019: 27.148 triệu đồng; năm 2020: 19.807 triệu đồng và năm 2021: 36.453 triệu đồng).

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng về phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cần thiết cho giảng dạy, học tập cho thấy: ý kiến của GV, năm 2019: 75%; năm 2020: 80,0%; ý kiến của SV: năm 2017: 63,7%; năm 2018: 63,75%; năm 2019: 73,6%.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 9.3*

Việc xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp chưa được thực hiện bài bản.

Cấu hình của máy vi tính sử dụng ở một số phòng thực hành đã lạc hậu (có một số trang bị từ năm 2012), khó đáp ứng tốt yêu cầu cài đặt phần mềm hoặc mô phỏng nội dung môn học trong CTĐT ngành QHCC.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.3*

Học viện/Khoa QHCC&QC cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản.

Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 9.3 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.4*

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm có 591 máy tính bao gồm 388 máy tính phục vụ hoạt động dạy học được bố trí tại 12 phòng thực hành và thư viện; 203 máy tính trang bị cho đơn vị phục vụ công tác quản lý điều hành được kết nối mạng Lan, mạng internet; Học viện hiện tại có 13 máy chủ (04 máy chủ phục vụ cho hoạt động đào tạo; 01 máy chủ phục vụ hoạt động tài chính; 02 máy chủ phục vụ hoạt thư viện số, thư viện điện tử; 01 máy chủ phục vụ cho quản lý hệ thống mạng; 02 máy chủ phục vụ cho thi CĐR tin học ngoại ngữ và thi đánh giá năng lực

ngoại ngữ theo khung 6 bậc của Việt nam; 02 máy chủ phục vụ cho trường quay ảo và phòng thực hành quay phim; 01 máy chủ phục vụ quản lý ký túc xá SV); Học viện có 01 đường truyền internet kênh thuê riêng Leasedline với tốc độ 6Mb quốc tế và 300Mb trong nước phục công tác quản lý điều hành và hệ thống mạng wifi trong toàn Học viện để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu; ngoài ra Học viện có 04 đường truyền internet tốc độ cao FTTH để phục vụ cho các lớp chất lượng cao, các lớp liên kết đào tạo quốc tế với đại học Middlesex Vương Quốc Anh, các phòng thực hành máy tính và trường quay (04 đường truyền FTTH với tốc độ 100 Mbps được lắp đặt tại các khu nhà A2; A3,A4,B11; B3 và B1). Học viện có cổng thông tin điện tử tiếng Việt và tiếng Anh tại địa chỉ: <http://ajc.hcma.vn>. Học viện có cổng thông tin SV tại địa chỉ <http://quanlydaotaoajc.hcma.vn>. Học viện còn có Tạp chí Lý luận chính trị truyền thông điện tử tại địa chỉ <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/>.

Để phục vụ cho công tác đào tạo và quản lý điều hành của Học viện, Học viện đã trang bị 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm QLĐT (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul QLKH; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản.

Ngoài ra tại phòng thực hành máy tính của khoa đều được cài đặt các phần mềm chuyên dụng riêng biệt, ngành có bản quyền.

Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đầu tư mua sắm trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu: năm 2016: 397 triệu đồng; năm 2017: 2.858 triệu đồng; năm 2018: 1.342 triệu đồng; năm 2019: 208 triệu đồng; năm 2020: 2.740 triệu đồng và đến tháng 10/2021: 2.479 triệu đồng.

Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng với hệ thống CNTT của Học viện cho thấy: ý kiến của GV: năm 2018: 37,5%; năm 2019: 28,6%; năm 2020: 40,0 %. Ý kiến của NH: năm 2017: 45,5%; năm 2018: 42.86%; năm 2019: 71,7%.

## *2. Tôn tại của tiêu chí 9.4*



Học viện đã đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm song chưa kịp thời. Tốc độ đường truyền internet còn có lúc chậm, còn tình trạng nghẽn mạng cục bộ do yếu tố đường truyền.

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ chưa được thực hiện một cách bài bản.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.4*

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

Hàng năm cần thực hiện bài bản hơn về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động ĐT & NCKH của hệ thống công nghệ thông tin trong Học viện.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.4*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 9.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 9.5*

Học viện có Phòng Y tế. Hàng năm, Học viện đã chú trọng việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ và SV (nhập học & tốt nghiệp) theo Thông tư 14/2013 và Quyết định 16/2013 của Bộ Y tế (HĐ khám sức khỏe từ năm 2016-2020). Học viện đã tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC và NH. Kết quả khám sức khỏe định kỳ của GV và SV được lưu trữ đầy đủ.

Về công tác An ninh chính trị - Trật tự an toàn xã hội, Học viện có các công tác phối hợp với các bên thể hiện qua các biên bản làm việc. Học viện có tổ Bảo vệ Học viện (Số 4575/HĐKT/HVBC&TT-CTYCPDVBVAL) trong đó quy định cụ thể về phạm vi công việc của Tổ bảo vệ.

Công tác PCCC, cứu hộ cứu nạn được Học viện quan tâm, thể hiện qua những quyết định và kế hoạch phục vụ công tác PCCC, phòng chống thiên tai... (số 3711/QD-HVBC&TT-VP năm 2016, số 1772/QD-HVBC&TT-VP năm 2016.; Số 1774/

QD HVBC&TT-VP năm 2016; 1900/QD-HVBC&TT-VP năm 2017; 2610/QD-HVBC&TT-VP năm 2018; 1773/QD-HVBC&TT-VP năm 2016....)

Học viện luôn quan tâm đến công tác đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm, thể hiện qua việc rà soát, đánh giá các đơn vị cung cấp thực phẩm cho Học viện bằng các văn bản “Bản tự công bố sản phẩm” (Số CEK.05/MKD/2019; CEK.04/MKD/2019; BUN.36/NKD/2019...) Ngoài ra, Học viện còn rà soát các xác nhận công bố phù hợp quy định An toàn thực phẩm của các bên cung cấp (Số 117/2018/YTBD\_XNCB; 833/2017/YTBD\_XNCB...). Ngoài ra Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19, Học viện đã chú trọng thực hiện công tác Phòng, chống dịch bệnh, thể hiện qua các thông báo, quyết định, kế hoạch và biên bản giám sát công tác phòng chống dịch bệnh trong trường học (KH Số 327-KH/HVBC&TT-VP ngày 31 tháng 01 năm 2020; Thông báo số 1204-TB/HVBC&TT ngày 02 tháng 03 năm 2021, Biên bản giám sát công tác phòng chống dịch bệnh ngày 11 tháng 03 năm 2020...)

Kết quả khảo sát các BLQ về mức độ hài lòng với môi trường tự nhiên và xã hội của Học viện cho thấy: mức độ hài lòng của GV: năm 2018: 62,5%; năm 2019: 85,7%; năm 2020: 100%. Mức độ hài lòng của SV: năm 2017: 72,7% năm 2018: 44,12%; năm 2019: 77,4%.

## *2. Tồn tại của tiêu chí 9.5*

Hệ thống tường trong, ngoài phòng của Trạm y tế, một số phòng Thư viện, giảng đường còn bị bong tróc một vài chỗ tại thời điểm khảo sát. Phòng làm việc của GV tại khoa sắp xếp, bố trí chưa khoa học.

## *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 9.5*

Học viện sớm có kế hoạch cải tạo các vị trí tường bao bị bong tróc. Khoa cần tổ chức sắp xếp, bố trí lại phòng làm việc của GV.

## *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 9.5*

(Không có).

## *5. Đánh giá tiêu chí 9.5 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 9:**

**+ Điểm mạnh cơ bản**

Hệ thống phòng học, giảng đường của Học viện gồm: 01 hội trường 600 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ, 01 hội trường 100 chỗ, 12 phòng học trên 100 chỗ, 56 phòng học trên 50 chỗ, 29 phòng học dưới 50 chỗ). 02 phòng Bảo vệ luận văn, luận án, 01 phòng học đa phương tiện và có 17 phòng thực hành. Ngoài ra còn có hệ thống phòng thực hành gồm các Studio được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ chuyên dùng cho đào tạo, hệ thống sân thể thao SV, Thư viện, ký túc xá với quy mô gần 3000 chỗ ở.

Khoa QHCC&QC có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/ SV theo quy định, có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành.

Trung tâm thông tin khoa học (TTTTKH) của Học viện có 04 phòng đọc và 02 phòng mượn tài liệu; có hệ thống máy tính giúp tra cứu tài liệu và truy cập cơ sở dữ liệu, có Nội quy, có hướng dẫn sử dụng, tra cứu tài liệu và có sơ đồ hệ thống Thư viện. TTTTKH sử dụng phần mềm Kipos 6.x và phần mềm quản lý thư viện số Dspace 5.9. TTTTKH có: 16,989 đầu sách với 114,260 bản sách; 1,908 đề tài NCKH với 2,576 bản; 4,380 luận văn với 4,500 bản; 96 luận án với 96 bản. Số lượng tài liệu đã được số hóa đến tháng 10 năm 2021 là 7862 tài liệu.

Ngành QHCC được bổ sung: năm 2016: 62 đầu sách với 818 bản; năm 2017: 81 đầu sách với 1,754 bản; năm 2018: 71 đầu sách với 505 bản; năm 2019: 74 đầu sách với 634 bản và năm 2020: 71 đầu sách với 372 bản; Tháng 10 năm 2021: 46 đầu sách với 652 bản. Ngành QHCC có 311 tài liệu số tại Thư viện số.

Khoa QHCC&QC có một tủ sách chuyên ngành do GV của Khoa đóng góp, phục vụ cho việc dạy, học và nghiên cứu tại chỗ dành cho GV và SV của Khoa.

Học viện có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin. Học viện hiện tại có 13 máy chủ, có 05 phần mềm chuyên dụng có bản quyền sử dụng: Phần mềm Quản lý đào tạo (ESSoft Version 6.0) trong đó có modul Quản lý Khoa học; Quản lý SV, Quản lý Ký túc xá và Quản lý học phí; Phần mềm Chấm thi trắc nghiệm (Mr.Test Version 5.0); Phần mềm Thư viện số (Dspace Version 5.9); Phần mềm Kế toán (Anna 7.0) và Phần mềm Quản lý tài sản. Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong chu kỳ kiểm định Học viện đầu tư mua sắm

trang thiết bị và sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật hệ thống CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn về môi, sức khỏe và an toàn đã được Học viện xác định rõ ràng và thực hiện: Khuôn viên Học viện sạch đẹp; sức khỏe CB, GV và SV được quan tâm; công tác an ninh, trật tự, an toàn được đảm bảo. Ngoài ra Học viện có lưu ý về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật ở một số hạng mục.

Học viện có khoảng 40% diện dành cho cây xanh và môi trường.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Học viện dành nhiều kinh phí đầu tư cho CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo, có quyết định ban hành quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBC&TT song chưa tách riêng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Qua kiểm tra thực tế, Học viện có sử dụng Thư viện điện tử và Thư viện số, việc kết nối dữ liệu với các cơ sở khác để sử dụng chung nguồn học liệu còn hạn chế; thư viện đã số hoá giáo trình với 7862 sách và TLTK cho các CTĐT. Tuy nhiên, giáo trình, tài liệu phục vụ cho CTĐT cử nhân QHCC còn khiêm tốn, số sách mới và sách tham khảo của nước ngoài còn ít. Việc liên kết với thư viện Viện nghiên cứu Châu Âu; TTTTTV trường ĐH KTQD; TTTTTV trường ĐH Nha Trang; TTTTTV trường ĐH sư phạm HN còn hạn chế.

Việc xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp chưa được thực hiện bài bản. Cấu hình của máy vi tính sử dụng ở một số phòng thực hành thấp, khó đáp ứng tốt yêu cầu cài đặt phần mềm hoặc mô phỏng nội dung môn học trong CTĐT ngành QHCC.

Học viện đã đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm song chưa kịp thời. Tốc độ đường truyền internet còn có lúc chậm, còn tình trạng nghẽn mạng cục bộ do yếu tố đường truyền. Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ chưa được thực hiện một cách bài bản.

Phòng làm việc của GV tại khoa sắp xếp, bố trí chưa khoa học.

#### **+ Kiến nghị**

Học viện cần tách riêng quy trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tổng thể CSVC và trang thiết bị cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Cần tăng cường triển khai hoạt động của Thư viện điện tử/thư viện số

Cần tăng cường số hoá giáo trình, sách và TLTK cho tất cả CTĐT nói chung và CTĐT ngành QHCC nói riêng. Quan tâm hơn nữa đến việc bổ sung, cập nhật tài liệu, giáo trình mới, Có kế hoạch khuyến khích thu hút bạn đọc đến khai thác sử dụng tài liệu tại TTTTKH nhiều hơn, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

Học viện/Khoa QHCC&QC cần triển khai xây dựng quy trình quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp một cách chặt chẽ và bài bản. Cần bổ sung hệ thống máy tính phù hợp.

Học viện cần đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT và cập nhật phần cứng, phần mềm kịp thời hơn. Nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền internet, đồng thời tiếp tục đầu tư thiết bị CNTT có cấu hình cao phù hợp để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Hệ thống cung cấp mạng wifi cho người dùng nên được cấp theo phiên làm việc, hoặc được phân luồng băng thông phù hợp cho GV, SV của Học viện khi sử dụng nhằm tăng hiệu suất sử dụng mạng. Hàng năm cần thực hiện bài bản hơn về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động ĐT & NCKH của hệ thống công nghệ thông tin trong Học viện.

Khoa cần tổ chức sắp xếp, bố trí lại phòng làm việc của GV.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 9	Tiêu chí 9.1					5			4,20
	Tiêu chí 9.2				4				
	Tiêu chí 9.3				4				
	Tiêu chí 9.4				4				
	Tiêu chí 9.5				4				

## TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

*Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.*

### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.1*

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát, là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Học viện tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (các điểm d, f và g, QĐ số 4237-QĐ/HVBC&TT, ngày 30/9/2019). Các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp theo quy định và hướng dẫn của Học viện (các QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT, ngày 31/8/2019; số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến:

- + Khảo sát SV theo học kỳ về Mục tiêu, CDR của học phần, nội dung học phần, PPDH và PP KTĐG trong học phần, CSVC phục vụ học phần; Khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo;

- + Khảo sát GV, NV về CTDH, CSVC, hoạt động dạy học và KTĐG, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng...;

- + Khảo sát cựu SV về mức độ đáp ứng CDR, tình trạng việc làm, CTĐT ();

- + Khảo sát NSDLĐ về chất lượng SV tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT;

Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp. Kết quả khảo sát được phân tích và gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Trong giai đoạn đánh giá, hằng năm, Khoa và Học viện đã thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT. Năm 2020 gần đây, Khoa QHCC đã khảo sát ý kiến của 05 GV trong khoa, 80 NV hỗ trợ, 50 SV năm cuối, 63 cựu SV và 20 NSDLĐ về các hoạt động của CTĐT ngành QHCC (Bảng tổng hợp của Học viện, ngày 09/8/2021). Khoa cũng đã tham khảo CTDH của ngành QHCC, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (ĐHQG Hà Nội). Học viện và Khoa QHCC&QC đã sử dụng kết quả khảo sát, đối sánh để làm căn cứ điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH.

Trong giai đoạn đánh giá, CTĐT ngành QHCC đã qua 3 lần chỉnh sửa (năm 2016, 2018, 2020). Năm 2018, dựa trên các văn bản hướng dẫn về xây dựng mục tiêu CTĐT như Luật Giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu

về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành QHCC lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 (CTĐT ngành QHCC, các phiên bản năm 2018 và 2020).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.1*

Chưa có văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện thu thập, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ.

Việc khảo sát ý kiến chưa được thực hiện với đầy đủ các BLQ (chưa có sự tham gia của các chuyên gia, nhà quản lý và các tổ chức nhà nước-xã hội).

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.1*

Cần có văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện thu thập, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ, VD: Sổ tay chất lượng.

Cần khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng thông tin phản hồi phù hợp trong hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.1*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 10.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được xác lập, được đánh giá và cải tiến.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.2*

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT (9 bước), quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT (6 bước) ban hành năm 2018 (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018), văn bản sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh năm 2020 (QĐ số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/4/2020), kèm theo đó là hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT (các HD số 3094/HD-HVBC&TT-ĐT ngày 18/6/2018; số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 31/5/2020).

Quy trình thiết kế CTDH có sự tham gia của các BLQ, của hệ thống tổ chức từ Trường đến Khoa, Hội đồng khoa, Bộ môn, được triển khai thực hiện đầy đủ. Khoa thành lập tổ soạn thảo chương trình, giao nhiệm vụ thiết kế ĐCHP cho các GV và hợp

thảo luận các nội dung rà soát, cập nhật, từ đó, đề xuất các nội dung cải tiến, điều chỉnh CTĐT dựa trên ý kiến phản hồi các BLQ trong và ngoài Học viện (Báo cáo tổng hợp ý Hội đồng KH-ĐT khoa QHQT chủ trì thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT thông qua các cuộc họp với sự tham gia của GV phụ trách các môn học (Biên bản họp Khoa QHQT, ngày 02/7/2018; Biên bản họp HĐ Khoa, ngày 30/7/2018).

Việc nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định theo TT 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT (QĐ thành lập HĐ thẩm định khung CTĐT, Phiếu thẩm định, Biên bản thẩm định).

Việc thiết kế và phát triển CTĐT tại Học viện đã được cải tiến về quy trình. Trước năm 2020 việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh CTĐT là do Ban QLĐT phụ trách; nhưng năm 2019 - 2020, việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh CTĐT được chuyển về Trung tâm KT-KĐCLĐT.

Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT năm 2018 chưa thể hiện rõ các bước xây dựng CDR của CTĐT; Quy trình năm 2020 đã bổ sung làm rõ hoạt động xây dựng CDR dựa trên các yêu cầu về xây dựng chương trình và theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành.

Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT năm 2020 bổ sung, làm rõ thêm các biểu mẫu trong quy trình xây dựng như mẫu ĐCHP, mẫu đối sánh CTĐT (các QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018, số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/4/2020).

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.2*

Hoạt động đối sánh chưa được chú trọng, chưa được thể hiện rõ sự đóng góp vào quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Việc đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTDH còn chưa rõ nét, những thay đổi về quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong các công văn hướng dẫn chưa được đưa vào quy định.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.2*

Cần tăng cường hoạt động đối sánh trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTĐT.

Việc xây dựng, rà soát và phát triển CTDH trong thời gian tới cần bám sát Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021, quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDDH.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.2*



(Không có).

5. *Đánh giá tiêu chí 10.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.3*

Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PP dạy và học, PP đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR.

Trước năm 2018, việc thực hiện rà soát và đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 3307/QĐ-HVBC&TT ngày 12/9/2014), Quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi (Văn bản ban hành ngày 30/11/2015).

Sau năm 2018, Học viện đã ban hành ban hành quy định về công tác khảo thí (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/09/2017), quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT, 23/05/2018), hướng dẫn thiết kế PPDH và KTĐG đáp ứng CĐR (các HD số 2647/HD-HVBC&TT, ngày 09/7/2020; số 2663/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020), hướng dẫn xây dựng CĐR CTĐT (HD số 5621/HD-HVBC&TT, ngày 10/11/2019), quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBC&TT, ngày 9/7/2020). Trong ND 2647 có quy định ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và PP KTĐG, đảm bảo các PP KTĐG trong CTDH hướng tới đạt CĐR.

Năm 2020, Học viện đã ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT (KH số 3056/KH-HVBC&TT 15/5/2020) và Hướng dẫn rà soát cập nhật CTĐT (HD số 2645/HD - HVBC&TT ngày 31/5/2020). Mới đây, Nhà trường đã ban hành quy định tạm thời về công tác tổ chức thi học phần theo hình thức trực tuyến nhằm thực hiện việc KTĐG KQHT của SV trong điều kiện chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 cũng như tiếp cận với xu hướng yêu cầu chuyển đổi số trong CSGD ĐH (QĐ số 4565/QĐ-HVBC&TT, ngày 09/9/2021).

Các hình thức KTĐG trong CTĐT ngành QHCC đa dạng, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... Các quy định về việc KTĐG KQHT của người học được thể hiện rõ trong ĐCHP của

CTĐT (CTĐT ngành QHQT các phiên bản 2016, 2018 và 2020). Khoa QHCC&QC thực hiện các hình thức KTĐG, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi... được thực hiện đúng theo quy định về tổ chức và quản lý thi kết thúc HP và có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế (Hồ sơ của Khoa QHCC&QC).

Hàng năm, hoạt động rà soát, đánh giá việc sử dụng các PP dạy và học, PP đánh giá KQHT của SV trong CTĐT được Học viện thực hiện, thể hiện trong Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, xây dựng phương hướng và nhiệm vụ năm học mới (các Báo cáo số 2271-BC/HVBC&TT, ngày 12/7/2016; ngày 25/12/2017; số 5832-BC/HVBC&TT ngày 09/12/2019 và 5332-BC/HVBC&TT, ngày 24/11/2020).

### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.3*

Chưa có báo cáo/minh chứng riêng về việc Học viện/Khoa thực hiện việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PP KTĐG KQHT của người học.

Trong Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, xây dựng phương hướng và nhiệm vụ năm học mới, hoạt động đánh giá KQHT chưa thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá được mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Việc sử dụng phản hồi của các BLQ để cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của CTĐT còn hạn chế.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.3*

Cần tăng cường việc định kỳ rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PP KTĐG KQHT của người học và có báo cáo tổng kết rà soát, đề xuất điều chỉnh, cải tiến, các PPDH, PP KTĐG. Việc rà soát các PPDH, PP KTĐG cần thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá được mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Khoa QHCC&QC cần chủ động tăng cường việc đánh giá sự tương thích và phù hợp của các hoạt động dạy học và KTĐG với CĐR để có biện pháp cải tiến chất lượng CTDH một cách hiệu quả.

Cần tăng cường việc sử dụng phản hồi của các BLQ để cải tiến quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của CTĐT.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.3*

(Không có).

5. Đánh giá tiêu chí 10.3 đạt mức: 4/7.

**Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.4

Từ năm 2011, trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Học viện đã có định hướng ưu tiên những công trình NCKH cấp cơ sở phục vụ CTĐT, hoạt động dạy-học (Điều 15, Quy chế quản lý hoạt động khoa học theo QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT, 25/9/2011). Trong Quy chế ban hành năm 2018 (QĐ số 6531/QĐ-HVBC&TT, ngày 26/12/2018) và Dự thảo năm 2021, chính sách ưu tiên này không được thể hiện rõ, tuy nhiên, Khoa QHQT đã cụ thể hóa việc định hướng biên soạn giáo trình phục vụ CTĐT trong các kế hoạch cụ thể của Khoa (Biên bản họp Khoa QHQT các năm, từ năm 2016 đến năm 2021).

Trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020, GV ngành QHCC đã thực hiện 32 đề tài NCKH các cấp, 02 bài báo quốc tế, 50 bài báo trong nước; trong đó, nội dung của 10 đề tài đã được chuyển tải, lồng ghép vào 04 giáo trình chính thức, 12 giáo trình nội bộ, và các tài liệu tham khảo, chuyên khảo, phục vụ hoạt động đào tạo và các môn học trong CTĐT ngành QHCC (Danh mục tổng hợp các công trình khoa học của khoa QHCC&QC, giai đoạn 2016-2020). Các giáo trình chính thức được sử dụng làm tài liệu học tập chính của môn học tương ứng, các giáo trình nội bộ, sách tham khảo, chuyên khảo, các bài báo về PPHD, PP KTĐG... được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong các môn học có liên quan, được thể hiện rõ trong đề cương các học phần của CTĐT (Danh mục tài liệu học tập trong các ĐCHP).

Các kết quả NCKH của GV và SV Khoa QHCC&QC đã được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV và hoạt động học tập, nghiên cứu của SV. Khoa QHCC&QC đã tổ chức 05 hội thảo cấp khoa (năm 2016-2 cuộc, năm 2019-1 cuộc và năm 2020-2 cuộc), trao đổi về kết quả nghiên cứu, cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy và giải quyết các vấn đề thực tiễn (Thống kê và Biên bản của khoa QHCC&QC về các Hội thảo đổi mới GD, học tập). Hằng năm, các Bộ môn đã tổ chức được hoạt động dự giờ, thăm lớp, đánh giá chất lượng giờ dạy (Biên bản họp các Bộ môn).

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa QHCC&QC đã có 29 SV tham gia thực hiện 06 đề tài NCKH được thực hiện dưới sự hỗ trợ của các GV trong khoa, các đề tài này gắn liền với việc đổi mới hoạt động liên quan đến công tác truyền thông, quan hệ công chúng, mang tính đặc thù của ngành QHCC (Thống kê danh mục đề tài NCKH của Khoa QHCC&QC, giai đoạn 2016-2020). Thông qua việc được tham gia nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của GV, SV đã hình thành và phát kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Điều này giúp ích rất nhiều cho SV khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động (Kết quả phỏng vấn cựu SV).

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.4*

Các đề tài NCKH của GV, SV ngành QHCC có gắn liền với hoạt động đào tạo chủ yếu là đề tài NCKH cấp cơ sở.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.4*

Cần tăng cường nguồn lực và hợp tác trong NCKH, thực hiện các đề tài KHCN cấp Bộ, cấp Nhà nước về hoạt động đào tạo để nâng cao năng lực NCKH của GV trong khoa, đồng thời chuyển các kết quả nghiên cứu thành tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.4*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 10.4 đạt mức: 5/7.*

***Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.5*

Học viện có mạng lưới ĐBCL bên trong được xây dựng để đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, NCKH, trong đó có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để thực hiện CTĐT. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như: Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Quy trình khảo sát ý kiến các BLQ,...

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác

SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm thông qua khảo sát ý kiến của đội ngũ GV, NV và người học về chất lượng đào tạo. Kết quả đánh giá từ năm 2018 đến năm 2020 cho thấy tỷ lệ hài lòng về CSVC, các dịch vụ hỗ trợ có xu hướng gia tăng. Kết quả khảo sát GV: năm 2018, tỷ lệ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, CNTT là 47,5%. Năm 2019, tỷ lệ hài lòng của GV về cơ sở vật chất, CNTT tăng lên là 55,71%. Năm 2020, con số này đã tăng lên 80%. Kết quả khảo sát SV: năm 2018, tỷ lệ hài lòng của SV chỉ ở mức dưới 55%, đến năm 2019, con số này tăng lên mức 75,9% và năm 2020 là 81,1% (Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đội ngũ GV, NV và SV các năm 2016-2020). Ngoài ra, việc đánh giá cũng được thể hiện trong các Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm. Sau khi tiếp nhận thông tin và các kết quả khảo sát ý kiến các BLQ, tất cả các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, Phòng Quản trị và QL KTX, Phòng CTCT và hỗ trợ SV, Ban QLĐT, Phòng KT-KĐCLĐT, CNTT, Đoàn Thanh niên... việc sử dụng các kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch cải tiến.

Học viện đã có đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đầu tư hơn 3,3 tỷ VNĐ (số liệu làm tròn) nâng cấp mạng internet, 1,4 tỷ VNĐ nâng cấp máy tính ở các phòng thực hành, 2,6 tỷ VNĐ cho các phần mềm và 3,3 tỷ VNĐ cho các công nghệ hỗ trợ khác; đã triển khai 12 gói thầu nâng cấp thư viện (Hồ sơ mua sắm, hợp đồng tài chính...), bổ sung 48 máy tính cho Thư viện; đầu tư hơn 10 tỷ VNĐ cho KTX, 64,8 tỷ VNĐ cho hệ thống phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm; đối với ngành QHCC, Học viện đã chi 369 triệu VNĐ để bổ sung tài liệu học tập cho ngành QHCC, bổ sung: 257 tài liệu số, 1800 cuốn tài liệu, giáo trình, 650 tài liệu tham khảo (Báo cáo tổng hợp kết quả đầu tư cho ngành QHQT, ngày 09/8/2021).

Qua phỏng vấn cho thấy, SV ngành QHCC hài lòng với CSVC và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của trường/khoa.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.5*

Một số trang thiết bị xuống cấp chưa kịp thời thay thế, điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động ngoài giờ của SV còn hạn chế.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.5*

Cần tiếp tục tăng cường đầu tư, cải thiện CSVC cho các hoạt động ngoài giờ của SV.

Khoa cần chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVC và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.5*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 10.5 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 10.6*

Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát, là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong Học viện tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (các điểm d, f và g, QĐ số 4237-QĐ/HVBC&TT, ngày 30/9/2019). Trường có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL là Trung tâm ĐBCL. Trung tâm này điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác ĐBCL với chức năng và nhiệm vụ rõ ràng, trong đó có chức năng thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Bên cạnh Trung tâm ĐBCL, hệ thống các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) cũng đã được thành lập với các thành viên kiêm nhiệm là một lãnh đạo đơn vị và một CB/GV/NV làm thư ký. Bộ phận ĐBCL ở các đơn vị đào tạo và chức năng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các BLQ (QĐ số 1699-QĐ/HVBC&TT, ngày 26/3/2021).

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ về chất lượng đào tạo, quy định rõ quy trình, nội dung, mục đích, đối tượng lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng đào tạo (các QĐ số 2003/QĐ-HVBC&TT, ngày 05/02/2017; số 3901/QĐ-HVBC&TT, ngày 31/8/2019; số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Nhà trường đã thực hiện khảo sát định kỳ từng học kỳ (đối với SV), cuối khóa học (đối với SV năm cuối), hằng năm (đối với CB, GV, NV), theo công việc (đối với

NSDLĐ và cựu SV) (Kế hoạch ĐBCL CTĐT các năm học; Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ về các hoạt động của Nhà trường các năm học).

Bên cạnh việc khảo sát, ý kiến phản hồi của các BLQ còn được thu nhận qua hộp thư góp ý của Học viện, hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa, Học viện và SV hàng năm, các cuộc sinh hoạt lớp, trao đổi giữa GVCN, CVHT với SV, Hội nghị công tác đào tạo.

Ngoài ra, các thông tin phản hồi về KQHT, rèn luyện, các hoạt động Đảng – Đoàn-Hội với SV cũng được thực hiện qua: trang thông tin điện tử của Học viện, Khoa QHQT, Tài liệu tuyển sinh hàng năm (Kết quả kiểm tra thực tế).

Việc đánh giá về quy trình, nội dung, đối tượng lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng đào tạo đã được Học viện thực hiện lồng ghép trong các Kế hoạch ĐBCL của Học viện các năm 2016-2020.

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng.

Về đối tượng, trước năm 2016, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với SV hàng kỳ; khảo sát SV cuối khoá và SV tốt nghiệp. Năm 2017, Học viện đã bổ sung đối tượng khảo sát NSDLĐ. Năm 2018, Học viện triển khai khảo sát CB, GV, NV về CTĐT và các hoạt động của Nhà trường. Về hình thức khảo sát, trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email; từ năm 2019 trở đi, các hình thức khảo sát đã đa dạng, bao gồm: gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp (Bảng thống kê số liệu khảo sát ngành QHQT, ngày 09/8/2021).

Quy trình lấy ý kiến phản hồi năm 2017 gồm 5 bước (khái quát, chưa cụ thể), được cải tiến năm 2019 có bổ sung lưu trình thực hiện và sử dụng kết quả khảo sát cho các đơn vị thực hiện: quy trình năm 2020 đã quy định cụ thể cho các nội dung, đối tượng khảo sát: Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BQL về chất lượng dạy học gồm 7 bước; khảo sát về CTĐT gồm 8 bước; khảo sát về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp gồm 6 bước; khảo sát về chất lượng SV tốt nghiệp gồm 8 bước (QĐ số 612/QĐ-HVBC&TT, ngày 20/02/2020).

Các kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV sẽ được Trung tâm KT-KĐCLĐT gửi đến từng GV và lãnh đạo Khoa biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Kết quả khảo sát này được sử dụng để có kế hoạch phân tiết giảng dạy, hợp đồng mời giảng, xếp loại thi

đưa hàng năm. Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, lãnh đạo các đơn vị nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR. ... Trong hoạt động rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, kết quả phản hồi của các BLQ đã được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CĐR, ĐCCT học phần, Tài liệu học tập,... (Báo cáo kết quả khảo sát các BLQ các năm 2016-2020).

#### *2. Tồn tại của tiêu chí 10.6*

Học viện đã xây dựng mạng lưới BĐCL bên trong nhưng hệ thống văn bản quy định về hoạt động của hệ thống này chưa đầy đủ (chưa có Sổ tay chất lượng, VB quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác BĐCL bên trong).

Việc khảo sát ý kiến các BLQ mới được thực hiện cơ bản đầy đủ, đồng bộ từ năm 2018, tuy nhiên, vẫn còn thiếu nhóm chuyên gia, cán bộ quản lý và các tổ chức xã hội.

#### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 10.6*

Cần sớm hoàn thiện hệ thống văn bản hoạt động của mạng lưới BĐCL bên trong để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Chú trọng việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

#### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 10.6*

(Không có).

#### *5. Đánh giá tiêu chí 10.6 đạt mức: 4/7.*

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 10:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản**

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ về xây dựng và phát triển CTDH. Trung tâm KT&ĐBCLĐT có nhiệm vụ chủ trì, Các đơn vị trong CSGD thực hiện nhiệm vụ phối hợp; Các kênh thông tin thu thập ý kiến các BLQ đa dạng: gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, google form, gửi phiếu trực tiếp; cơ chế lấy ý kiến các BLQ đã có những điều chỉnh, cải tiến nhất định nhằm nâng cao chất lượng;

Học viện có văn bản quy định về quy trình xây dựng CTĐT, quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT và hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTĐT;



Học viện có quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPĐH, PPKTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR;

Khoa QHCC&QC có nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được chuyển tải vào nội dung các môn học và đề cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV;

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) được thực hiện định kỳ hàng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng.

#### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Hệ thống văn bản quy định về hoạt động của hệ thống BĐCL bên trong chưa đầy đủ (chưa có Sổ tay chất lượng, VB quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác BĐCL bên trong).

Hoạt động đối sánh chưa được chú trọng, chưa được thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT chưa thể hiện rõ việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, chưa đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Việc khảo sát ý kiến chưa được thực hiện với đầy đủ các BLQ.

#### **+ Khuyến nghị**

Cần sớm hoàn thiện hệ thống văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong thực thi công tác BĐCL bên trong, văn bản quy định hoạt động, KTĐG... để thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Hoạt động đối sánh cần được chú trọng, và thể hiện đóng góp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến CTDH.

Hoạt động KTĐG KQHT cần được chú trọng rà soát, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, cần đánh giá mức độ tương thích và phù hợp với CĐR của học phần với CĐR của CTĐT.

Cần tăng cường hiệu quả công tác ĐBCL bên trong, chú trọng việc chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng CSVC và các hoạt động hỗ trợ quá trình đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.

Cần chú trọng hơn nữa việc khảo sát ý kiến đầy đủ các BLQ và sử dụng hiệu quả các phân hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 10	Tiêu chí 10.1				4				4,00
	Tiêu chí 10.2				4				
	Tiêu chí 10.3			3					
	Tiêu chí 10.4					5			
	Tiêu chí 10.5				4				
	Tiêu chí 10.6				4				

## TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA

**Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### 1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.1

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành QHCC được Học viện giao cho Ban QLĐT là đơn vị chủ trì thực hiện (QĐ số 4227/QĐ-HVBC&TT ngày 30/09/2019), Khoa QHCC&QC là đơn vị phối hợp (QĐ số 4201/QĐ-HVBC&TT ngày 30/09/2019). Việc quản lý KQHT, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm quản lý đào tạo. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần. Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của các khoá tuyển sinh năm học 2014-2015 đến năm học 2019-2020 là tương đối thấp, có xu hướng giảm dần và tương ứng là 18,6%, 21,4%, 8,2%, 13,9%, 6,9%, 3,2% (trung bình là 12,4%).

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của tất cả các ngành học đều được Học viện gửi đến các đơn vị đào tạo và được công bố trong các báo cáo tổng kết năm học. Theo kết quả thống kê của Học viện thì các khoá từ 2012-2016 đến khoá 2017-2021 không có SV nào tốt nghiệp trước hạn, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn tương đối cao và tương ứng là 93,8%, 92,3%, 74,5%, 60,9%, 87,5%, 68,9% (trung bình 76,9%).

Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp là do SV không đạt CDR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học rải rác ở tất cả các năm và với nhiều lý do khác nhau như đi du học, chuyển trường, đi làm hoặc KQHT kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có KQHT kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lý, trao đổi trực tiếp với gia đình...).

Khoa đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành QHCC giữa các khoá, đối sánh với ngành Triết học, QHQT, XHH của Học viện.

Năm học tuyển sinh	TỶ LỆ SV THÔI HỌC CỦA CTĐT (%)			
	QHCC	XHH	QHQT	TRIẾT HỌC
2015 – 2016	21,4	17,0	13,6	27,9
2016 – 2017	8,2	14,7	17,8	13,2
2017 – 2018	13,9	13,9	10,6	16,1
2018 – 2019	6,9	22,8	8,51	25,0
2019 – 2020	3,2	0,2	5,45	22,9
<b>Trung bình</b>	<b>12,4</b>	<b>16,2</b>	<b>16,2</b>	<b>20,2</b>

KHOÁ ĐT	TỶ LỆ TỐT NGHIỆP ĐÚNG HẠN CỦA CTĐT			
	QHCC	XHH	QHQT	TRIẾT HỌC
2012 – 2016	93,8	94,0	96,7	89,4
2013 – 2017	92,3	89,7	89,7	93,0
2014 – 2018	74,5	71,0	61,0	72,5
2015 – 2019	60,9	37,8	68,5	67,7
2016 – 2020	87,5	48,3	81,2	64,5
2017 – 2021	68,9	37,8	67,9	53,8
<b>Trung bình</b>	<b>76,9</b>	<b>65,2</b>	<b>76,7</b>	<b>76,1</b>

### 2. Tồn tại của tiêu chí 11.1

Hiệu quả của việc đối sánh tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành QHCC với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước chưa hiệu quả như số liệu đối sánh còn ít và thực hiện không thường niên, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập.

### 3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.1

Khoa cần sử dụng hiệu quả hơn dữ liệu thống kê về tình trạng SV thôi học, tình trạng SV tốt nghiệp đúng hạn để phân tích kỹ càng hơn các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến vẫn còn 12.4 % SV thôi học. Số liệu thống kê cần được chi tiết hơn như có bao nhiêu SV thôi học do tự bỏ học, bao nhiêu bị buộc thôi học vì học lực yếu, bao nhiêu chuyển trường, đi du học, bỏ học để đi làm. Hằng năm cần thống kê chi tiết số SV không tốt nghiệp đúng hạn theo các nguyên nhân, số SV còn nợ HP và tập trung ở những HP nào là chủ yếu... Trên cơ sở đó có giải pháp hợp lý hơn để cải thiện tình trạng hiện tại. Ngoài ra, Khoa cũng cần phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành QHCC.

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.1*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 11.1 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

*1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.2*

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý KQHT của SV, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Phần mềm quản lý đào tạo là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp của SV các khoá và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá của ngành học. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành QHCC là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá 2012-2016 đến khoá 2016-2020 tương ứng là 4,0 năm, 4,0 năm, 4,29 năm, 4,19 năm và 4,02 năm (bình quân là 4,1 năm).

Hồ sơ minh chứng cho thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến SV; CVHT, Đoàn thanh niên và ban cán sự lớp đều có cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV, nhất là SV năm cuối để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, xác định tinh thần quyết tâm vươn lên để hoàn thành CTĐT đúng hạn (Biên bản họp lớp). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa hằng năm). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CĐR về ngoại ngữ và tin học

hoặc nợ một số HP chuyên môn. Để tạo cơ hội trả nợ cho SV, Học viện đã tổ chức các lớp học bổ sung cho SV có nhu cầu học cải thiện điểm hoặc trả nợ. Từ năm 2020, Học viện đã điều chỉnh CDR ngoại ngữ từ B2 xuống B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV.

Khoa đã đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá SV ngành QHCC với SV các khoá tương ứng của ngành Triết học, XHH, QHQT thuộc Học viện. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá của 04 ngành này là khá tương đồng.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 11.2*

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá tốt nghiệp những năm gần đây có xu hướng tăng nhẹ nhưng Khoa chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả (giải pháp của Khoa trong một số biên bản họp còn chung chung). Khoa chưa thực sự nỗ lực trong việc tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QHCC với SV cùng ngành của một số trường đại học trong nước.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.2*

Khoa và CVHT nên quan tâm hơn nữa đến KQHT của SV ngay từ năm thứ nhất để có tư vấn hỗ trợ kịp thời. Ngoài ra, Khoa cần đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, tạo động lực học tập thông qua lòng yêu ngành yêu nghề cho SV. Sau học kỳ II của năm thứ ba, Ban QLĐT nên thống kê danh sách những SV còn nợ các HP để thông báo cho SV biết, chủ động lập kế hoạch học trả nợ. Căn cứ vào tình hình thực tế, Học viện có thể tổ chức thêm học kỳ hè để SV có thể đăng ký học trả nợ hoặc học vượt khi có nhu cầu.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.2*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 11.2 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.3*

Học viện đã giao cho Trung tâm KT&KĐCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SV tốt

nghiệp, khảo sát thống kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&KĐCLGD. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCLGD thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ liệu khảo sát về tình trạng SV tốt nghiệp hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định. Kết quả thống kê được tổng hợp ở bảng dưới đây:

Nội dung	Tốt nghiệp năm 2016	Tốt nghiệp năm 2017	Tốt nghiệp năm 2018	Tốt nghiệp năm 2019
Số SV tốt nghiệp	45	55	42	74
Số SV phản hồi	42	55	42	74
Tỷ lệ SV có việc làm trong số phản hồi (%)	100	100	100	98
Tỷ lệ học tiếp (%)	7,1	9,0	8,1	4,8
Tỷ lệ làm việc đúng ngành đào tạo (%)	73,0	74,5	78,0	88,0
Tỷ lệ làm việc trong khu vực ngoài nhà nước (%)	71,7	85,7	91,1	88,0
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/tháng)	Không khảo sát	5-10: 84,7% > 10: 9,9%	5-10: 35,5% 10-15: 37,8% > 15: 11,1%	5-10: 58,5% 10-15: 37,7% > 15: 3,8%

Đoàn Đánh giá ngoài đã khảo sát độc lập đối với 103 SV tốt nghiệp năm 2019 và năm 2020, nhận được 30 SV phản hồi. Trong số phản hồi 100 % đã có việc làm, làm việc phù hợp với ngành đào tạo là 59,67%, làm việc trong khu vực nhà nước là 6,67%, làm việc ở khu vực ngoài Nhà nước là 73,33%, tự khởi nghiệp 6,66%, thu nhập bình quân từ 07 triệu đồng/tháng chiếm 93,3%.

Khoa đã thực hiện đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành QHCC sau tốt nghiệp với SV các ngành QHQT, Triết học và XHH của Học viện. Khoa cũng đã đối sánh với SV ngành QHCC của Trường Đại học KHXH&NV thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và kết quả cho thấy, tỷ lệ SV của Học viện tốt nghiệp năm 2018 có việc làm cao hơn so với SV của Trường Đại học KHXH&NV.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, toạ đàm để phân tích nguyên nhân tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành thấp và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế, tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV (do Đoàn thanh niên Học viện chủ trì), thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi toạ đàm hướng nghiệp cho SV.

### *2. Tồn tại của tiêu chí 11.3*

Học viện chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành QHCC với SV các ngành khác của Học viện và chưa đối sánh với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước. Việc khảo sát sự hài lòng của NSDLĐ về chất lượng SV chưa được thực hiện thường xuyên và chất lượng khảo sát chưa cao thể hiện ở số lượng khảo sát còn ít.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.3*

Học viện/Khoa cần hoàn thiện quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp từ việc thu thập dữ liệu của SV trước tốt nghiệp (địa chỉ, email, điện thoại, lập group zalo của mỗi khoá...) đến nội dung, công cụ và phương thức khảo sát... Học viện cần định kỳ tổng kết công tác khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp để đánh giá chất lượng và hiệu quả của hoạt động khảo sát, nhất là PP khảo sát và độ tin cậy của kết quả khảo sát để từ đó có những cải tiến kịp thời. Cần khảo sát sự hài lòng của NSDLĐ và của cựu SV về chất lượng SV tốt nghiệp theo từng khoá đào tạo để có cải tiến kịp thời theo hướng nâng cao tỷ lệ SV sớm có việc làm, nhất là có việc làm đúng và gắn với ngành đào tạo. Học viện cần khảo sát kỹ lưỡng và khoa học về nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực do CTĐT cung cấp. Tiếp tục nâng cao năng lực khởi nghiệp, nâng cao kiến thức ngoại ngữ, tin học, kiến thức thực tế, một số kỹ năng mềm để SV đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Cần phát huy vai trò của Khoa, bộ môn và các GV trong việc liên hệ với cựu SV để giới thiệu việc làm và phối hợp thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.3*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 11.3 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

***1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.4***

Học viện giao cho Ban QLKH là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lý và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện (QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011), Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ (QĐ số 5061/QĐ-HVBC&TT ngày 27/12/2017) và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ KH&CN vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học; mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện. Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng ký, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lý đề tài. Ban QLKH lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lý.

Học viện đã quy định mức chi thực hiện một đề tài NCKH SV là 05 triệu đồng. Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã chi 119,250 triệu đồng cho SV ngành QHCC thực hiện đề tài NCKH SV cấp Viện. Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội thảo hội nghị khoa học do SV tổ chức. Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, SV của ngành QHCC đã thực hiện 07 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 29 SV.

Công tác NCKH của SV được Học viện và Khoa quan tâm như hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV, tăng số lượng đề tài và kinh phí chi thực hiện đề tài NCKH SV. Năm 2016, Học viện có 30 đề tài NCKH SV với kinh phí chi 139,5 triệu đồng thì năm 2020 có 40 đề tài với kinh phí chi là 401,6 triệu đồng, có chính sách khen thưởng SV tích cực tham gia NCKH (cộng 0.2 điểm vào trung bình chung học tập của năm học với SV chủ trì đề tài...).

***2. Tồn tại của tiêu chí 11.4***



Quy chế về quản lý hoạt động khoa học được ban hành năm 2011 và năm 2018 chưa có quy định cụ thể các loại hình hoạt động NCKH của SV.

Kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa đảm bảo đủ 3% nguồn thu học phí theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ nên phần nào hạn chế đến số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV. Khoa chưa định kỳ đối sánh kết quả NCKH của SV ngành QHCC với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong cả nước.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.4*

Học viện cần có giải pháp hữu hiệu để khuyến khích, tạo sự đam mê NCKH trong SV như đổi mới chính sách khen thưởng, kết quả NCKH được thay thế một học phần nào đó trong CTĐT, tăng kinh phí chi để thực hiện đề tài nghiên cứu cũng như tăng số lượng đề tài. Định kỳ tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa và cấp Học viện. Kết hợp hình thức thực hiện đề tài NCKH với các hoạt động dự án, dự án PVCD của SV. Cần nâng cao hoạt động đối sánh chất lượng NCKH của SV ngành QHCC với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước làm cơ sở để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

### *4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.4*

(Không có).

### *5. Đánh giá tiêu chí 11.4 đạt mức: 4/7.*

***Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### *1. Điểm mạnh của tiêu chí 11.5*

Trung tâm KT&KĐCLGD được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ và các đơn vị đào tạo phối hợp thực hiện (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo (QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT ngày 31/8/2019).

Trong chu kỳ đánh giá Học viện đã thực hiện 05 loại khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng của CTĐT như: Khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần; khảo sát GV, NV và SV năm

cuối, cựu SV, NSDLĐ về chất lượng đào tạo... PP khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm quản lý đào tạo, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV.

Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV năm cuối về PPGD trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020 tương ứng là 38,88%, 55,77%, 76,4%, 76,4%; hài lòng về KTĐG là 18,51%, 44,59%, 75,1%, 76,2%; hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo là 30,17%, 57,67%, 75,5%, 75,0%. Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về các lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

### *2. Tôn tại của tiêu chí 11.5*

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích đối sánh kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng. Khoa chưa thường niên khảo sát mức độ hài lòng của NSDLĐ, của GV đối với chất lượng SV tốt nghiệp.

Hàng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và PP khảo sát. Học viện chưa có phần mềm hoàn chỉnh để xử lý kết quả, phân tích dữ liệu khảo sát sự hài lòng của các BLQ.

### *3. Những điểm cần cải tiến của tiêu chí 11.5*

Trung tâm KT&KĐCLĐT cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học. Cần thực hiện công tác khảo sát mức độ hài lòng của NSDLĐ và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (đa dạng hình thức khảo sát như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo; khảo sát theo khoá SV tốt nghiệp để có thêm kết quả đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT...). Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ đến việc nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của PP khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự

hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát...).

*4. Những điểm chưa rõ của tiêu chí 11.5*

(Không có).

*5. Đánh giá tiêu chí 11.5 đạt mức: 4/7.*

## **ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 11:**

### **+ Điểm mạnh cơ bản**

Học viện có Ban QLĐT chịu trách nhiệm giám sát KQHT của SV, thống kê, cập nhật số lượng SV bị cảnh báo học vụ, thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tốt nghiệp trước hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QHCC. Tỷ lệ SV thôi học trung bình trong chu kỳ đánh giá là 12,4%, bình quân thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,10 năm. Trung bình tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là 76,9%. Học viện có quy định và quy trình khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp: có tương đối đầy đủ số liệu khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp các năm 2016 đến năm 2019; hằng năm đều có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp với các thông tin theo quy định. Tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt trung bình 99,5%, làm việc đúng ngành đào tạo là 78,5%. Tính bình quân 03 năm khảo sát cho 33,4% SV có việc làm với thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng.

Học viện đã ban hành các văn bản quản lý hoạt động NCKH SV, ban hành chính sách chi kinh phí thực hiện đề tài và các chính sách khen thưởng khác; ban hành một số quy định, quy trình có liên quan đến công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Hằng năm đã thực hiện 05 loại khảo sát khác nhau về mức độ hài lòng của SV, GV, cán bộ NV, NSDLĐ và cựu người học. Kết quả khảo sát đã được phân tích và đối sánh giữa các lần khảo sát để xây dựng các giải pháp cải tiến chất lượng. Công cụ và phương thức khảo sát đã được cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Mức độ hài lòng của lần khảo sát sau nhìn chung cao hơn mức độ hài lòng của lần khảo sát trước đó.

### **+ Điểm tồn tại cơ bản**

Học viện có giám sát, thống kê dữ liệu về tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá đào tạo nhưng việc phân tích đối sánh dữ liệu để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng còn hạn chế như số liệu đối sánh còn ít và thực hiện không thường niên, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu

thống kê do Ban QLĐT xác lập. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá tốt nghiệp những năm gần đây có xu hướng tăng và tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng giảm nhưng Khoa chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả.

Chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành QHCC với SV nhiều ngành khác của Học viện và chưa đối sánh với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước. Việc khảo sát sự hài lòng của NSDLĐ về chất lượng SV chưa được thực hiện thường xuyên và chất lượng khảo sát chưa cao thể hiện ở số lượng khảo sát còn ít...

Quy chế về quản lý hoạt động khoa học được ban hành năm 2011 và năm 2018 chưa có quy định cụ thể các loại hình hoạt động NCKH của SV. Kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV còn hạn chế, chưa đảm bảo đủ 3% nguồn thu học phí theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ nên phần nào hạn chế đến số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV.

Hằng năm, Học viện có thực hiện 05 loại khảo sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động phục vụ, đào tạo và NCKH nhưng chưa sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng. Hằng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và PP khảo sát. Học viện chưa có phần mềm hoàn chỉnh để xử lý kết quả, phân tích dữ liệu khảo sát sự hài lòng của các BLQ. Chưa có đánh giá về độ tin cậy của PP và công cụ khảo sát (nhất là phần lớn thực hiện khảo sát trực tuyến).

#### **+ Kiến nghị**

Học viện nên ban hành hướng dẫn chi tiết về thời điểm thống kê báo cáo, phương thức tính toán thống kê, sử dụng kết quả thống kê về tỷ lệ SV bị cảnh báo học vụ, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT theo khoá học để cải tiến chất lượng. Nên phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đầu vào với KQHT của SV để có định hướng rõ ràng hơn trong việc xác định các tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành học.

Cần cải tiến bộ câu hỏi khảo sát NSDLĐ và cựu SV về chất lượng người học sau tốt nghiệp để có được thông tin hữu ích hơn. Trong thời gian tới, Khoa cần lưu tâm đến các giải pháp để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo. Ngoài việc trang bị kiến thức, cần chú ý tăng cường kỹ năng giao tiếp,

kỹ năng viết và diễn đạt, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành cho SV để các em thuận lợi hơn trong quá trình tìm kiếm việc làm.

Cần có giải pháp khuyến khích SV tham gia NCKH và khuyến khích GV tham gia hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH SV. Học viện cần định kỳ tổng kết đánh giá tính hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương thức khảo sát sự hài lòng của các BLQ để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH trong GV cũng như trong SV của ngành học.

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Mức đánh giá							Điểm tiêu chuẩn
		1	2	3	4	5	6	7	
Tiêu chuẩn 11	<i>Tiêu chí 11.1</i>				4				4,00
	<i>Tiêu chí 11.2</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.3</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.4</i>				4				
	<i>Tiêu chí 11.5</i>				4				

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tên CTĐT trình độ đại học ngành: *QHCC*

của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

(Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								
Tiêu chí 1.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								
Tiêu chí 2.1	5	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	5	3						
Tiêu chí 2.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								
Tiêu chí 3.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 3.2	5	4						
Tiêu chí 3.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								
Tiêu chí 4.1	5	3	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								
Tiêu chí 6.1	5	4	5,00	7	100	3,86	6	85,71
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TDG	ĐGN	TDG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>								
Tiêu chí 7.1	5	4	4,80	3	100	3,80	4	80
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	3						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								
Tiêu chí 8.1	5	4	5,00	5	100	4,40	5	100
Tiêu chí 8.2	5	5						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								
Tiêu chí 10.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	83,33
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 11.5	5	4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>			<b>4,98</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>3,96</b>	<b>44</b>	<b>88</b>



### **PHẦN III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

#### **A. KẾT LUẬN**

CTĐT trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận trong xây dựng và phát triển các CTĐT, trong việc thực hiện đa dạng các PPGD, KTĐG phù hợp với đặc thù từng môn học, đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học; năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ CB, GV và NV được quản lý và đánh giá chặt chẽ; Chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng; các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giám sát đã góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của người học; Hệ thống CSVC, Thư viện... đáp ứng yêu cầu ĐT; Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ được xây dựng và triển khai thực hiện; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng để cải tiến chất lượng CTĐT; Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành cao. NTD đánh giá cao về khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của SV Nhà trường tốt nghiệp.

Kết quả ĐGN cho thấy, CTĐT trình độ đại học ngành Triết học của Học viện đã có 44 tiêu chí được đánh giá ở mức điểm 4 trở lên trên tổng số 50 tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016, đạt tỷ lệ 88%; không có tiêu chuẩn nào có tỷ lệ tiêu chí đạt < 50%.

#### **B. KIẾN NGHỊ**

CTĐT trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng vẫn còn những tồn tại cần khắc phục, cải tiến. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo ĐGN để sớm xây dựng kế hoạch và thực hiện ngay những giải pháp cải tiến cụ thể, khả thi và phù hợp với thực tế

Báo cáo này được sử dụng để thực hiện các bước tiếp theo của quy trình KĐCLGD và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho CTĐT trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD**



**TS. Trần Đình Quang**

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

**PGS.TS. Bùi Duy Cam**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

**Phụ lục A.** Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền/Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

**Phụ lục B.** Tóm tắt kết quả tự đánh giá của CTĐT ngành Quan hệ công chúng

**Phụ lục C.** Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài

**Phụ lục D.** Lịch trình đánh giá ngoài

**Phụ lục Đ.** Công văn phản hồi của CSGD được đánh giá về báo cáo đánh giá ngoài

## PHỤ LỤC A.

### KHÁI QUÁT VỀ CƠ SỞ THỰC HIỆN CTĐT

#### **1. Thông tin chung**

##### ***1.1. Học viện Báo chí và Tuyên truyền***

Học viện Báo chí và Tuyên truyền (thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) được thành lập ngày 16/01/1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học.

Trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035 và tầm nhìn 2050, Học viện xác định sứ mạng của mình là “*nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2050: “*Trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới. Học viện phấn đấu trở thành:*

*Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông*

*Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.*

*Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050”.*

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc – Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo, 06 ban, 01 Văn phòng, 02 phòng, 03 trung tâm, 01 viện, 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2020, Học viện có tổng số 396 cán bộ giảng viên, nhân viên, trong đó có 33 Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ, 212 Thạc sĩ, 39 cử nhân, 17 trình độ khác.

### **1.2. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo**

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-HVBC&TT ngày 09/5/2006, với nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo ngành Quan hệ công chúng (mã số 7320108). Hiện khoa đã đào tạo được hơn 11 khóa đại học chuyên ngành Quan hệ Công chúng chuyên nghiệp, đã và đang đào tạo 10 khóa học viên cao học Quan hệ công chúng.

Khoa có 02 tổ bộ môn gồm tổ bộ môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Marketing; và 01 Văn phòng khoa.

Khoa có tổng số 15 cán bộ và giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 PGS.TS, 04 TS, 03 nghiên cứu sinh, 07 thạc sĩ.

## **2. Một số dữ liệu cơ bản của khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (tính đến 30/8/2021)**

### **2.1. GV:**

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 14

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 93.3%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 35.7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 64.3%

### **2.2. SV:**

#### **a. Tổng số SV chính quy (người)**

Tổng số người học chính quy (người): 111

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 7.9sv/gv

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90.64%

#### **b. Đánh giá của SV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:**

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 83%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 17%

#### **c. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:**

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 76.4%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 23,6%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5-10 triệu

#### **d. Đánh giá của NSDLĐ về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:**

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

90%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 10%

### **3. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và PVCĐ:**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7.39

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.44

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 47.2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.92

### **4. Cơ sở vật chất**

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1.58

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 13.58

### **5. Đảm bảo chất lượng giáo dục**

Đã thực hiện công tác đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo từ năm 2018.

**PHỤ LỤC B**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Tên CTĐT: Quan hệ công chúng

Mã CTĐT: 7320108

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	1	2	3	4	5	6	7	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 6.2					5			4,80	5	100
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1					5			4,80	5	100
Tiêu chí 7.2					4					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1					5			5,00	6	100
Tiêu chí 10.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Điểm tự đánh giá theo từng tiêu chí							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	1	2	3	4	5	6	7	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,98</b>	<b>50</b>	<b>100</b>



**PHỤ LỤC C**  
**QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG,**  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~197~~ 197/QĐ-KDCLV

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo  
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**- TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

*Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLDHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo Cử nhân Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được nêu trong "Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ

sở giáo dục, chương trình đào tạo" ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-KĐCL.DHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và hưởng các quyền lợi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

**Điều 3.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *M*

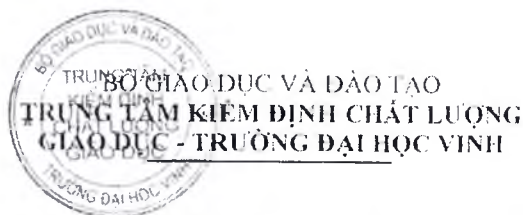
**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, DGCN.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Quang**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN QUAN HỆ CÔNG CHỨNG  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

(Kèm theo Quyết định số: ~~197~~ 197/QĐ-KĐCLV ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
<b>I</b>	<b>Chuyên gia</b>		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	PGS.TS. Mai Văn Chung	2017.01.246	Thư ký
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.067	Thành viên thường trực
4	TS. Đào Hải	2016.01.159	Thành viên
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
6	TS. Phan Văn Hiếu	2014.02.071	Thành viên
7	TS. Lê Huy Tùng	2014.1.052	Thành viên
<b>II</b>	<b>Giám sát</b>		
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU0701	Giám sát viên

Ấn định danh sách gồm 08 người. *M*

**PHỤ LỤC D**  
**LỊCH TRÌNH ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG**  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**  
**(cùng với 03 CTĐT ngành Triết học, Quan hệ quốc tế và Xã hội học)**

**I. Mục đích đánh giá ngoài**

1. Xác nhận tính xác thực và khách quan của bản báo cáo tự đánh giá 04 chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (CTĐT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đăng ký kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

2. Tư vấn, khuyến nghị các biện pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT.

**II. Phạm vi đánh giá**

Đánh giá toàn bộ hoạt động của CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**III. Đoàn đánh giá ngoài**

Đoàn ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng được thành lập theo Quyết định số 197/QĐ-KĐCLV ngày 16/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường đại học Vinh (có Quyết định và danh sách kèm theo-Phụ lục C).

Đoàn ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Quan hệ quốc tế được thành lập theo Quyết

**IV. Hoạt động của đoàn đánh giá ngoài**

**1. Bảng phân công nghiên cứu sâu các tiêu chí**

TT	Họ và tên	Trách nhiệm trong đoàn	Các tiêu chí được phân công nghiên cứu sâu
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	Trưởng đoàn	TC 11 của 04 CTĐT+ TC 6.7: 24 tiêu chí
2	PGS.TS. Mai Văn Chung	Thư ký	TC10 của 04 CTĐT: 24 tiêu chí
3	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên thường trực	TC6 (trừ 6.7) của 04 CTĐT: 24 tiêu chí
4	PGS.TS. Nguyễn Thái An	Thành viên	Tiêu chuẩn 8 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
5	TS. Phan Văn Hiếu	Thành viên	Tiêu chuẩn 9 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
6	TS. Lê Huy Tùng	Thành viên	Tiêu chuẩn 7 của 04 CTĐT: 20 tiêu chí
7	TS. Nguyễn Văn Trung	Thành viên	Từ TC1 đến TC5/ Triết học: 17 tiêu chí
8	TS. Đào Hải	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / QHCC: 17 tiêu chí
9	TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / QHQT: 17 tiêu chí
10	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Thành viên	Từ TC1 đến TC5 / XHH: 17 tiêu chí

**2. Công tác chuẩn bị cho hoạt động của đoàn đánh giá ngoài**

TT	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian
1	Chuẩn bị và gửi Hồ sơ tự đánh giá các CTĐT cho đoàn ĐGN.	Trung tâm KĐCLGD - ĐHV	Ngay sau khi có Quyết định thành lập đoàn ĐGN
2	Phân công cho các thành viên trong đoàn nghiên cứu sâu các tiêu chí.	Trưởng đoàn ĐGN	Tuần 1
3	Nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá; nghiên cứu sâu các tiêu chí được phân công; viết bản nhận xét báo cáo tự đánh giá; gửi báo cáo cho thư ký và trưởng đoàn để tổng hợp.	Các thành viên của đoàn ĐGN	Tuần 1, 2
4	Tổng hợp các bản nhận xét báo cáo tự đánh giá của các thành viên trong đoàn thành Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và gửi bản mềm cho các thành viên khác để nghiên cứu trước khi họp đoàn.	Thư ký	Tuần 2

**3. Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và họp Đoàn**

**a. Nghiên cứu hồ sơ**

**Thời gian:** Từ ngày 17 - 25/7/2021

**Địa điểm:** Các thành viên trong đoàn tự bố trí

**b. Họp đoàn**

**Thời gian:** 1 buổi ngày 26/7/2021

**Địa điểm:** Họp trực tuyến (online)

**Lịch làm việc:**

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8:00 - 10:00	Họp đoàn thảo luận, trao đổi về nhận xét báo cáo nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của các thành viên trong đoàn. Thống nhất báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá chung của Đoàn.	Cả đoàn
10:00 - 10:30	Thảo luận, thống nhất về nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên.	Trưởng đoàn, Cả đoàn
10:30 - 11:45	Thảo luận, thống nhất kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức.	Cả đoàn
11:45 - 12:00	Gửi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá, kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHV.	Trưởng đoàn

**4. Khảo sát sơ bộ tại cơ sở giáo dục**

**Thời gian làm việc:** 1 ngày (Thứ Sáu, ngày 01 tháng 10 năm 2021)

**Địa điểm:** Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Số 36 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố

Hà Nội.

**Lịch làm việc:**

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc với lãnh đạo Học viện và thống nhất kế hoạch khảo sát.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện lãnh đạo Học viện.
8:30 - 9:30	Đoàn quan sát sơ bộ thực tế khuôn viên, cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, học tập, sinh hoạt của cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng Đoàn, Thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Cán bộ hỗ trợ của Học viện.
9:00 - 12:00	Đoàn kiểm tra sơ bộ các tài liệu, hồ sơ minh chứng	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng Đoàn, Thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Hội đồng tự đánh giá;
<b>12:00 - 13:30</b>	<b><i>Nghỉ trưa</i></b>	
13:30 - 15:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá để thông báo và trao đổi về kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá CTĐT.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Học viện. Lãnh đạo các khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá 04 CTĐT.
15:30 - 17:00	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá và thống nhất những vấn đề cơ sở giáo dục cần chuẩn bị: - Tài liệu, minh chứng cần bổ sung; - Số lượng, thành phần các đối tượng phỏng vấn; - Đối tượng cần quan sát, kiểm tra; - Công tác hậu cần cho Đoàn.	- Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Trưởng đoàn, thư ký, thành viên thường trực của Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Học viện, Lãnh đạo các khoa có CTĐT được đánh giá; Hội đồng tự đánh giá CTĐT của cơ sở giáo dục.
17:00 - 17:30	Ký Biên bản khảo sát sơ bộ.	Đại diện Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; Trưởng đoàn, Lãnh đạo Học viện.

**5. Khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục**

**Thời gian:** 4,5 ngày (Từ ngày 14 tháng 10 đến ngày 19 tháng 10 năm 2021)

**Địa điểm:** Học viện Báo chí và Tuyên truyền: Số 36 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**Lịch trình chi tiết:**

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc			
		CTĐT Triết học	CTĐT QH công chúng	CTĐT QH quốc tế	CTĐT Xã hội học
<b><i>Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 15 tháng 10 năm 2021)</i></b>					
8:00 - 10:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN			

		<i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i>			
10:00 - 12:00	Khai mạc Đánh giá ngoài <i>(Có chương trình chi tiết kèm theo)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - ĐH Vinh;</li> <li>- BGĐ Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng Tự đánh giá;</li> <li>- Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá <i>(do Nhà trường điều động)</i>.</li> </ul> <p style="text-align: right;"><i>(Hội trường)</i></p>			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 - 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	<p style="text-align: center;">Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i> <i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i></p>			
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn <i>(nếu có nhu cầu)</i>	<p style="text-align: center;">Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>			
<b><i>Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 16 tháng 10 năm 2021)</i></b>					
8:00 - 9:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	<p style="text-align: center;">Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>			
9:00 - 10:00	Phòng vận nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/phó phụ trách chuyên môn của CTĐT được đánh giá)	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
	Phòng vận nhóm Cán bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể	Phòng PV 5			

10:00 - 10:15	Đoàn hội ý sau phòng vấn	Phòng hội ý			
10:15 - 11:15	Phòng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
	Phòng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động	Phòng PV 5			
11:15 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa				
13:30 - 14:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
14:00 - 15:00	Phòng vấn nhóm sinh viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
15:00 - 15:15	Đoàn hội ý sau phòng vấn	Phòng hội ý			
15:15 - 16:15	Phòng vấn nhóm cựu sinh viên	Phòng PV 1	Phòng PV 2	Phòng PV 3	Phòng PV 4
16:15 - 17:30	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
17:30 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
<b>Ngày làm việc thứ ba (Chủ nhật, ngày 17 tháng 10 năm 2021)</b>					
8:00 - 9:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
9:00 - 10:30	Quan sát thực tế phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và phòng tư liệu các Khoa.	Nhóm 1 (Địa điểm quan sát)			
	Quan sát thực tế Thư viện; văn phòng bộ môn; văn phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan.	Nhóm 2 (Địa điểm quan sát)			
	Quan sát thực tế Trạm y tế, ký túc xá, khu thể	Nhóm 3 (Địa điểm quan sát)			

	thao, câu lạc bộ sinh viên và cơ sở vật chất khác.	
10:30 - 12:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
12:00-13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các phòng, ban, trung tâm: B.QLĐT; B.QLKH; B.HTQT; B.Thanh tra; Trung tâm KT&KĐCLĐT; P. Quản trị & quản lý KTX; P. Công tác CT&Hỗ trợ SV; Thư viện,...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, sinh viên gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
<b><i>Ngày làm việc thứ tư (Thứ Hai, ngày 18 tháng 10 năm 2021)</i></b>		
8:00 - 10:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
	Các thành viên trong đoàn/nhóm phụ trách trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên	



	Thảo luận những điểm cần trao đổi và làm rõ với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá	
10:00 - 12:00	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Trường và Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng tự đánh giá.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><i>(Phòng họp)</i></p>
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13:30 - 15:30	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo phụ lục 14 và gửi cho thư ký Đoàn.	<p>Đoàn ĐGN</p> <p><i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>
15:30 - 17:00	Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công; Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ; Thư ký tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức.	
17:00 - 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn <i>(nếu có nhu cầu)</i>	
<b><i>Ngày làm việc thứ năm (thứ Ba, ngày 19 tháng 10 năm 2021)</i></b>		
8:00 - 9:00	Đoàn làm việc nội bộ	<p>Đoàn ĐGN</p> <p><i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i></p>
9:00 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức <i>(có chương trình chi tiết kèm theo)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;</li> <li>- Đại diện lãnh đạo TT KĐCLGD-ĐHV;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng Tự đánh giá;</li> <li>- Đại diện các đơn vị trong Trường;</li> <li>- Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá.</li> </ul>
11:30 - 12:00	Ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Trung tâm	

	KĐCLGD-ĐHV	(Hội trường)
--	------------	--------------

**6. Viết báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo**

**Lịch thực hiện viết báo cáo ĐGN**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>
1	Dự thảo báo cáo ĐGN.	Trưởng đoàn, thư ký	20 - 25/10/2021
2	Gửi dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 1</i> ) cho các thành viên trong đoàn.	Trưởng đoàn, thư ký	26 - 28/10/2021
3	Góp ý cho dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 1</i> )	Cả đoàn	29/8 - 03/11/2021
4	Sửa chữa và gửi dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 2</i> ) cho các thành viên trong đoàn.	Trưởng đoàn, thư ký	04 - 07/11/2021
5	Góp ý cho dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>Dự thảo 2</i> ).	Cả đoàn	8/9 - 12/11/2021
6	Họp đoàn để thống nhất ý kiến về dự thảo báo cáo ĐGN ( <i>nếu sau 2 lần vẫn chưa có đủ 2/3 số thành viên trong đoàn thống nhất ý kiến</i> ).	Cả đoàn	13/11/2021
7	Gửi Dự thảo báo cáo ĐGN cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền ( <i>thông qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV</i> ).	Trưởng đoàn, thư ký	14 - 19/11/2021
8	Phản hồi ý kiến của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về dự thảo báo cáo ĐGN CTĐT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	20 - 30/11/2021
9	Hoàn chỉnh báo cáo và gửi báo cáo ĐGN CTĐT ( <i>bản cuối</i> ) cho cơ sở giáo dục ( <i>thông qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV</i> ).	Trưởng đoàn, thư ký	15 ngày sau khi nhận được ý kiến từ cơ sở giáo dục

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**  
(Đã ký)

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
(Đã ký)

**PHỤ LỤC Đ**  
**PHẢN HỒI CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**  
**VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số: **5481** -CV/HVBCTT  
V/v đồng ý Dự thảo Báo cáo  
đánh giá ngoài chương trình đào tạo

*Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

Kính gửi: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh

Ngày 04/11/2021, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã nhận được Công văn số 221/KĐCLV ngày 04/11/2021 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (sau đây gọi là Trung tâm) về việc thông báo lấy ý kiến cơ sở giáo dục về Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài các chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Triết học, Quan hệ công chúng, Quan hệ quốc tế, Xã hội học. Nhà trường phản hồi như sau:

• Từ ngày 15/10/2021 đến ngày 19/10/2021, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài của Trung tâm đã tổ chức khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chất lượng giáo dục các chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

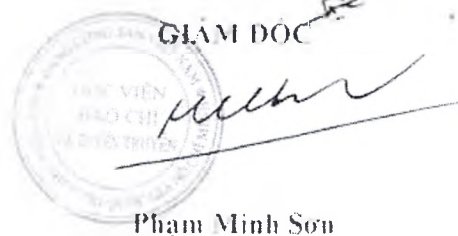
Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh chứng cụ thể của Nhà trường.

• Học viện Báo chí và Tuyên truyền đồng ý với nội dung trong Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài của Trung tâm và không có kiến nghị gì thêm.

Trân trọng,

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lưu VP, BGĐ,
- TKT&KĐCLĐL

**GIAM ĐOC**  
  
Phạm Minh Sơn

